

HOÀNG MINH THẢO



TÌM HIỂU VỀ
TỔ TIÊN TA
ĐÁNH GIẶC

(IN LẦN THỨ BA)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

HOÀNG MINH

TÌM HIỂU VỀ
TỔ TIÊN TA
ĐÁNH GIẶC

In lần thứ ba

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 1977

Dân tộc Việt Nam ta đã có hơn bốn nghìn năm lịch sử vẻ vang.

Đất nước Việt Nam đã có hàng mấy chục thế kỷ lịch sử đấu tranh anh dũng, quật cường và bất khuất.

Đó là lịch sử của một dân tộc anh hùng mà sự sống còn và phát triển luôn luôn gắn liền với lịch sử của những cuộc đấu tranh lâu dài chống kẻ thù xâm lược.

Điều đó ngày nay cả thế giới đều công nhận và nhất là được thực tế lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh một cách rất sinh động.

Nước Việt Nam chúng ta nằm ở ven biển Thái Bình Dương, cửa ngõ quan trọng đi vào lục địa Đông — Nam châu Á, nên suốt bao thế kỷ nay bọn xâm lược phong kiến và đế quốc luôn luôn nhòm ngó và xâm lăng. Nhưng dân tộc Việt Nam không bao giờ chịu khuất phục. Có thể nói từ ngày dựng nước đến nay, dân tộc ta đã đời này qua đời khác, bao phen đứng lên chiến đấu bảo vệ non sông đất nước, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, lập nên những chiến công oanh liệt: Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ...

Ngày nay dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã phát huy cao độ truyền thống anh hùng của dân tộc kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tiến lên giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Dân tộc ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nền dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông — Nam châu Á. Dân tộc ta đã đánh thắng oanh liệt hai cường quốc đế quốc là Nhật và Pháp. Dân tộc chúng ta đã đánh thắng, đang đánh thắng và nhất định đánh thắng hoàn toàn cường quốc đế quốc đầu sỏ — đế quốc Mỹ — tên hung nô của thời đại, kẻ thù số 1 của dân tộc ta và của cả loài người tiến bộ.

Thắng lợi đó không tách khỏi truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc. Và truyền thống đó bao giờ cũng là một nhân tố tạo thành sức mạnh chiến thắng của dân tộc ta. Ngày nay, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc trên cơ sở tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp công nhân, vẫn luôn luôn là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trước kia cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Vì vậy vấn đề nghiên cứu, học tập và phát huy truyền thống dân tộc luôn luôn là một đòi hỏi khách quan, một nhiệm vụ quan trọng đối với quân và dân ở trên cả hai miền Nam, Bắc nước ta.

Đề đáp ứng yêu cầu đó, một trong những việc làm vừa qua của Quân giải phóng Tây Nguyên là nghiên cứu, biên soạn và xuất bản (1971) cuốn sách **Tổ tiên ta đánh giặc** với nội dung:

- Một số cuộc chiến tranh chống ngoại xâm trong lịch sử;
- Một số vấn đề nghiên cứu về truyền thống của dân tộc ta.

Trong điều kiện chiến đấu hết sức khắt khe và gian khổ mà cuốn sách được xuất bản ngay tại chiến trường là một cố gắng rất lớn. Tuy nhiên cũng vì trong điều kiện chiến đấu như vậy nên cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế nhất định.

Đề phục vụ bạn đọc, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in lại cuốn **Tổ tiên ta đánh giặc** của Quân giải phóng Tây Nguyên dưới tên **Tìm hiểu về Tổ tiên ta đánh giặc**.

Xin trân trọng giới thiệu với các đồng chí và các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

VIỆT NAM. DÂN TỘC ANH HÙNG

Nước Việt Nam nằm ở miền đông nam châu Á, ven biển Thái Bình Dương.

Từ hàng chục vạn năm nay, người Việt Nam đã sinh sống trên khoảng đất đai gồm phần lớn miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Đến thế kỷ thứ XVII, đất nước Việt Nam đã bao gồm cả miền nam Trung Bộ và Nam Bộ ngày nay.

Từ đó đến nay, lãnh thổ thống nhất của nước ta đi từ diềm cực bắc, là chòm Lũng Cú trên cao nguyên Đồng Văn (Hà Giang), đến diềm cực nam là xóm Rạch Tàu trên mũi Cà Mau, diện tích 334.334 ki-lô-mét vuông. Trên lãnh thổ thống nhất đó đã sinh sống và phát triển các dân tộc hợp thành dân tộc Việt Nam thống nhất, cùng chung một lịch sử, một nền văn hóa, dân số hiện nay trên 31 triệu người.

Từ khi có lịch sử dân tộc, mở đầu bằng quốc gia Văn Lang, hơn bốn mươi thế kỷ đã trôi qua. Bốn nghìn năm lịch sử ấy là bốn nghìn năm dân tộc ta đấu tranh anh dũng kiên cường, liên tục, bền bỉ, chinh phục thiên nhiên hà khắc và chống sự xâm lược của nước ngoài để sống còn và phát triển.

Thế kỷ thứ III, trước công nguyên, An Dương Vương thành lập nước Âu Lạc, đóng đô tại Phong Khê (Cổ Loa, thuộc Hà Nội ngày nay). Trong lần đánh xuống phương Nam của tên Tần Thủy Hoàng, năm 218 trước công nguyên, một bộ phận trong 50 vạn quân Tần đã tiến đánh nước ta, bị nhân dân

ta anh dũng chống lại. Năm 180, trước công nguyên, Triệu Đà, một tướng của nhà Hán, tiến quân đánh chiếm Âu Lạc. Quân dân ta nhiều lần đánh bại quân xâm lược, nhưng rồi nước ta lại rơi vào ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Dân tộc ta mất nền độc lập bắt đầu từ đó.

Nhưng dân tộc ta quyết không chịu làm nô lệ, nhân dân ta quyết không chịu mất nước. Trong gần 12 thế kỷ, từ thế kỷ thứ II trước công nguyên đến thế kỷ thứ X, dân tộc ta đã hàng trăm lần anh dũng nổi dậy nhằm lật đổ ách thống trị của nước ngoài, khôi phục quyền làm chủ đất nước mình. Trong đó có nhiều cuộc nổi dậy rất lớn, trên quy mô cả nước.

Thế kỷ thứ I, năm 40, dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, dân tộc ta đã vùng lên giành 65 thành, lật đổ bọn thống trị, khôi phục nền tự chủ trong 3 năm. Sau đó lại bị nhà Hán đặt ách nô dịch.

Tiếp theo những cuộc khởi nghĩa của Chu Đạt (năm 160), Lương Long (năm 178), là cuộc nổi dậy anh dũng của nhân dân ta năm 218, dưới sự lãnh đạo của Bà Triệu.

Tiếp đó, năm 541, Lý Bôn nổi dậy lật đổ ách thống trị của nhà Lương, khôi phục chủ quyền dân tộc, lập nên nhà nước Vạn Xuân. Ba năm sau, quân Lương tiến sang xâm lược. Quân và dân ta chống đánh quyết liệt, nhưng Lý Bôn phải rút về Khuất Lão (Hưng Hóa, thuộc Vĩnh Phú ngày nay) trao binh quyền cho Triệu Quang Phục. Trong nhiều năm liên tiếp, Triệu Quang Phục dựa vào đầm Dạ Trạch (thuộc Hải Hưng ngày nay) làm chỗ đứng chân, chuyển sang không trực tiếp đối diện chiến đấu chống địch, mà ngày thì ăn, đêm đánh úp, làm địch mệt mỏi suy yếu, cuối cùng tiến lên đánh lớn, quét ngã quân thù, thu phục thành Long Biên, giải phóng đất nước. Nhà nước Vạn Xuân tồn tại đến năm 602 thì bị nhà Tùy thôn tính.

Năm 722, Mai Thúc Loan liên minh với các nước Lâm Ấp và Chân Lạp nổi lên đuổi bọn thống trị nhà Đường,

nhưng sau đó đã bị quân Đường tăng viện đánh bại. Tiếp đó là cuộc nổi dậy của Phùng Hưng năm 791. Trước sự xâm lược tàn bạo của quân thù, nhân dân các dân tộc trong cả nước ta đều một lòng đứng dậy đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Trong thời kỳ này nhân dân Tây Bắc cũng quật cường đứng dậy chiến đấu diệt thù. Nhân dân Thái có các lãnh tụ Lý Tự Tiên và Dương Thanh đều cùng lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược. Đến đầu thế kỷ thứ X, nhân lúc chính quyền thống trị đang suy yếu trầm trọng, năm 905, Khúc Thừa Dụ lãnh đạo nhân dân ta nổi dậy lật đổ chính quyền đô hộ, tiến quân chiếm lấy thành Tống Bình (thuộc miền Hà Nội ngày nay) quét sạch quân Đường mở đầu thời kỳ độc lập của dân tộc. Cuối năm 931, Dương Diên Nghệ đã quét sạch quân Nam Hán khôi phục chủ quyền dân tộc.

Năm 938, Nam Hán phái quân đội xâm lược nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân và dân ta đã chiến đấu rất anh dũng, giành chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng, tiêu diệt phần lớn quân xâm lược, kết thúc trên 12 thế kỷ bị nô dịch và mở ra giai đoạn lịch sử mới: dân tộc ta hoàn toàn giành lại nền độc lập, quyền làm chủ đất nước và sự toàn vẹn về lãnh thổ.

Trong hơn 12 thế kỷ trên, dân tộc ta luôn luôn tỏ ra kiên cường bất khuất, anh dũng vùng lên, do thiếu kinh nghiệm nên tạm thời thất bại, lại quật khởi nổi dậy, nhân dân ta đã dùng vũ lực chống lại vũ lực của quân thù, cho đến lúc hoàn toàn thoát khỏi ách thống trị của phong kiến nước ngoài, hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình. Chiến thắng Bạch Đằng lịch sử năm 938 biểu hiện rực rỡ về sự kết hợp chặt chẽ của tinh thần anh dũng kiên cường và mưu trí sáng tạo của dân tộc ta. Chiến thắng đó đã quyết định thắng bại trong cuộc vật lộn trường kỳ quyết liệt, giữa dân tộc ta và bọn xâm lược thống trị nước ngoài trên hơn một nghìn năm lịch sử.

Năm 981, nhà Tống phái quân sang xâm lược nước ta. Trên ải Chi Lăng và sông Bạch Đằng, Lê Hoàn đã đánh bại hoàn toàn quân Tống giữ vững nền độc lập dân tộc. Nước ta bước vào thời kỳ chế độ phong kiến tập quyền.

Giữa thế kỷ XI, nhà Tống âm mưu xâm lược nước ta lần nữa. Dưới sự lãnh đạo của Lý Thường Kiệt, từ năm 1075 đến năm 1077, quân và dân ta đã đập tan mưu đồ đó, chủ động đánh đòn phủ đầu mãnh liệt vào căn cứ tiến quân của địch, rồi chặn đứng quân xâm lược trên đất nước ta, chuyển sang phản công anh dũng, quét sạch quân Tống ra khỏi bờ cõi.

Đến thời Trần, trong khoảng 30 năm, dân tộc ta đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đẩy lui ba lần tiến quân xâm lược của quân Nguyên, một đế quốc thuộc loại mạnh nhất thời ấy đang thống trị toàn Trung Quốc và trên nửa châu Âu. Chiến thắng vang dội Đông Bộ Đầu (1258), Tây Kết, Vạn Kiếp (1285), Bạch Đằng — Nội Bàng (1288) là những chiến thắng nổi tiếng hết sức oanh liệt, tiêu diệt hàng mấy chục vạn quân hung nô xâm lược. Trong thời nhà Trần đánh quân Nguyên, ở Lạng Sơn có Nguyễn Lộc lãnh đạo nhân dân địa phương đánh đàng sau quân Nguyên khi chúng đã tiến qua Lạng Sơn về Thăng Long.

Ở Vĩnh Phú (cũng trong thời nhà Trần) có Hà Đặc và Hà Chương cũng lãnh đạo nhân dân các dân tộc ở địa phương đứng lên đánh quân Nguyên.

Năm 1407, nhà Minh cất quân xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại. Nhân dân ta liên tục vùng lên. Và chỉ 10 năm sau, cờ khởi nghĩa lại phát lên từ Lam Sơn. Trải qua 10 năm chiến đấu gian khổ và anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi — Nguyễn Trãi, dân tộc ta liên tục tiến công, tiêu diệt hết đạo quân này đến đạo quân khác của địch, mở rộng vùng giải phóng, tiến lên hoàn toàn tiêu diệt địch ở Chi Lăng — Xương Giang; buộc

10 vạn quân dịch còn lại đầu hàng, kết thúc 20 năm thống trị của nhà Minh (1427).

Hơn 3 thế kỷ sau, nước ta đứng trước nguy cơ bị nhà Mãn Thanh thống trị. Năm 1789, đạo quân nông dân đầy nhuệ khí đã từng quét đổ nền thống trị của bọn phong kiến phản động Nguyễn, Trịnh, Lê, dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Huệ, đã cùng toàn dân làm nên chiến công hiển hách, trong khoảng 5 ngày, chiến đấu mãnh liệt và thần tốc, với trận Ngọc Hồi — Đống Đa oanh liệt, tiêu diệt 20 vạn quân xâm lược, giữ vững độc lập thống nhất của dân tộc chấm dứt nạn xâm lược của phong kiến phương Bắc luôn luôn đe dọa dân tộc ta từ trên 20 thế kỷ.

Đến thế kỷ thứ XIX, dân tộc ta lại đứng trước một kẻ thù mới: chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Năm 1858, đế quốc Pháp được đế quốc Tây Ban Nha giúp sức, bắt đầu xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng từng bước; đến năm 1883 đã hoàn toàn bán nước ta cho bọn đế quốc Pháp. Nhưng ngay từ khi quân xâm lược đặt chân vào nước ta, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên cầm vũ khí đánh quân thù. Trương Định phát cao cờ khởi nghĩa, liên tục đánh địch trên miền đồng bằng rộng rãi của Nam Bộ, đã từng nhiều lần đánh bại thủy quân và lục quân của quân viễn chinh Pháp. Từ Hương Sơn, Phan Đình Phùng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy đánh địch trên 10 năm. Hoàng Hoa Thám dựa vào vùng Yên Thế, đã cùng nông dân phát cao cờ nghĩa, anh dũng bền bỉ tiêu hao, tiêu diệt địch trong hơn 30 năm. Ma Trang Lơ ở Dắc Lắc (Tây Nguyên) đã lãnh đạo nhân dân Tây Nguyên đứng lên chống Pháp một cách kiên cường bất khuất hàng chục năm trời ở vùng rừng núi hiểm trở. Và còn rất nhiều nhà yêu nước khác ở miền đồng bằng cũng như trên miền núi, đã bền bỉ vùng lên chống nền thống trị của thực dân Pháp. Vì không có một đường lối đúng đắn lãnh đạo, những cuộc khởi nghĩa anh dũng đó đã

lần lượt bị thất bại, nhưng vũ khí của quân thù không bao giờ dập tắt nổi ngọn lửa yêu nước, tinh thần dân tộc của nhân dân ta.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, phát cao ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, phát động một phong trào giải phóng dân tộc sôi nổi với *đỉnh cao* là Xô-viết Nghệ - Tĩnh (1930 — 1931). Kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời học tập những kinh nghiệm quý báu của các đảng anh em, Đảng Cộng sản Đông Dương ngày nay là Đảng Lao động Việt Nam, đã vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn để giải phóng nhân dân; kiên quyết dùng bạo lực cách mạng để lật đổ ách thống trị của đế quốc, của phong kiến, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, đem lại ruộng đất cho dân cày và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* * *

Mười lăm năm sau khi ra đời, Đảng đã nhằm lúc quân đội Xô viết anh hùng đánh thắng bọn phát xít Nhật, đã lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Chưa đầy một tháng sau, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài và cực kỳ anh dũng chống bọn thực dân Pháp xâm lược có đế quốc Mỹ giúp sức và cuối cùng đã giành được thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ, chấn động hoàn cầu, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Từ năm 1954, nhân dân ta tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đấu tranh yêu nước để giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà.

Ở miền Bắc, sau khi hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, từng bước xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Hiện nay vừa chiến đấu vừa sản xuất, miền Bắc nước ta tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã đánh bại « chiến tranh phá hoại » bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Ở miền Nam, sau thắng lợi của « đồng khởi », nhân dân ta đã đánh thắng cuộc « chiến tranh đặc biệt » và đang đánh thắng cuộc « chiến tranh cục bộ » của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, lập nên những kỳ công chói lọi nhất trong lịch sử đấu tranh anh dũng kiên cường của dân tộc từ trên bốn nghìn năm nay.

Chỉ trong một thời gian lịch sử ngắn ngủi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã liên tục đánh thắng chủ nghĩa quân phiệt của đế quốc Nhật, chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp và đang đánh thắng chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Trong suốt bốn nghìn năm lịch sử, dân tộc ta đã chiến đấu anh dũng kiên cường, không hề mệt mỏi, đã chiến thắng oanh liệt, vẻ vang, giữ vững độc lập của dân tộc, thống nhất của Tổ quốc.

Từ An Dương Vương lập nước đến nay, chỉ tính những cuộc chiến tranh (tự vệ và giải phóng) lớn, có quy mô cả nước, dân tộc ta đã trải qua hàng chục cuộc chiến tranh quyết liệt một mất một còn với mọi kẻ thù, để giữ gìn độc lập, thống nhất. Rất nhiều lần nổi dậy lật đổ ách thống trị của nước ngoài. Trong hàng chục lần đứng lên chống lại sự xâm lược vũ trang của giặc ngoài, có một số lần tạm thời thất bại còn phần lớn lần thành công

hiền hách, với những chiến công oanh liệt Bạch Đằng, Sông Cầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp, Tốt Động — Chúc Động, Chi Lăng, Xương Giang, Ngọc Hồi — Đống Đa. — Tổng khởi nghĩa tháng Tám, Điện Biên Phủ... lịch sử dân tộc ta nói lên rằng, một dân tộc người không đông, đất không rộng, nhưng anh dũng kiên cường, quyết đánh quyết thắng, có đường lối đúng đắn lãnh đạo, có nỗ lực chủ quan phi thường, thì nhất định có thể đánh bại mọi quân thù.

Đặc điểm và nội dung chủ yếu của các cuộc chiến tranh đó như sau :

— Cuộc chiến tranh do Hai Bà Trưng lãnh đạo là một cuộc khởi nghĩa vũ trang, một cuộc đồng khởi, khởi nghĩa cả nước, ở cả trung ương và các địa phương. Quân thù bị đánh dồn ngay, không chống cự nổi, không ứng cứu lẫn cho nhau được. Đó là một cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang thắng lợi.

— Cuộc chiến tranh do Lý Bôn và Triệu Quang Phục lãnh đạo cũng là một cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang thắng lợi. Sau đó lại tiếp tục tiến hành một cuộc chiến tranh du kích và rồi từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung ; cuối cùng giành được thắng lợi, giữ vững được nước non bờ cõi.

— Cuộc chiến tranh do Lý Thường Kiệt tiến hành là một cuộc chiến tranh chính quy, đánh tập trung, có cả đánh trận địa và đánh vận động.

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến rất tích cực có tư tưởng tiến công cao ; đánh phủ đầu quân địch đang chuẩn bị tiến công ta, phá tiến cuộc tiến công của địch ngay trong trứng nước.

Phòng ngự trận địa kết hợp với phản công đề tiêu diệt địch, đánh bại cuộc tiến công của địch.

— Cuộc chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo là một cuộc chiến tranh chính quy kết hợp với chiến tranh du kích, đánh vận động là chủ yếu kết hợp với đánh thành, đánh trận địa.

Về chỉ đạo chiến tranh, xác định được đường lối và nguyên tắc chỉ đạo đánh một kẻ địch mạnh hơn mình, mạnh nhất thế giới thời kỳ bấy giờ, là như địch vào sâu, phân tán chia cắt quân địch, vừa đánh vào sinh lực, vừa đánh vào tiếp tế, làm cho địch khó khăn, mệt mỏi, khốn quẫn về các mặt, rồi tập trung lực lượng tiêu diệt từng bộ phận, từng cánh quân đi đến tiêu diệt hoàn toàn.

Nhìn chung về cả chiến lược, chiến dịch và chiến thuật, cuộc chiến tranh là một cuộc chiến tranh vận động, tính cơ động về mặt chiến lược cao. Nhưng về mặt chiến dịch và chiến thuật cũng có kết hợp một phần với đánh thành, đánh trận địa khi cần thiết.

— Cuộc chiến tranh do Lê Lợi chủ trương là một cuộc chiến tranh du kích lâu dài. Từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung. Những vấn đề chiến lược quan trọng là xây dựng lực lượng, tổ chức các thứ quân, xây dựng căn cứ địa, đánh quân địch yếu trước, đánh quân địch mạnh sau.

Về chiến lược, chiến dịch và chiến thuật chủ yếu là đánh vận động. Trong chiến thuật thì lấy phục kích là chủ yếu, khi cần có tập kích và rất ít đánh thành.

— Cuộc chiến tranh do Quang Trung lãnh đạo là một cuộc chiến tranh chính quy, đánh tập trung cao và chủ yếu là đánh công thành, đánh trận địa, có kết hợp đánh vận động khi cần thiết.

Về chiến lược là một cuộc chiến tranh cơ động rất cao. Về chiến dịch và chiến thuật thì chủ yếu là đánh công thành, sức đột phá trong tiến công rất mạnh, kết hợp với nghệ thuật bao vây vu hồi rất tài tình. Nghệ thuật bao vây vu hồi của Quang Trung không những chỉ thực hành trong chiến dịch mà còn thực hành cả về chiến lược. Đó là tư tưởng tiến công rất tích cực, tư tưởng đánh tiêu diệt rất cao, đánh tiêu diệt triệt để.

Phần thứ nhất

MỘT SỐ CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG LỊCH SỬ¹

I. CHIẾN TRANH TỰ VỆ THỜI LÝ CHỐNG TỐNG (1075—1077)

Đầu thế kỷ thứ X, triều Lý được thành lập đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của nước ta. Trên cơ sở một nền kinh tế nông nghiệp khá phát triển với những công trình thủy lợi và hệ thống đê điều đã được mở mang, chế độ phong kiến trung ương tập quyền được củng cố và hoàn bị dần dần. Nước Đại Việt với kinh đô mới là Thăng Long — nơi trung tâm của đất nước — đã trở thành một quốc gia hoàn chỉnh có chính quyền trung ương vững chắc, có lực lượng vũ trang khá mạnh.

Thời kỳ ấy, nhà Tống đã làm chủ Trung Quốc, nhưng luôn luôn bị nạn uy hiếp, xâm lấn của hai nước Liêu, Hạ, ở phía bắc, mà không sao trừ diệt được. Cho nên nhà Tống chủ trương thực hiện chính sách «trước Nam, sau Bắc», tức là đánh nước ta ở phía Nam trước, để gây thanh thế và sức mạnh, khiến có thể đánh thắng Liêu, Hạ ở phía

1. Đề mục này chúng tôi thêm vào (NXBQDND).

sau. Do đấy, nhà Tống đã luôn luôn dòm ngó nước ta và đã thực tế bắt tay vào việc chuẩn bị xâm lược.

Chúng mua chuộc, chia rẽ các dân tộc miền núi với nhân dân miền xuôi, cắt đứt quan hệ buôn bán giữa hai nước, luyện binh dồi tướng, đóng thuyền, tích trữ quân lương, quấy rối biên giới, lôi kéo Chiêm Thành. Ba châu Ung — Khâm — Liêm (thuộc Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay) đã trở thành những căn cứ rất quan trọng, nơi tập trung quân đội, lương thực, khí giới chuẩn bị cho cuộc xâm lược sắp tới.

Năm được âm mưu của giặc, nhà Lý cũng ra sức chuẩn bị đối phó. Đối với dân, đi đôi với những biện pháp kinh tế để phát triển sản xuất nông nghiệp, triều Lý nói rộng luật lệ, giảm thuế, tranh thủ nhân dân miền núi. Về mặt quân sự: tích cực luyện binh, tập trận, tăng cường lực lượng phòng thủ biên giới ở cả hai mặt bắc — nam. Ngoài ra dùng một số biện pháp như tăng cường đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo, hậu đãi các lão thần, mở khoa thi tuyển nhân tài...

Sang năm 1075, dân tộc ta đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu.

1. ĐỀ CHẶN THỂ MẠNH CỦA GIẶC, QUÂN ĐỘI ĐẠI VIỆT TIẾN CÔNG UNG — KHÂM — LIÊM

Trước âm mưu và hành động chuẩn bị xâm lược ngày càng nghiêm trọng rõ rệt của Tống, Phụ quốc Thái úy Lý Thường Kiệt chủ trương: *« Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước chặn thể mạnh của giặc »*. Theo ông thì trước khi Tống khởi sự, ta nên đánh vào các châu Ung — Khâm — Liêm là những căn cứ quan trọng của giặc để đánh sang ta, nhằm làm yếu sức tiến công của chúng, do đó mà đạt được mục đích của chiến tranh tự vệ. Chủ trương này được triều đình tán thành.

Nhằm đúng lúc Tống đang gặp nhiều khó khăn lớn, trong thì nhân dân chống đối, ngoài thì Liêu, Hạ uy hiếp, Lý Thường Kiệt chỉ huy 10 vạn quân tiến vào đất Tống.

Trước tiên, dùng 4 vạn quân (gồm phần lớn thổ binh, tiến công ở dọc biên giới, nhằm thu hút lực lượng địch) Sau đó 6 vạn đại quân vượt biên, bất ngờ đổ bộ đánh chiếm các cảng Khâm (Khâm Châu), Liêm (Hợp Phố), rồi tiến về phía thành Ung (Nam Ninh) hợp với đạo quân từ phía biên giới theo hướng Vĩnh Bình đánh sang.

Ngày 15-9 (26-10-1075) suốt dọc biên giới từ Quảng Uyên (Cao Bằng) tới Vĩnh An (Móng Cái) quân ta bất ngờ tiến công phá hủy các đồn trại và tiêu diệt nhiều binh lính, tướng lĩnh địch. Bị đánh bất ngờ, triều đình Tống không kịp đối phó.

Ngày 20 tháng 10 (30-12-1075), đại quân ta đổ bộ lên cảng Kham. Địch hoàn toàn bị bất ngờ và bị tiêu diệt toàn bộ. Bốn ngày sau, một cánh quân khác của ta đổ bộ bất ngờ vào cảng Liêm, hạ luôn thành này. Từ châu Liêm, một bộ phận quân ta tiến lên Ung Châu nhằm chặn viện binh địch từ phía đông kéo tới.

Trên hai hướng, 10 vạn quân Đại Việt tiến sâu vào đất Tống, nhằm hướng chung là thành Ung. Trên đường hành binh, với quan niệm nghĩa chính đáng là chỉ đánh quân Tống để giữ nước và đưa quân tới để cứu dân, quân đội Đại Việt đã tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của nhân dân Tống.

Ngày 10 tháng chạp (18-1-1076), đại quân ta đã vây chặt thành Ung.

Trước thế tiến công hết sức bất ngờ và mạnh mẽ của quân ta, triều Tống lúc đầu rất bị động, lúng túng. Nhưng sau đó, chúng cho rằng: đại quân ta kéo vào đất Tống, trong nước tất tưởng rằng có thể nhân cơ hội này mà đánh úp, sau đó sẽ tập trung lực lượng tiêu diệt đại quân Lý Thường Kiệt.

Thực hiện âm mưu trên, một mặt chúng lo đối phó với quân ta ở trước mặt (di chuyển kho tàng, cố thủ các thành quan trọng, tăng viện, v.v.), một mặt chúng điều động quân đội, chọn tướng lĩnh thành lập « An Nam hành doanh » chỉ huy đại binh tiến thẳng sang ta.

Trong kế hoạch trên, việc giữ được thành Ung là điểm then chốt, vì đó là căn cứ chính của địch để đánh sang ta, đó là nơi kìm chân quân đội Đại Việt, nên địch kiên quyết giữ. Về phía ta, nhận rõ tầm quan trọng của thành Ung, ta cũng kiên quyết đánh. Do đó trận chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt.

Đoán chắc địch có thể từ phía bắc kéo xuống cứu viện thành Ung Châu, nên ngay trong lúc đang vây đánh thành Ung, Lý Thường Kiệt đã phái một đạo quân quan trọng tiến lên phía Côn Lôn Quan (cách Ung Châu khoảng 40 km về phía bắc) để chặn địch từ Quế Lam kéo xuống và ngày 4 tháng giêng, ta tiêu diệt được đạo viện binh địch ở Côn Lôn Quan. Ngày 23 tháng giêng, sau 42 ngày vây hãm và tiến công quyết liệt, ta hạ thành Ung, diệt và bắt sống nhiều địch.

Nhận thấy những mục đích của cuộc tiến công đã đạt, nhiều lực lượng địch bị tiêu diệt, nhiều thành lũy lớn nhỏ bị san bằng, lương thực, khí giới bị hủy hoặc bị đoạt, sự chuẩn bị xâm lược của giặc bị phá vỡ nghiêm trọng. Lý Thường Kiệt quyết định lui quân về nước. Cuộc lui quân đúng lúc của ta không những đã bảo toàn được lực lượng mà còn phá luôn được cả kế hoạch nham hiểm của giặc định đánh úp nước ta. Tất cả những điều đó sẽ gây ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc tiến quân xâm lược của Tống vào Đại Việt sau này: chúng phải tiến quân trong những điều kiện chính trị, quân sự không lợi, trong một thế bị động khá sâu sắc.

2. QUÂN TỔNG XÂM LƯỢC ĐẠI VIỆT

Chặt vật mồi, tới tháng 10 năm 1076, Tống mới điều động và dẫn được quân ra biên giới. Lực lượng có 10 vạn quân chiến đấu, 20 vạn quân tải lương. Quách Quỳ làm thống soái.

Kế hoạch của giặc là : đại quân sẽ tiến theo hướng Lạng Sơn, Thăng Long ; thủy quân sẽ dọc theo ven biển vào sông Bạch Đằng ; sau khi đánh tan các đạo quân thủy, bộ của ta, chúng sẽ hội quân, dùng thuyền vượt sông, đánh chiếm Thăng Long.

Về phía ta, sau khi rút quân về nước, biết rõ Tống sẽ sang xâm lược, quân dân ta cũng tích cực chuẩn bị đối phó. Kế hoạch như sau :

— Trên khu vực biên giới, chủ yếu sử dụng các lực lượng thổ binh, hương binh bố trí lại một số nơi như Quảng Uyên (Cao Bằng), Hạ Liêu và Cồ Lộng (vùng tiếp giáp giữa Bắc Cạn và Thái Nguyên), Quyết Lý và Giáp Khẩu (tức Châu Ôn và Chi Lăng) có nhiệm vụ tiêu hao ngăn chặn địch. Quyết Lý và Giáp Khẩu là hướng quan trọng, được tăng cường một bộ phận quân triều đình do phò mã Thân Cảnh Phúc chỉ huy. Ven biển có thủy quân đóng căn cứ lại Vạn Đồn (thuộc Quảng Yên) phối hợp với quân bộ đóng ở Ngọc Sơn (thuộc Móng Cái), có nhiệm vụ đánh chặn địch trên vùng biển Đông Kênh (ven biển Quảng Ninh ngày nay).

— Chiến tuyến chính là ở trung du, dựa vào bờ nam sông Như Nguyệt (sông Cầu), đắp đê cao, có rào giậu chắc chắn, chạy dài từ sườn đông bắc dãy Tam Đảo đến sườn tây nam dãy Nham Biền (Yên Dũng, Hà Bắc) khoảng trên 200 dặm (chừng 100 km). Dưới sông có thủy quân, trên thành có quân đóng và tuần tiễu, tập trung gần các bến dò quan trọng.

Dại quân gồm 2 bộ phận: quân bộ đóng ở vùng Thiên Đức (giữa Bắc Ninh và Thăng Long), quân thủy có trên 400 chiến thuyền đóng tại vùng Vạn Xuân (Phả Lại ngày nay), cả 2 bộ phận đều có thể sẵn sàng cơ động ra đánh địch ở các hướng.

Cuối tháng 11 năm 1076, chiến sự bắt đầu trên khu vực biên giới. Trước tiên, Quách Quỳ cử một đạo quân đánh chiếm Quảng Uyên, nơi y nhận định là «cổ họng» của nước ta. Nhưng chúng đã vấp phải sức chống trả mạnh mẽ của quân dân Quảng Uyên. Cuối cùng với thủ đoạn mua chuộc, ly gián, chúng đã lôi kéo được Lưu Kỳ, người chỉ huy ở khu vực ấy và chiếm được đất Quảng Uyên.

Ngày 11 tháng chạp, đại quân Tống chia làm nhiều cánh vượt biên giới trên hướng Lạng Sơn, chiếm được các Châu Ôn, Quyết Lý, Quang Lang, Tô Mậu... Đè tiến nhanh, Quách Quỳ cho đại quân vòng sang phía tây, lọt giữa 2 đạo quân ta, theo đường tắt vượt qua dãy Bắc Sơn và tiến đến sông Phú Lương (sông Cầu, thuộc phần đất Thái Nguyên ngày nay). Đồng thời cho một bộ phận vòng đánh vào phía sau lưng Thân Cảnh Phúc. Thân Cảnh Phúc cho bộ phận chủ yếu của mình lại hướng Vạn Xuân, giữ liên hệ với thủy quân, bộ phận còn lại phân tán dựa vào rừng núi hiểm trở, dùng lối đánh tia, đánh úp, đánh lén, đánh phục các toán quân nhỏ, nhất là các đoàn tải lương của địch.

Sau một tháng tác chiến trên khu vực biên giới, ngày 21 tháng chạp (18-1-1077), đại quân Tống đã tiến đến bờ bắc sông Cầu. Cánh phải do Miêu Lý chỉ huy tập trung trên đoạn bến Như Nguyệt, cánh trái do Quách Quỳ chỉ huy đóng ở Thị Cầu.

Nhưng trên biên, thủy quân địch đã bị ta đánh bại, phải rút về đóng ở cửa Đông Kênh (có thể là Tiên Yên ngày nay) cho tới hết chiến tranh.

Cuối tháng chạp, Miêu Lý cho bắc cầu nổi, vượt sông tiến công trên bến Như Nguyệt. Quân ta đánh lại quyết liệt. Nhưng có bộ phận địch đã đột nhập được chiến tuyến, đi tới tiến sâu. Kỵ binh đi trước của chúng có lúc đã đến cách Thăng Long khoảng 15 dặm, nhưng đã bị một bộ phận quân ta từ phía Thiên Đức cơ động tới bao vây tiêu diệt.

Chờ mãi không thấy thủy quân tới, Quách Quỳ phải cho đóng bè chở quân đánh sang. Cuộc tiến công lớn này lại bị thất bại hết sức nặng nề, đến nỗi Quách Quỳ phải quay về cố thủ bờ bắc và hạ lệnh «ai bàn đánh sẽ bị chém».

Đề làm địch càng bị tiêu hao mệt mỏi, cả phía trước lẫn phía sau, ta đều tăng cường hoạt động, đánh lén, đánh úp... làm chúng phải bị động đối phó và sa vào thế thiếu thốn lương thực nghiêm trọng.

Năm thời cơ địch tuy còn đông (8 vạn) nhưng sức lực, sĩ khí giảm sút, ý chí tiến công không còn. Lý Thường Kiệt cho bắt đầu phản công.

Trên đoạn từ đông Nham Biền đến tây Vạn Xuân, Hoảng Chân chỉ huy 400 chiến thuyền và vài vạn quân đánh sang tiến sâu vào đất địch. Địch liều chết chống lại và tung kỵ binh ra phản kích. Ta lui quân về bờ nam sau khi đã gây tổn thất lớn cho địch, đặc biệt là đội kỵ binh cơ động Quách Quỳ.

Nhân lúc địch tập trung đối phó ở phía cánh phải, Lý Thường Kiệt chỉ huy đại quân vượt sông Phú Lương, tiến công giặc cánh trái, thu được thắng lợi rất lớn. Theo *Việt sử lược*, trong trận này địch 10 phần đã bị giết 5, 6 phần.

Những thắng lợi liên tiếp của quân ta đã đẩy địch vào một tình trạng hết sức khốn quẫn. Từ tiến công chuyển vào phòng ngự, bị động chịu đòn, quân bốn phần đã mất ba, trước mặt cũng bị đánh, sau lưng cũng bị thù binh,

hương binh đánh. Lương thảo đã gần cạn, sức cùng, chí nản. Vua quan nhà Tống cũng hoang mang, mâu thuẫn giữa phe chủ hòa, chủ chiến càng tăng.

Nắm rõ tình hình trên, dựa vào sức mạnh và thanh thế đang lên của quân dân ta, đề kết thúc chiến tranh một cách có lợi cho ta, Lý Thường Kiệt chủ động cử người sang gặp Quách Quỳ bàn hòa với điều kiện: toàn bộ quân Tống phải rút khỏi đất nước mà ta sẽ sang giao hảo và tu cống.

Trước nguy cơ sắp sửa bị tiêu diệt, không còn con đường nào khác, Quách Quỳ vội nhận điều kiện trên và không chờ lệnh triều đình, y lập tức rút quân. Ta thu hồi toàn bộ đất đai, trừ Quảng Uyên, địch còn ngoan cố chống lại.

Tháng 2 năm 1077, 23.400 quân chiến đấu và 3.174 ngựa của Quách Quỳ đã về tới đất Tống. Trong hơn hai tháng chiến đấu anh dũng, ta đã tiêu diệt trên 19 vạn quân chiến đấu và tái lương và gần 6 nghìn ngựa của địch. Tính cả trận tiến công vào Ung—Khâm—Liêm, gần 30 vạn quân địch đã bị tiêu diệt.

3. TIẾP TỤC TIẾN CÔNG NGOẠI GIAO GIÀNH TOÀN VẬN LÃNH THỜ

Quyết không chịu để một bộ phận đất đai của ta lọt vào tay nhà Tống, trên cơ sở thắng lợi lớn về quân sự vừa qua, nhà Lý đã dùng ngoại giao liên tục tiến công trên hai năm, buộc Tống phải trả hoàn toàn đất Quảng Uyên về với ta.

Cuộc đấu tranh đó rất gay go, có lúc đã căng thẳng cao độ. Lợi dụng những bất đồng trong nội bộ triều Tống và những khó khăn của Tống đang bị Liêu, Hạ uy hiếp ở phương bắc. Đi đôi với việc dùng lý lẽ đấu tranh, nhà Lý còn cho tập trung quân xung quanh Quảng Uyên làm áp

lực kết hợp với đấu tranh của nhân dân ở bên trong và cuối cùng đã thu được thắng lợi. Năm 1079, sau khi được ta giao trả 221 tù binh, những tên xâm lược cuối cùng của Tống đã phải rút khỏi Quảng Uyên.

Sau này còn tiếp tục đấu tranh buộc Tống phải công nhận Đại Việt là một nước riêng biệt chứ không phải là một quận của Tống, vua Lý là một *quốc vương* chứ không phải là «Giao Chỉ quận vương» như vua Tống thường «phong».

Những cuộc đấu tranh ngoại giao nói trên đã thu hồi được toàn vẹn lãnh thổ và đã nâng cao địa vị của nước ta, của dân tộc ta.

II. BA LẦN CHIẾN TRANH TỰ VỆ THỜI TRẦN CHỐNG NGUYÊN (1258 — 1285 — 1288)

Đầu thế kỷ thứ XIII, ở nước ta, triều Trần thay thế triều Lý. Kinh tế nông nghiệp phát triển, chế độ phong kiến trung ương tập quyền được củng cố vững chắc hơn trước.

Cũng thời gian này, nhà nước phong kiến Mông Cổ đã hình thành và chỉ trong vài chục năm, đã phát triển thành một đế quốc lớn mạnh chưa từng thấy trong lịch sử thế giới từ trước đến giờ.

Chúng đã xâm lược rất nhiều nước ở châu Âu và châu Á. Phía châu Âu, vó ngựa của quân Mông Cổ đã đến Đức, Ba-lan, Hung-ga-ri và đến tận Vơ-ni-dơ (Ý), làm chấn động cả châu Âu. Phía nam, chúng chiếm Trung Quốc, Cao Ly... Một đế quốc rộng mênh mông được thành lập từ bờ biển Hắc Hải cho đến Thái Bình Dương. Quân Mông Cổ rất thiện chiến; đoàn quân kỵ binh nổi tiếng đánh đâu thắng đấy của chúng dong dẫu khắp nơi đã từng đánh bại nhiều quân đội các nước, kể cả những đoàn kỵ binh nổi tiếng đương thời.

Thế nhưng, ba lần xâm lược nước ta là cả ba lần bị ta đánh cho đại bại, gần 1 triệu quân bị đánh tan.

Lịch sử của dân tộc ta đã ghi thêm rất đậm nét những chiến thắng cực kỳ oanh liệt vẻ vang của thế kỷ thứ XIII.

1. CHIẾN TRANH LẦN THỨ NHẤT (1258)

Sau khi thống trị một nửa châu Âu và một phần châu Á, đế quốc Mông Cổ chuyển về đánh Trung Quốc (triều Nam Tống).

Từ nước Đại Lý (Vân Nam) một cánh quân do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy, với danh nghĩa « mượn đường », định đánh lấy nước ta làm bàn đạp tiến vào Nam Tống, hội binh tại Ngạt Châu (Vũ Xương) với các cánh quân của Mông Kha và Hốt Tất Liệt từ phía Bắc đánh xuống.

Biết được dã tâm của giặc, vua Trần và Trần Thủ Độ kiên quyết chống lại. Trước tiên cử một đạo quân lên biên giới chặn địch, còn đại quân theo đường thủy bộ sẽ tiến lên sau.

Đầu tháng chạp âm lịch (1258), quân Mông Cổ vượt biên giới, sau vài trận giáp chiến ở khoảng đông nam Lào Cai ngày nay, trước quân địch còn sung sức, tiền quân của ta lui dần từng bước về Phú Thọ. Đại quân của ta cũng đang lúc kéo lên. Đại quân hai bên gặp nhau ở vùng Bạch Hạc. Sau trận đánh giữa hai đội tiền quân của hai bên, tướng Mông Cổ định chặn đường phía sau quân ta, cướp thuyền chiến, cắt đường rút lui của quân đội ta, rồi bao vây tiêu diệt.

Nhận thấy quyết chiến ngay không có lợi, ta chỉ dè một bộ phận chặn đánh yểm hộ cho đại quân lui một bước về xuôi. Quân Mông Cổ vô huyệt, tràn xuống xuôi theo, tới Bình Lệ Nguyên (gần Hương Canh, Vĩnh Phú ngày nay), đại quân hai bên lại gặp nhau, tình thế bên ta rất không lợi, một lần nữa, ta quyết định lui quân về phía Hưng Yên. Kinh thành bỏ trống. Nhân dân quanh Thăng Long được lệnh làm kế « thanh giả », thực hiện vườn không nhà trống.

Sau khi vô huyệt lần thứ hai, quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long không người. Chúng tàn phá kinh thành.

Lúc này, lương thảo mang theo đã cạn, xung quanh dân ta đã làm vườn không nhà trống, không cướp bóc được gì, sức mệt, sĩ khí sa sút, quân xâm lược Mông Cồ sa vào tình thế tiến, lui đều rất khó khăn.

Biết tình hình nguy khốn của giặc, năm thời cơ có lợi, quân ta phản công. Đêm 24 tháng giêng (1258) tức là 9 ngày sau khi địch chiếm kinh thành, quân ta bí mật tiến lên Đông Bộ Đầu (phía đông thành Thăng Long), đánh úp mãnh liệt quân địch. Bị đánh bất ngờ, thua đau, địch bỏ Thăng Long rút chạy một mạch về Đại Lý. Qua Quý Hóa (Vĩnh Phú ngày nay) bị chủ trại Hà Bồng, thuộc dân tộc Mường, chỉ huy dân binh mai phục đánh thêm một trận nữa. Cuối tháng giêng, địch hoàn toàn rút khỏi nước ta.

Thắng lợi của quân dân ta trong chiến tranh lần thứ nhất không những đã bảo vệ được nền độc lập dân tộc mà còn bẻ gãy một gọng kìm của quân Mông Cồ định đánh vào miền Nam Trung Quốc.

2. CHIẾN TRANH LẦN THỨ HAI (1285)

Chiếm xong Trung Quốc, Cao Ly, quân Mông Cồ đang vào thời kỳ cực thịnh. Vua Mông Cồ Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu là Đại Nguyên, chuẩn bị những cuộc viễn chinh mới để thực hiện mưu đồ thống trị thế giới. Phía đông thì chuẩn bị đánh Nhật Bản, phía nam thì trước tiên chiếm các nước đông nam châu Á rồi sẽ tiến sang đánh Ấn Độ phối hợp với một cánh từ Ba Tư đánh xuống.

Trong bước chiếm đông nam châu Á, thì đánh Đại Việt là khâu chủ yếu, quyết định. Vì thế Hốt Tất Liệt đã chuẩn bị một đạo quân rất lớn gồm 60 vạn quân giao cho con trai là Thoát Hoan chỉ huy.

Kế hoạch của giặc là trước tiên dùng 10 vạn quân chiếm Chiêm Thành, sau đó cả 60 vạn quân sẽ từ hai mặt bắc,

nam giáp công đánh tới, chỉ một đòn quyết định số phận nước ta.

Năm 1282, Toa Đô chỉ huy 10 vạn quân vượt biên chiếm Chiêm Thành. Nhưng bị người Chiêm chống cự quyết liệt, Toa Đô phải lui quân về chiếm châu Ô Ly và Việt Lý, giáp biên giới Đại Việt, chuẩn bị bàn đạp đánh sang ta.

Về phía ta, sau chiến tranh lần một (1258), nhà Trần vẫn cố gắng vừa mềm dẻo vừa kiên quyết duy trì quan hệ bằng ngoại giao bình thường với nhà Nguyên. Nhưng biết rằng trước sau quân Nguyên sẽ sang xâm lược nên từ lâu đã có những chuẩn bị tích cực đối phó.

Tháng 10 (1282), vua Trần triệu tập hội nghị Bình Than cùng triều đình và các vương hầu bàn kế hoạch chống giặc. Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công tiết chế thống lĩnh toàn quân. Lực lượng quân sự được tăng cường. Trần Quốc Tuấn thảo ra hai bộ binh thư Việt Nam đầu tiên là Binh thư yếu lược và Vạn kiếp bí truyền để huấn luyện tướng sĩ.

Tháng 8 (1282), trước tình hình chiến tranh sắp nổ ra, Trần Quốc Tuấn tập trung du quân (quân tập trung cơ động của triều đình), quân các lộ và các vương hầu về Đông Bộ Đầu, tổng cộng 20 vạn quân, duyệt binh, động viên tướng sĩ, rồi phân phối lực lượng để đóng giữ các nơi hiểm yếu.

Sau đó, vua Trần triệu tập các bộ lão toàn quốc về kinh thành mở hội nghị Diên Hồng lịch sử, nhằm động viên sự nhất trí chống giặc trong nhân dân.

Câu trả lời «Quyết chiến» của các bộ lão và hai chữ «Sát Thát» thích trên cánh tay quân sĩ đã nói lên ý chí sắt đá quyết một lòng giết giặc cứu nước của toàn thể quân dân ta.

Theo kế hoạch, quân ta chia quân bố trí đánh địch trên các hướng: Mặt bộ ở Lạng Sơn, mặt biển ở Quảng Yên,

còn đại quân tập trung chủ yếu tại khu vực Lạng Giang, Vạn Kiếp, Bình Than. Phía nam, sát biên giới Chiêm Thành, cũng có 3 vạn quân của Trần Quang Khải có nhiệm vụ ngăn chặn địch.

Cuối năm 1284, Thoát Hoan bắt đầu tiến quân chia làm hai cánh đánh vào Tuyên Quang và Lạng Sơn. Mặt Lạng Sơn, sau khi đánh chặn địch từng bước, ta lui dần về Lạng Giang.

Thấy chủ lực ta tập trung ở khu vực Lạng Giang — Vạn Kiếp, Thoát Hoan tiến thành 3 mũi từ trước mặt và hai bên sườn, định hợp vây tiêu diệt.

Nhưng Trần Quốc Tuấn đã nhận định « Nguyên binh khí nhuệ đang hưng, kíp đánh chẳng bằng kiên thủ chờ suy » và đã kíp thời cho đại quân rút lui theo hướng Thăng Long — Thiên Trường, một bộ phận rút về hướng Quảng Yên.

Vồ hụt quân ta ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan thúc quân tiến đánh Thăng Long. Một bộ phận quân ta dựa vào bờ nam sông Hồng ngăn chặn địch, yểm hộ cho đại quân tiếp tục rút. Ngày 13 tháng giêng (19-2-1285), quân Nguyên vượt sông tiến vào kinh thành bỏ trống. Nhưng những cuộc chiến đấu trong khu vực Thăng Long vẫn tiếp diễn đến cuối tháng giêng.

Tháng hai, địch cho quân tiến xuống Hưng Yên, Hà Nam. Ta có một số trận đánh úp. Khi mũi nhọn của quân Nguyên dừng lại ở Trường An (Ninh Bình) thì đại quân ta đã vượt qua dãy Tam Điệp về tập trung ở Thanh Hóa.

P phía nam, quân Trần Quang Khải cũng dùng lối đánh chặn từng bước và cuối cùng đã chặn đứng địch tại khu vực giáp Nghệ An và Thanh Hóa.

Đến tháng ba (1285), sau 3 tháng tác chiến, quân Nguyên đã chiếm được kinh thành và một bộ phận lớn đất nước ta nhưng chúng đã không diệt được chủ lực ta.

Quân chúng phải rải ra chiếm đóng các nơi, đặc biệt trên lưu vực sông Hồng, xung quanh Thăng Long và trên đường giao thông liên lạc từ Thăng Long đến Nam Quan. Tuy đồn trú ở nhiều nơi nhưng tình hình vẫn không ổn định. Đi đôi với kế thanh giả, nhân dân ta cùng với dân binh và một bộ phận quân triều đình vẫn tích cực hoạt động, đánh lén, đánh úp, đánh tía, đánh phục các toán quân địch đi tuần tiễu, sục sạo, cướp bóc, v.v. nhất là trong khu vực Thăng Long.

Do chủ quan tưởng thẳng nhanh, quân Nguyên không tải theo nhiều lương thực, đến đâu dân ta cũng làm vườn không nhà trống, cướp bóc khó khăn; lực lượng lại bị phân tán, luôn luôn bị quấy rối tiêu hao; hai gọng kìm Thoát Hoan và Toa Đô bị tách xa nhau nên tuy đông quân mà sức tiến công bị giảm sút và cuối cùng lâm vào thế sa lầy nghiêm trọng.

Đề gỡ thế bí, Thoát Hoan quyết định chuyển đạo quân Toa Đô ra Bắc đề dựa vào nhau và có thêm sức tiếp tục tiến công.

Hiểu được ý định của giặc và cho rằng đó là thời cơ để đánh trả lại chúng, vua Trần và Trần Quốc Tuấn quyết định nhằm đạo quân Toa Đô hành quân xa, mệt nhọc, lại thiếu lương thực mà đánh trận phủ đầu.

Năm vạn quân ta — do Trần Nhật Duật chỉ huy — mai phục đón đánh địch ở cửa Hàm Tử (thuộc Khoái Châu, Hưng Yên) và đã tiêu diệt được đạo quân tiền vệ của Toa Đô. Toa Đô phải lui lại cửa biển Thiên Trường, hoàn toàn mất liên lạc với Thoát Hoan.

Sau trận này, Trần Quốc Tuấn nhận định: « Quân ta mới thắng, khí lực đương hăng, mà quân Nguyên mới thua tất cũng chột dạ » và chủ trương « vậy nên nhân dịp tiến quân đánh Thoát Hoan đề khôi phục kinh thành ».

Thực hiện ý định trên, ta đã đánh một trận rất lớn, rất tài tình: trận Chương Dương — Thăng Long. Trận

này, ta đã phối hợp các thứ lực lượng (quân triều đình, quân địa phương và dân binh quanh Thăng Long), dùng lối đánh úp thủy trại Chương Dương, kéo viện ở Thăng Long ra (trong đó có kỵ binh là lực lượng cơ động nòng cốt của địch) vừa mai phục diệt viện, vừa nhân lúc Thăng Long sơ hở mà đánh úp.

Ta diệt được rất nhiều địch, Thoát Hoan thoát chết vượt sông chạy sang Kinh Bắc thu quân còn lại và rút cả các đồn binh lẻ trên đồng bằng tập trung về đây.

Đề liên tục phản công địch, ta điều tiếp đại quân từ Thanh Hóa ra hướng Tây Kết, nhân lúc Toa Đô liệu đánh lên đó bắt liên lạc với Thoát Hoan, ta đã đánh một trận lớn nữa trên đoạn từ Thiên Trường tới Tây Kết, tiêu diệt toàn bộ 8 vạn quân của Toa Đô (bắt sống 5 vạn, chém chết Toa Đô).

Những đòn phản công liên tiếp trên đã thắng lợi hết sức rực rỡ, gần 20 vạn quân địch bị tiêu diệt (phần lớn là quân tinh nhuệ). Thăng Long và toàn bộ khu vực sông Hồng được giải phóng, quân dân ta đã thực hiện được bước ngoặt quyết định của chiến tranh.

Về phía địch, bị thất bại hết sức nặng nề, tinh thần sa sút nghiêm trọng, lương thảo càng thiếu thốn. Thoát Hoan quyết định lui quân về biên giới.

Năm thời cơ có lợi, Trần Quốc Tuấn đã kịp thời dàn quân đánh đòn quyết định mới.

Một bộ phận quan trọng quân triều đình kết hợp với quân địa phương và dân binh phục sẵn trên các ngã chạy về biên giới (hướng Bắc Giang, Lạng Sơn, hướng Vạn Kiếp).

Cuối tháng năm, Trần Quốc Tuấn tiến công đại quân Thoát Hoan ở khu vực Bắc Giang, tiêu diệt một số lớn địch. Chúng bỏ chạy về Vạn Kiếp thì bị quân ta đã mai phục sẵn đánh một đòn lớn tiếp theo. Tới đây, quân Nguyên đã căn bản tan rã. Một số tán loạn bỏ chạy về

biên giới cũng bị tiêu diệt gần hết ở dọc đường, chỉ còn Thoát Hoan và một số tàn quân chạy được về nước.

Đầu tháng sáu, trên đất nước ta không còn bóng một tên xâm lược. Về căn bản 60 vạn quân Nguyên trong đó có nhiều tướng tài khét tiếng gian ác và các đạo kỵ binh thiện chiến của chúng đã bị tiêu diệt.

3. CHIẾN TRANH LẦN THỨ BA (1288)

Được tin Thoát Hoan thua nặng, Hốt Tất Liệt phải đình chỉ xâm lược Nhật Bản, chuyển quân và thuyền xuống phương nam tiếp tục đánh ta một lần nữa. Kề cả quân mới mộ, chúng có 30 vạn. Lần này chúng đặc biệt chú ý tới việc tải lương di theo và đánh theo lối «tâm an dân dà».

Khi quân Nguyên chuẩn bị tiến công. Trần Quốc Tuấn nhận định «năm nay thế giặc dễ đánh» và chia quân chặn đánh địch ở các hướng Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Yên, Nghệ An; đại quân tập trung trên miền Hải Dương, Thái Bình.

Tháng mười một (1287), quân Nguyên bắt đầu tiến công. Trên các hướng tiến quân của giặc, ta đều bám đánh, gây cho chúng một số tổn thất như ở hướng biên đã đánh đắm 70 thuyền lương của Ô Mã Nhi và lui dần từng bước. Hướng Lào Cai, ta đã lui về chặn đứng cánh quân A Lỗ ở Tam Đại Giang (Việt Trì). Hướng Lạng Sơn, ta lui về khu Bắc Giang. Vạn Kiếp để lại một bộ phận phân tán cùng quân địa phương, dân binh đánh nhỏ ở sau lưng địch.

Giữa tháng chạp (1288) hai cánh quân thủy, bộ của địch đã hội binh tại khu vực Phả Lại — Chí Linh, lợi dụng địa hình và mạng đường thủy, bộ thuận lợi ở nơi đây, chúng xây dựng thành căn cứ vững chắc, làm chỗ dựa để tiến đánh các nơi.

Bị nghi binh thu hút, làm tưởng chủ lực ta tập trung ở khu vực Thăng Long, địch tiến công về hướng Thăng

Long. Sau khi đánh bật được một bộ phận quân ta ở Đại Than, ngày 29 tháng chạp (tức ngày 2 tháng 2 năm 1288), Thoát Hoan tiến vào Thăng Long đã bỏ trống từ lâu. Nhân dân ta đã triệt đề làm « thanh giả » cất giấu lương thực và tích cực chặn đánh địch di sục sạo, cướp phá.

Ô Mã Nhi xuôi sông Hồng xuôi theo quân ta về phía Hưng Yên, nhưng giữa lúc ấy thì bị ta đánh mạnh ở phía sau. Phả Lại — một hậu cứ an toàn của địch — bị đánh úp, đường giao thông từ Từ Minh sang, từ mặt biển vào cửa Đại Bàng đều bị ta uy hiếp, cắt đứt. Thoát Hoan phải cấp tốc điều Ô Mã Nhi quay về cứu Phả Lại, Chí Linh.

Lúc này lại thêm nguy cơ thiếu lương thực. Đoàn thuyền Trương Văn Hổ chở lương đi tiếp sau chưa tới, đường giao thông bị cắt đứt. Thoát Hoan phải cử Ô Mã Nhi ra mở thông cửa Đại Bàng đón đoàn thuyền lương. Đối với quân Nguyên lúc này, tiến hay rút, công hay thủ, phụ thuộc phần lớn vào đoàn thuyền lương.

Nắm được điểm cốt tử của địch, Trần Quốc Tuấn lệnh cho Trần Khánh Dư chặn đánh. Ngày 13-2-1288, tại cửa Lục Thủy Dương (Quảng Yên) ta đợi cho Ô Mã Nhi vượt lên trước rồi mới xông ra tiến công đoàn thuyền lương. 70 vạn thạch lương và khí giới của giặc bị đắm hoặc lọt vào tay ta.

Đề làm cho quân sĩ địch chóng « ngã lòng, bấy giờ mới phá dễ »¹, ta thả tù binh báo tin thất trận cho Thoát Hoan. Trong khi đó quân dân ta tiếp tục hoạt động mạnh ở xung quanh Thăng Long. Trước tình hình ở không yên, lương thực lại mất, quân sĩ Nguyên hết sức ngã lòng và Thoát Hoan buộc phải lui quân về cố thủ ở Vạn Kiếp, Chí Linh (3-1288).

Tại đây, tình hình lại càng khốn đốn hơn, không giải quyết được lương thực, ta lại ngày càng đánh phá mạnh

1. Lời của Trần Quốc Tuấn, *Việt sử thông giám cương mục*.

(đánh úp trại địch, đục thuyền, đánh địch di cưỡi lương, v.v.). Cuối cùng Thoát Hoan quyết định rút quân về nước theo hai đường thủy, bộ.

Nhưng biết trước được thế giặc, ta đã chuẩn bị sẵn di không cho chúng chạy thoát. Đường bộ thì giăng một lưới phục kích trên 100 dặm từ Nội Bàng — núi Kỳ Cáp đến núi Ái Nữ Nhi, đường thủy thì mai phục ở sông Bạch Đằng, đại quân từ Thái Bình, Hải Dương cũng cơ động tề hướng đó.

Ngày 8 tháng ba (ngày 9-1-1288), ta khéo léo dụ địch vào khúc sông cắm cọc và đã tiêu diệt toàn bộ cánh quân địch rút theo đường thủy, thu hơn 400 thuyền, bắt sống Ô Mã Nhi.

Mặt bộ, trận Nội Bàng và một số trận tiếp theo đã tiêu diệt gần hết đại quân của Thoát Hoan, chỉ còn y và vài ngàn quân chạy thoát được về nước.

Không đầy 5 tháng, quân dân ta đã tiêu diệt 30 vạn quân Nguyên, đánh bại cuộc xâm lược lần thứ 3 và cũng là lần chót của chúng. Không những thế, còn ngăn chặn sự bành trướng của đế quốc Nguyên xuống đông nam châu buộc chúng phải bỏ không đánh Nhật Bản.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH CỦA NHÀ HỒ (1407)

Cuối thế kỷ XIV, xã hội phong kiến thời Trần lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng và tới năm 1400 Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần lên ngôi vua.

1. MỘT SỐ CẢI CÁCH CỦA QUÝ LY

Ngay dưới triều Trần, từ khi nắm được quyền bính trong tay cho đến sau khi lên ngôi, Quý Ly đã thực hiện một loạt biện pháp về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa... nhằm củng cố nhà nước phong kiến.

Những cải cách đó, có một số điểm về khách quan có tác dụng tốt (như việc chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở mang trường học, đề cao chữ nôm v.v.) nhưng nhìn chung còn hạn chế chưa đáp ứng hoặc chưa phù hợp với yêu cầu phát triển khách quan của xã hội Việt Nam, nhất là một số chính sách cơ bản như hạn điền, hạn nô.

Qua chính sách hạn điền, ruộng đất tập trung vào tay nhà nước; công dân vẫn không được chia ruộng.

Chính sách hạn nô biến người gia nô thành công nô, người nông nô vẫn không được giải phóng thành nông dân tự do.

Thuế có điều chỉnh nhưng so với đầu thời Trần lại nặng hơn. Chính sách tiền giấy đã gây rối loạn về tiền tệ, gây phản ứng không những trong thương nhân, mà còn cả trong một số tầng lớp nhân dân khác nữa.

Cho nên nhà Hồ đã không được lòng dân, ngay cả với các tầng lớp trên cũng có nhiều mâu thuẫn. Sự cô lập của tập đoàn Quý Ly đã biểu hiện rõ trong câu nói của Hồ Nguyên Trừng: «Tôi không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân theo hay không theo mà thôi».

2. NHÀ HỒ CHUẦN BỊ KHÁNG CHIẾN

Biết rõ tham vọng cướp nước ta của nhà Minh, nhà Hồ đã tích cực chuẩn bị đối phó.

Trước hết là có một số quân đông như Quý Ly thường nói: «Ta làm thế nào để có trăm vạn quân thì địch nổi giặc Bắc».

Trang bị có nhiều cải tiến quan trọng như đúc súng thần công, đóng cò lâu thuyền.

Thành lũy, chương ngại được xây đắp, bố trí với quy mô lớn và trình độ kỹ thuật tương đối cao nhằm chặn địch dọc theo các hướng chúng có khả năng tiến công sang (như hướng Lào Cai, hướng Lạng Sơn, các cửa sông, cửa biển). Nhưng chủ yếu là chặn ngang địch ở trước đồng bằng dựa vào phòng tuyến sông Hồng, kéo dài hơn 700 dặm, từ chân núi Tân Viên (Ba Vi) theo sông Đà lên Bạch Hạc và từ đó qua Đông Đô (Hà Nội) trở về xuôi. Trên phòng tuyến, có 2 thành lớn là Đa Bang (Hà Tây) và Đông Đô.

Những công trình trên là bộ phận chủ yếu của kế hoạch phòng thủ của Hồ Quý Ly. Ngoài ra cũng thực hiện kế «thanh giả» ở một số nơi (thuộc vùng Lạng Sơn, Hà Bắc, Bắc Thái, Vĩnh Phú...).

3. QUÂN MINH KÉO SANG XÂM LƯỢC

Năm 1406, nhà Minh quyết định đem quân sang xâm chiếm nước ta, núp dưới danh nghĩa «phù Trần, diệt Hồ»

Lực lượng có 21 vạn rưỡi, chưa kể một số đông dân cư và thổ binh tái lương di theo¹, chia quân làm hai đạo :

— Một đạo do Trương Phụ chỉ huy, đi từ Bằng Tường (Quảng Tây) kéo vào Lạng Sơn.

— Một đạo do Trần thủ Văn Nam Mộc Thạnh chỉ huy, đi từ Văn Nam tiến theo sông Hồng, sông Lô vào nước ta.

Kế hoạch của chúng là : một đội kỵ binh của Trương Phụ sẽ tiến trước đến Gia Lâm, hư trương thanh thế nghi binh như tập trung quân vượt sông ở đây, thu hút quân ta. Trong khi đó, hai đạo quân Minh sẽ bí mật hội quân ở miền thượng lưu sông Hồng, tìm chỗ nông dề vượt qua rồi đánh xuống Đông Đô.

Về mặt chính trị, chúng kẻ « tội » Quý Ly, tuyên bố lập lại con cháu nhà Trần và dùng nhiều lời lẽ xảo trá để hòng lôi kéo các tầng lớp nhân dân ta.

Tháng mười (11-1406) địch bắt đầu tiến công.

Quân tiên phong của Trương Phụ đã nhanh chóng hạ được Ai Lưu Quan và Kê Lăng (Chi Lăng), hai vị trí quan trọng của ta có địa thế hiểm yếu và khá đông quân phòng giữ. Sau đó tiếp tục tiến về Cần Trạm (quảng Kép— Bắc Giang ngày nay).

Tới đây, chúng chiếm đóng vùng Xương Giang (Bắc Giang), Thị Cầu ; kỵ binh tiến đến Gia Lâm làm nhiệm vụ nghi binh thu hút lực lượng ta ; còn đại quân tất qua những nơi bỏ trống tiến đến miền Đa Phúc, Lập Thạch bất liên lạc với Mộc Thạnh. Dọc đường tiến quân, địch không vấp phải sức kháng cự nào đáng kể.

Phía Lào Cai, Hà Giang, quân Mộc Thạnh cũng hạ được nhiều đồn ải, đánh tan các bộ phận án ngữ của ta trên sông Lô, sông Hồng rồi theo sông tiến xuống Bạch Hạc.

1. Hoàng Minh thực lục, dẫn theo An Nam sử nghiên cứu của Sơn bản đại lang. Tokyo, 1950, quyển I.

Ngày 11-12-1406, hai đạo quân Minh đã thực hiện được kế hoạch hợp binh ở bờ bắc sông Hồng, chuẩn bị thêm thuyền bè, khí giới để tiến công.

Quân nhà Hồ vẫn dựa vào phòng tuyến bờ nam sông Hồng kiên trì cố thủ, chờ địch đánh sang.

Trước tình hình đó, Thành Tò nhà Minh sợ quân ta làm trì hoãn binh, chờ lúc quân Minh không hợp thủy thổ, ồm yếu rồi mới tiến công nên lệnh cho Trương Phụ tiếp đánh quân ta vào mùa xuân sang năm.

Trương Phụ, Mộc Thạnh quyết định tập trung lực lượng đánh thành Đa Bang, «diêm chốt» rất quan trọng của phòng tuyến. Từ lúc giặc vượt sông đến khi đánh vào thành, ta đều tích cực chống đỡ, có lúc phản kích lại quyết liệt, nhưng cuối cùng không giữ nổi, phải bỏ chạy.

Giặc thừa thế tràn xuống chiếm được Đông Đô (22-1-1407), một số quan lại quý tộc đã phản bội hợp với giặc đánh lại Quý Ly.

Quân nhà Hồ lui về Hoàng Giang (khúc sông Hồng thuộc địa phận Lý Nhân—Nam Hà), bị địch kéo tới đánh thua phải rút về Muộn Hải (Giao Thủy—Nam Hà) xây thành, đắp lũy, đúc súng, đóng thuyền, cố thủ. Nhưng lại bị quân địch đánh thua, phải lui về Đại An (cửa sông Đáy).

Đến lúc này, khoảng tháng ba, địch không chịu được thủy thổ. Muộn Hải lại là nơi ẩm thấp, sinh ốm đau nhiều, chúng phải quay về Hàm Tử (Hưng Yên). Năm thời cơ đó, quân nhà Hồ tập trung được 7 vạn tiến lên phản kích nhưng địch đã biết trước, mai phục sẵn, nên trận phản công bị thất bại nặng.

Quân nhà Hồ rút vào Thanh Hóa. Tháng tư, địch tiến đánh phải lui vào Hà Tĩnh. Tới đây, sau trận đánh ở cửa biển Kỳ La (cửa Nhượng) quân nhà Hồ hoàn toàn tan vỡ.

Cuộc kháng chiến của nhà Hồ chấm dứt, nhưng ở nhiều nơi nhân dân ta vẫn tiếp tục nổi dậy chống quân Minh.

IV. CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG THỜI LÊ CHỐNG MINH (1418 — 1427)

Cướp được nước ta, nhà Minh thi hành một chính sách thống trị cực kỳ tàn bạo, hòng khuất phục nhân dân ta và biến nước ta thành một quận huyện của chúng. Chúng đặt bộ máy cai trị, tổ chức nguy quân, nguy quyền, thiết lập một bộ máy thống trị, không lơ đãng áp bức bóc lột, đàn áp nhân dân ta. Trên cả nước, chúng xây dựng gần 40 thành trì lớn làm trụ sở hành chính và căn cứ quân sự, hàng trăm thành lũy và hàng nghìn đồn nhỏ để kiểm soát các nơi.

Bị áp bức, bóc lột nặng nề tới mức chưa từng thấy, nhân dân ta đã kiên quyết đấu tranh, cuộc khởi nghĩa này bị đàn áp, cuộc khởi nghĩa khác lại nổ ra trong suốt những năm chiếm đóng của quân Minh.

Mùa xuân năm 1418, Lê Lợi — Nguyễn Trãi phát cáo khởi nghĩa Lam Sơn, dấy lên một phong trào đấu tranh vũ trang mới nhằm « tiêu diệt quân Minh để đem lại cái phúc thái bình muôn thuở ».

† Từ 1418 đến 1424: Vừa tấn công địch, vừa chống vây quét giữ vững được căn cứ — Tam thời hòa hoãn.

Mới bắt đầu khởi nghĩa, toàn bộ nghĩa quân có hơn 600 người và 14 thớt voi.

Cờ khởi nghĩa vừa phát, địch đã đem quân đàn áp. Ta mai phục ở Lạc Thủy đánh thắng trận đầu tiên. Từ đó

cho đến 1422 địch đã liên tục tổ chức những cuộc tiến công vây quét nhằm tiêu diệt nghĩa quân, đàn áp cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, trung tâm của phong trào đấu tranh cả nước. Có những cuộc vây quét rất lớn, hàng chục vạn quân tham gia, kéo dài trên 2 tháng. Không những huy động quân ở Tây Đô (Thanh Hóa) và còn đưa quân từ Đông Quan (Hà Nội) vào, Nghệ An ra, kết hợp với bọn tù trưởng phản động Ai Lao từ phía sau đánh tới. Lúc thì đánh ồ ạt, thọc thẳng vào căn cứ, lúc thì vây nhiều tầng, tiến chắc, đánh dài ngày.

Trong những năm đấu tranh gay go ác liệt đó, nghĩa quân đã anh dũng đánh trả địch, với một tinh thần tiến công rất cao, với những cách đánh rất linh hoạt: lúc thì mai phục trong căn cứ, khi thì luồn ra ngoài đánh úp sau lưng; lúc thì phá vây, khi thì đem quân uy hiếp tận sào huyệt địch. Tuy có lúc tồn thất tạm thời, quân chỉ còn 100, lương đã cạn từ 2 tháng, ba lần phải rút về Chí Linh, nhưng có quyết tâm chiến đấu cao, lại được dân giúp đỡ, nên nghĩa quân càng đánh càng mạnh, thắng được nhiều trận lớn, duy trì được cuộc đấu tranh vũ trang, đứng vững trên miền tây Thanh Hóa.

Cũng những năm đó, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta vẫn liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi khác từ vùng núi tới vùng xuôi, nhưng nói chung tới mùa thu năm 1421 thì địch đã tạm thời đàn áp được hết.

Năm 1424, căn cứ của nghĩa quân Lam Sơn được mở rộng, nhưng khó khăn còn nhiều, ta cần phải có thời gian đề củng cố lực lượng. Về phía địch, tuy có những cố gắng lớn, nhưng vẫn không sao tiêu diệt được nghĩa quân, bên nước cũng đang gặp nhiều khó khăn trong cuộc chiến tranh với Mông Cổ, nên cũng muốn thay đổi chính sách, quay ra dụ dỗ Lê Lợi.

Do đó có cuộc tạm hòa hoãn 1423—1424. Tranh thủ cơ hội này, nghĩa quân tích cực củng cố và phát triển

lực lượng, tập hợp thêm nhân tài các nơi, chuẩn bị đưa cuộc khởi nghĩa tiến lên một bước mới.

Từ 1424 đến 1426: Phát triển vào Nghệ An. Liên tục tiến công địch, vây các thành lớn, giải phóng Thanh — Nghệ và Tân Bình — Thuận Hóa.

Di chuyển vào Nghệ An, xây dựng căn cứ địa mới, nhận thấy phía ta đã ổn định mọi mặt, mà địch cũng rục rịch sắp tiến công, tháng 9 năm 1424, Lê Lợi — Nguyễn Trãi triệu tập các tướng lĩnh họp bàn kế tiến thủ trong thời kỳ tới. Mọi người đã nhất trí với đề nghị của Nguyễn Chích: *« Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng người đông; tôi đã từng qua lại Nghệ An, nên rất thông thuộc đường đất, nay ta trước hãy đánh lấy Trà Long, chiếm lĩnh bình định cho được Nghệ An để làm chỗ đất đứng chân, rồi dựa vào đấy mà lấy tiền tài sức lực, sau sẽ quay cờ trầy ra Đông Đô thì có thể tính xong được việc dẹp yên thiên hạ ».*

Theo phương sách trên, nghĩa quân di chuyển về hướng Trà Long (Con Cuông — Nghệ An). Vừa đi vừa đánh: hạ thành Đa Căng, diệt được các toán quân địch từ Tây Đô đuổi theo và từ Nghệ An tới chặn. Thành Trà Long cũng ra hàng sau 2 tháng ta vừa vây hãm, vừa ngụy vận. Nhân dân địa phương (Kinh, Mường...) nhiệt liệt hưởng ứng phong trào, giúp đỡ nghĩa binh, 5.000 thanh niên đã gia nhập hàng ngũ; cả những người trước theo giặc, nay được khoan dung đều hết sức *« cảm kích, nguyện ra sức lập công »*. Ta đã bước đầu xây dựng được căn cứ Nghệ An.

Biết quân Minh đã được tăng viện, đang chuẩn bị tiến công lớn, ta quyết định đánh trước, nhằm giành chủ động và *« đứng vững chân »* ở toàn phủ Nghệ An.

Từ thành Nghệ An, địch theo sông Lam tiến đến gần Khả Lưu đắp lũy trú quân. Ta khéo léo nghi binh như địch

rời lũy tiến quân vào nơi đã mai phục sẵn và diệt được của chúng đến hàng vạn tên.

Nhưng địch còn đông, dừng lại dựng đồn, định như ta tới đánh. Biết mưu địch, nghĩa quân cho một bộ phận tiến về phía Thanh Chương hoạt động nhằm kéo địch về, còn đại quân bí mật vòng xuống sau lưng địch mai phục ở Bồ Ải. Thấy ta xuất hiện ở phía sau, địch kéo quân về đánh. Sa vào trận địa mai phục, bị ta tiêu diệt rất nhiều, đến nỗi « *Thuyền giặc chặn ngang dòng, xác chết nổi lấp sông, khi giới chát đầy khe núi* » (Lam Sơn thực lục).

Thừa thắng, ta liên tục đuổi địch trong ba ngày đêm và tiến về bao vây thành Nghệ An.

Trận Khả Lưu — Bồ Ải là một trận đánh rất mưu trí, vận dụng một cách sáng tạo cách đánh « *như người tới, chứ không đề người như tới* ». Đồng thời còn đánh dấu một bước phát triển mới của nghĩa quân trên con đường tiến lên đánh quy mô lớn hơn, tập trung hơn.

Vừa vây Nghệ An, ta vừa cho quân đánh chiếm các phủ, huyện trong trấn. Đến đâu dân cũng hưởng ứng và giặc phải xin hàng (có nơi nguy quân tự kéo quân đến xin hàng như tri phủ Ngọc Ma là Cầm Quý mang 8.000 quân tới theo Lê Lợi). Cho nên chỉ trong vòng 3 tháng, toàn phủ đã được giải phóng (trừ 2 thành cô lập: Nghệ An và Diễn Châu). Chính quyền mới được thiết lập, nhân dân sôi nổi ủng hộ, tham gia nghĩa binh.

Trước tình hình Nghệ An bị uy hiếp mạnh, tháng 5-1425, địch từ Đông Đô theo đường biển tới cứu. Nhưng vừa lên bờ đã bị ta đánh cả quân tới cứu lẫn quân trong thành ra đón. Địch lại phải chui vào thành cố thủ.

Một bộ phận nghĩa quân tiến ra vây Diễn Châu, trong khi hãm thành đã diệt được một đoàn thuyền lương của giặc từ Đông Quan vào tiếp tế.

Lúc này Lê Lợi — Nguyễn Trãi nhận định : « Quân giặc đồn hết về cứu thành Nghệ An, các nơi khác tất trống rỗng » nên chủ trương « bỏ chỗ cứng mà đánh chỗ hờ, tránh chỗ chắc mà đánh chỗ hư ». Một đạo quân tiến ra đánh Diễn Châu, vây Tây Đô, giải phóng Thanh Hóa, một đạo quân khác vào giải phóng Tân Bình — Thuận Hóa. Chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã giải phóng được các nơi trên. Đến đâu cũng được nhân dân hưởng ứng, lực lượng nghĩa binh được bổ sung đến vài vạn người.

Trong khi nghĩa quân liên tục tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng thì ở ngoài Bắc, nhân dân nhiều nơi lại nổi dậy đấu tranh, đặc biệt sôi nổi là ở miền thượng du và trung du (phong trào « nghĩa binh áo đỏ » của nhân dân thiểu số). Địch phải đối phó rất chật vật.

Sau gần 8 năm chiến đấu gian khổ và anh dũng, nghĩa quân đã trưởng thành rõ rệt nhất là từ khi phát triển vào Nghệ An. Từ những đội quân nhỏ bé hoạt động du kích ở miền thượng du Thanh Hóa nay đã là một quân đội khá mạnh đủ sức diệt những đạo quân lớn, vây những thành lớn của giặc. Từ căn cứ nhỏ hẹp ban đầu, nay đã có cả vùng giải phóng rộng lớn từ dãy Tam Điệp đến nam đèo Hải Vân, tạo thành một hậu phương vững chắc cho thời kỳ tiến công quyết liệt sắp tới.

Từ 1426 đến 1427: Tiến quân ra Bắc, 2 lần đánh tan viện binh địch, giải phóng toàn bộ đất nước.

Nhận thấy sức ta đã mạnh, giặc thì suy yếu phải dựa vào thành cố thủ đợi viện binh sang, Lê Lợi — Nguyễn Trãi quyết định tiến công ra Bắc.

Tháng 9 năm 1426, ba đạo quân cộng trên 1 vạn người, phái ra trước với nhiệm vụ chung là chặn viện binh, « vỗ về nhân dân ». Ta chia làm 3 hướng hoạt động. Tới đâu cũng được nhân dân nô nức hưởng ứng, nổi dậy cùng nghĩa

bình đánh giặc bao vây thành trại của chúng. Ngụy quyền tan rã nhanh chóng.

Bị uy hiếp mạnh, địch buộc phải kéo quân từ Đông Đô ra đối phó, bị ta tiêu diệt một bộ phận lớn ở Ninh Kiều (Chương Mỹ — Hà Tây). Phía Tam Giang, ta cũng diệt được một bộ phận trong số 1 vạn quân địch viện từ Vạn Nam sang. Bọn còn lại phải chui vào thành Tam Giang cố thủ.

Bọn địch ở Đông Đô rất lo sợ, phải điều bớt quân ở Nghệ An ra cứu. Nhận định viện binh địch tất sẽ sang, Lê Lợi chuyển đại quân ra Thanh Hóa chuẩn bị đánh những đòn lớn.

Tháng 10 năm 1426, Vương Thông theo đường Lạng Sơn dẫn được 5 vạn viện binh tới Đông Quan. Vừa tới nơi chúng đã hùng hổ ra quân, lực lượng tập trung được 10 vạn, dàn ra ba nơi: Cồ Sớ (nay là An Sở trên sông Đáy, phía tây nam Phùng — Hà Tây), Sa Đồi (vùng Phú Đô). Giao Quang (thuộc Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội), Thanh Oai, mưu toan dùng binh lực lớn bao vây tiêu diệt nghĩa quân ở khu vực này.

Cho rằng ngồi chờ địch sẽ không chống nổi chúng, Lý Triện quyết định chủ động tiến công trước, mặc dầu ta ít hơn địch rất nhiều. Mục tiêu nhằm cánh quân Mã Kỳ ở Thanh Oai, tương đối yếu, sơ hở nhất. Bằng hành động khéo léo, ta đã dụ địch tới cầu Ba La (gần thị xã Hà Đông) nơi địa hình lầy lội, rồi phục binh đồ ra tiêu diệt gần toàn bộ. Ta định nhân cơ hội đó đánh úp sau lưng cánh quân Phương Chính (ở Sa Đồi), nhưng bọn này đã bỏ chạy cụt về gần cánh quân Vương Thông (ở Cồ Sớ).

Ta lui về Cao Bộ (Chương Mỹ — Hà Tây), hợp thành với cánh quân của Đinh Lễ, Lê Xí từ Thanh Đàm kéo xuống.

Trong khi đó, Vương Thông cũng tiến xuống Ninh Kiều chuẩn bị tiến công. Kế hoạch của chúng là chia quân từ

trước mặt, sau lưng rồi theo một tín hiệu thống nhất dồn ta lại bao vây tiêu diệt. Năm được kế hoạch đó, ta tương kế tựu kế cho quân mai phục sẵn ở Chúc Động (hay Chúc Sơn, Chương Mỹ) và Tốt Động (hay Tuy Động, Chương Mỹ), nơi địch tất sẽ đi qua.

Diễn biến trận đánh đã đúng như dự kiến của ta: pháo hiệu do ta phát lên đã lừa địch vào nơi mai phục và bị ta giết hại vô kể (diệt trên 5 vạn quân địch).

Trận phản công lớn đầu tiên của địch đã thất bại nặng nề.

—Lê Lợi quyết định đưa đại quân ra Bắc.

Về phía địch, sau những thất bại liên tiếp, chúng phải co vào các thành cố thủ và xin triều Minh tăng viện.

Ta chủ trương vây thành, cắt lương, cô lập địch và tiến hành dịch vận.

Riêng Đông Quan, đề uy hiếp mạnh Vương Thông, ta đã diệt hết các dinh trại ở vòng ngoài và tiến vào bao vây sát tận chân thành. Vương Thông rất lo sợ, có lúc đã dao động muốn hàng, nhưng với bản chất của kẻ đi xâm lược, hẳn một mặt giả xin hòa một mặt vẫn bí mật xin viện binh. Cuộc giảng hòa giả dối đó tất nhiên không thành.

Ta vẫn tiếp tục bao vây chặt và kiên trì dụ hàng. Một số thành địch lần lượt xin hàng, như Điều Diêu (Gia Lâm), Thị Cầu, Bình Than, Diễn Châu, Nghệ An. Thời gian này địch ở Đông Quan có một vài cuộc xuất kích bất ngờ đánh úp ta, nhưng đều bị đánh lui.

Đi đôi với công tác bao vây địch vận, Lê Lợi—Nguyễn Trãi bắt tay vào xây dựng lại đất nước trên quy mô lớn, quy định các khu vực hành chính, tổ chức chính quyền từ cơ sở đến trung ương, kêu gọi nhân tài, tổ chức thi cử, tăng cường lực lượng quân sự.

Gặp nhiều khó khăn lớn (nhân dân chống đối, nội bộ chia rẽ, Mông Cò uy hiếp...) nhà Minh phải mất gần 8 tháng mới điều được quân tăng viện cho Vương Thông.

Lực lượng gồm 15 vạn do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy.

Từ lâu đã phán đoán được tình thế, ta đã chuẩn bị sẵn sàng đánh viện. Một số thành nằm trên các trục đường tiến quân của giặc đã bị hạ hoặc bằng sức mạnh, hoặc bằng dịch vận (Tam Giang, Khau On). Riêng thành Xương Giang, địch ngoan cố chống cự, ta phải mất 6 tháng mới hạ xong vào ngày 8 tháng 9, tức 10 ngày trước khi viện binh địch vượt biên giới.

Trong tình hình vừa có địch còn ở trong nước, vừa có địch từ bên ngoài tới, các lãnh tụ Lam Sơn vẫn chủ trương từ trước khi viện binh giặc tới, là: *« Đánh thành là hạ sách, ta đánh thành lâu hàng tháng hàng năm, không hạ được, quân ta sức mỏi mà khí nhụt, nếu viện binh giặc đến thì trước mặt, sau lưng đều có giặc, đó là con đường nguy. Không bằng nuôi dài, chứa sức để chờ viện, viện diệt thì thành phải hàng, thế là làm một mà được hai, kể vẹn toàn đấy »*.

Đầu tháng 9, viện binh địch đã sẵn sàng vượt biên giới; 10 vạn quân do Liễu Thăng chỉ huy sẽ tiến vào Lạng Sơn, 5 vạn do Mộc Thạnh chỉ huy sẽ tiến vào Hà Giang, cả hai cánh quân đều nhằm hướng chung là Đông Quan.

Trong nước ta, chúng còn khoảng 10 vạn đóng trong 4 thành trợ trợ (5 vạn ở Đông Quan, 5 vạn ở Chí Linh, Cồ Lộng (Nam Định) và Tây Đô).

Quân chủ lực của ta có khoảng 10 vạn.

Ta quyết định: dùng 1 vạn quân chặn Mộc Thạnh ở phía Lê Hoa (Hà Giang), diệt xong Liễu Thăng sẽ chuyển sang đánh Mộc Thạnh.

Bố trí lực lượng như sau:

- 1 vạn quân lên mai phục ở Chí Lăng, tiếp ứng cho cánh này có 2 vạn quân nữa sẽ tiến lên sau.
- Một bộ phận tiếp tục vây ở các thành.
- Đại quân thủy bộ tập trung ở mạn sông Thương.

Ngày 18 tháng 9 (8-10-1427), quân Liễu Thăng vượt biên giới. Ta vừa chặn vừa lui dần từng bước, dụ địch về phía Chi Lăng.

Ngày 20, Liễu Thăng rất chủ quan, dẫn đầu 1 vạn quân tiên phong tiến lên trước, sa vào trận địa mai phục bị ta tiêu diệt hoàn toàn. Liễu Thăng bỏ mạng bên sườn núi Mã Yên.

Địch còn đông vẫn tiếp tục đánh mở đường tiến lên. Đạo quân tiếp ứng của ta cũng vừa tới kịp, cùng phối hợp đánh thêm một số trận nữa trong ngày 25, 28 tiêu diệt được thêm 2 vạn địch.

Địch còn khoảng 8 vạn tên do Thôi Tự, Hoàng Phúc chỉ huy tới được Xương Giang thì thấy thành đã mất, phải đóng quân giữa đồng, đắp lũy chống giữ và tìm cách liên lạc với Đông Đô, Chi Linh.

Sau một thời gian bao vây, hãm địch vào một tình trạng hết sức khốn đốn, ngày 15-10, ta bắt đầu công kích. Địch chống cự tuyệt vọng và đầu hàng (5 vạn bị giết, 3 vạn bị bắt sống trong đó có cả Thôi Tự, Hoàng Phúc).

Chỉ trong 27 ngày, ta đã tiêu diệt toàn bộ 10 vạn viện binh địch.

Phía Hà Giang ta dùng cách báo cho Mộc Thạnh biết tin thất trận làm chúng phải rút lui và nhân cơ hội đó đánh một số trận ở Đan Xá, Lãnh Cầu, tiêu diệt được một số lớn địch.

Viện binh đã bị tiêu diệt, liều chống lại chỉ là vô ích, không còn cách nào khác, Vương Thông cuối cùng đã phải đầu hàng.

Cuối năm 1427, 86.000 tướng sĩ Minh theo đường thủy rút ra khỏi nước ta, được ta cấp ngựa, thuyền và lương thực đầy đủ.

Trước những thất bại hết sức nặng nề, triều Minh thực tế cũng không còn khả năng tiếp tục chiến tranh, đã buộc

phải xuống chiếu bãi binh. Nhưng chiếu chưa tới thì bại quân của Vương Thông đã về tới Nam Ninh.

Ta cũng mềm dẻo, cử sứ bộ sang «cầu phong», tỏ ý thần phục. Trong số phẩm vật có cả chiếc song hồ phù, các ấn tín của Liễu Thăng và một số tướng khác, danh sách của hơn 2 vạn 7 ngàn tù binh.

Mang danh nghĩa «cầu phong» để giữ thế diện cho «thiên triều» nhưng thực ra đó là những sứ giả của một nước chiến thắng.

Chiến tranh giải phóng của dân tộc ta đã hoàn toàn thắng lợi. Từ trận Lạc Thủy đầu tiên năm 1418, đến chiến thắng Chi Lăng, Xương Giang năm 1427, toàn dân ta đã trải qua 10 năm đấu tranh cực kỳ anh dũng, viết nên những trang sử chói lọi vinh quang.

Lê Lợi công bố bài Bình Ngô đại cáo kết thúc một thời kỳ đấu tranh quyết liệt và đánh dấu mở đầu một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử dân tộc ta.

V. CHIẾN THẮNG OANH LIỆT CỦA NGUYỄN TÂY SON TIÊU DIỆT QUÂN XÂM LƯỢC NHÀ THANH (1789)

Sau khi đánh đổ các tập đoàn phong kiến Nguyễn, Trịnh thống trị ở hai miền Nam Bắc, giành được chính quyền trong cả nước, thống nhất nước nhà, nghĩa quân Tây Sơn đã phải đương đầu ngay với một kẻ thù mới, khá hung hãn, xảo trá đó là quân xâm lược Mãn Thanh.

1. ÂM MƯU XÂM LƯỢC CỦA NHÀ THANH

Sẵn có dã tâm từ trước, nay lại được cơ bọn vua tôi bán nước Lê Chiêu Thống sang cầu cứu, vua Càn Long nhà Thanh vội bắt tay vào việc chuẩn bị xâm lược nước ta.

Hai mươi vạn quân của bốn tỉnh: Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu được đặt dưới quyền chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng. Ngoài ra còn có một số lớn phu đi phục dịch. 70 kho quân lương được chuẩn bị ở các địa điểm xuất phát và sẽ rải ra trên các trục đường tiến quân.

Đồng thời, chúng còn xúi giục nhân dân ta nổi lên chống lại Tây Sơn và động viên bọn quan lại cũ của nhà Lê mộ quân « cần vương » hưởng ứng hiệp lực với quân Thanh.

Chiến lược của Càn Long rất quỷ quyệt, hẳn muốn mượn tay Lê Chiêu Thống để đánh Tây Sơn, quân của

chúng chỉ hỗ trợ ở phía sau, như vậy là « không khó nhọc mà thành công » và « đó là thượng sách ».

2. TÌNH HÌNH TA

Trước khi quân Thanh kéo sang xâm lược, chính quyền cả nước đã vào tay anh em Tây Sơn, những người lãnh đạo xuất sắc của cuộc khởi nghĩa nông dân to lớn nhất trong lịch sử phong kiến của dân tộc ta.

Quân đội Tây Sơn, con đẻ của phong trào nông dân, được quần chúng ủng hộ, trải qua đấu tranh đã sớm trưởng thành có tinh thần chiến đấu cao, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ kỹ thuật, chiến thuật tốt. Trang bị so với đương thời chưa phải là tinh xảo, nhưng cũng đã có những cái tiến đáng kể, nhất là pháo binh và hạm thuyền. Tướng lĩnh gồm những người chỉ huy có tài, trong đó nổi bật lên Nguyễn Huệ, một thiên tài quân sự, một anh hùng dân tộc xuất thân từ người nông dân áo vải.

Tuy nhiên, tình hình lúc đó cũng có nhiều khó khăn. Trong Nam Bộ, Nguyễn Ánh đang âm mưu đánh chiếm lại Gia Định. Ngoài Bắc, bọn cận thần nhà Lê vẫn xúi giục nhân dân, chiêu mộ quân « cần vương » nổi dậy ở một số nơi. Dân chúng Bắc Hà bị địch lừa bịp chưa phải ngả hết về với Tây Sơn. Tình hình này đã có những chi phối nhất định tới việc bố trí lực lượng, tới ý định tác chiến của Tây Sơn trước và trong khi quân Thanh kéo vào xâm lược nước ta.

3. QUÂN THANH KÉO SANG XÂM LƯỢC. QUÂN TA TẠM THỜI RÚT LUI BẢO TOÀN LỰC LƯỢNG

Ngày 28 tháng 10 năm Mậu Thân (25-11-1788), quân Thanh chia làm 3 đạo, theo hướng Lạng Sơn, Cao Bằng,

Lão Cai, kéo vào nước ta, nhằm hướng chung là Thăng Long. Đạo quân Tôn Sĩ Nghị tiến theo đường Lạng Sơn là quân chủ lực.

Về phía ta, lúc này ngoài Bắc chỉ có 1 vạn quân do Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm, được Nguyễn Huệ trao quyền thống lĩnh và tự liệu đối phó với địch lúc ban đầu. Còn Nguyễn Huệ và đại quân ở một vị trí trung tâm là Phú Xuân (Huế), tích cực chuẩn bị lực lượng đề sẵn sàng đánh địch ở hướng nào nguy hại nhất.

Với số ít quân trong tay, địch lại ưu thế gấp bội đang hùng hổ tiến đánh, dân chúng phần chưa hiểu Tây Sơn, phần bị địch mê hoặc, lũng đoạn nên chưa thật ngả về Tây Sơn, các tướng lĩnh Bắc Hà cho rằng giữ hay đánh đều không được và chủ trương lui quân bảo toàn lực lượng, quân thủy về Biện Sơn, quân bộ về Tam Điệp, thành thế nương tựa giữ lấy nơi hiểm yếu. Một mặt báo cáo về Nguyễn Huệ điều động đại quân, tùy theo tình hình mà quyết chiến.

Tinh thần kiên quyết nhưng lại rất linh hoạt mềm dẻo, không sợ địch nhưng lại không chủ quan của Tây Sơn đã biểu lộ rất rõ trong lời nói của Ngô Thời Nhiệm sau đây :

« ... Tướng giỏi đời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước ; đừng có đem nước sau làm nước trước, đó mới là tay cao cờ. Nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm, rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích của nước Tấn đời xưa, vẫn nguyên lành chứ có mất gì ».

Chủ trương rất sáng suốt trên đã tránh cho quân đội Tây Sơn khỏi giao chiến trong những điều kiện bất lợi, bảo toàn lực lượng, gây thêm chủ quan cho địch, giữ

được địa hình có lợi. Tóm lại là đã tạo nên một số điều kiện thuận lợi cho cuộc phản công sau này. Chính Nguyễn Huệ, khi tới Tam Điệp đã xác nhận chủ trương này là đúng.

Trong khi thực hiện một số biện pháp đề nghị binh và ngăn chặn địch, quân ta bí mật lui quân về Biện Sơn và Tam Điệp. Ngày 17 tháng 12 năm 1788 tới nơi. Cũng cùng ngày đó, quân Thanh lục tục kéo vào Thăng Long.

Đại quân Lương Quảng đóng tại những khu bãi rộng hai bên bờ sông Hồng, giữa có bắc cầu phao. Quân của Sầm Nghi Đống đóng tại khu vực Khương Thượng. Đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở cung Tây Long. Quân «cần vương» của Lê Chiêu Thống đóng tại nội thành. Đạo quân Văn Nam đang trên đường tiến về đồn trú tại Sơn Tây.

Chiếm được Bắc Hà một cách dễ dàng, Tôn Sĩ Nghị hí hửng chủ quan, cho quân dừng lại ở Thăng Long nghỉ ngơi.

4. NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN RA BẮC ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

Hôm trước, được tin quân Thanh tiến vào Thăng Long thì ngày hôm sau (22-12-1788), đại quân Nguyễn Huệ đã lên đường ra Bắc.

Ngày 26-12 tới Nghệ An, Nguyễn Huệ cho dừng lại, mộ thêm quân. Với số quân mới mộ thêm, Tây Sơn đã có được 10 vạn người và một đội tượng binh lớn gồm vài trăm voi chiến.

Sau khi phiên chế xong đội ngũ, tổ chức duyệt binh, động viên tướng sĩ, gửi thư cho Tôn Sĩ Nghị xin «bãi binh» đề khiến giặc càng thêm kiêu ngạo, chủ quan, Nguyễn Huệ cho tiếp tục hành quân, 15 tháng 1 năm 1789 tới Tam Điệp.

Tới đây, ta dừng lại chuẩn bị chiến đấu thêm. Đồng thời truyền hịch kẻ tội quân Thanh, động viên nhân dân Bắc Hà đoàn kết, quyết tâm diệt địch.

Trong khi ta đang tích cực chuẩn bị phản công thì quân Thanh trái lại, rất lơ lửng, chủ quan, «mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang, không có kỷ luật gì». Nhân dân một cổ đôi lòng, hết quân Thanh cướp bóc, hà hiếp, lại Lê Chiêu Thống khủng bố, trả thù, đời sống vô cùng cực khổ nên hết sức căm ghét chúng và mong đợi Tây Sơn. Một số quan lại nhà Lê, lo lắng trước tình hình, đề nghị quân Thanh mau sớm đánh, nhưng Tôn Sĩ Nghị vẫn huênh hoang đặc chí: *“giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt”*. Và hân quyết định dời sang xuân, mùng 6 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), sẽ bắt đầu xuất quân.

Tuy nhiên, đề đề phòng, hân cũng chia quân đóng giữ một số đồn ở phía nam Thăng Long như Ngọc Hồi (huyện Thanh Trì), Hạ Hồi (huyện Thường Tín), Nhật Tảo (huyện Duy Tiên), v.v. một bộ phận quân Chiêu Thống giữ đồn Gián Khẩu làm tiền tiêu án ngữ đường tiến ra Thăng Long.

Nhìn chung đến lúc này, tình hình chính trị đã có lợi cho Tây Sơn. Về quân sự, địch tuy có đề phòng nhưng cũng còn rất nhiều sơ hở chủ quan, đang nghỉ ngơi mệt mỏi. Đối với Tây Sơn, đó là một thời cơ rất tốt để tiến công tiêu diệt địch, nhưng thời cơ này cũng chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn, vì ra giêng địch sẽ tiến công.

Với quyết tâm rất cao, mau chóng nắm lấy thời cơ có lợi, Nguyễn Huệ quyết định mở cuộc tiến công chớp nhoáng nhằm tiêu diệt toàn bộ quân Thanh.

Kế hoạch như sau:

— Đạo quân thứ nhất (chủ lực), do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy có nhiệm vụ tiến công vào hệ thống phòng ngự chính của địch trên đường phía nam kinh thành Thăng Long.

được địa hình có lợi. Tóm lại là đã tạo nên một số điều kiện thuận lợi cho cuộc phản công sau này. Chính Nguyễn Huệ, khi tới Tam Điệp đã xác nhận chủ trương này là đúng.

Trong khi thực hiện một số biện pháp đề nghị binh và ngăn chặn địch, quân ta bị mất lui quân về Biện Sơn và Tam Điệp. Ngày 17 tháng 12 năm 1788 tới nơi. Cũng cùng ngày đó, quân Thanh lục tục kéo vào Thăng Long.

Đại quân Lương Quảng đóng tại những khu bãi rộng hai bên bờ sông Hồng, giữa có bắc cầu phao. Quân của Sâm Nghi Đống đóng tại khu vực Khương Thượng. Đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở cung Tây Long. Quân «cần vương» của Lê Chiêu Thống đóng tại nội thành. Đạo quân Văn Nam đang trên đường tiến về đồn trú tại Sơn Tây.

Chiếm được Bắc Hà một cách dễ dàng, Tôn Sĩ Nghị hí hửng chủ quan, cho quân dừng lại ở Thăng Long nghỉ ngơi.

4. NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN RA BẮC ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

Hôm trước, được tin quân Thanh tiến vào Thăng Long thì ngày hôm sau (22-12-1788), đại quân Nguyễn Huệ đã lên đường ra Bắc.

Ngày 26-12 tới Nghệ An, Nguyễn Huệ cho dừng lại, mộ thêm quân. Với số quân mới mộ thêm, Tây Sơn đã có được 10 vạn người và một đội tượng binh lớn gồm vài trăm voi chiến.

Sau khi phiên chế xong đội ngũ, tổ chức duyệt binh, động viên tướng sĩ, gửi thư cho Tôn Sĩ Nghị xin «bãi binh» đề khiến giặc càng thêm kiêu ngạo, chủ quan, Nguyễn Huệ cho tiếp tục hành quân, 15 tháng 1 năm 1789 tới Tam Điệp.

— Đạo quân thứ hai do Đô đốc Bảo chỉ huy có nhiệm vụ theo đường Sơn Minh (huyện Ứng Hòa) ra làng Đa Áng đánh vào sườn tây nam đồn Ngọc Hồi, vị trí quan trọng nhất của địch, phối hợp với đạo quân chủ lực.

— Đạo quân thứ ba do Đô đốc Long chỉ huy theo đường huyện Chương Đức (Chương Mỹ hiện nay) thật nhanh chóng vu hồi vào sườn địch, tiến công vào quân Sầm Nghi Đống, sau đó phát triển vào Thăng Long.

— Đạo quân thứ tư đi đường thủy, do Đô đốc Tuyết chỉ huy tiến vào sông Lục Đầu, tiêu diệt quân căn vương của nhà Lê ở Hải Dương, làm tiếp ứng cho các đạo quân khác tiến công địch ở khu vực Thăng Long.

— Đạo quân thứ năm do Đô đốc Lộc chỉ huy cũng tiến theo đường trên, nhưng đi tới Lục Đầu sẽ đi gấp lên phía Phụng Nhớn, Lạng Giang, Yên Thế chặn đường rút chạy của địch.

Nguyễn Huệ quy định 30 tháng chạp năm Mậu Thân (25-1-1789) là ngày xuất quân và tuyên bố trước quân sĩ là sẽ ăn tết Khai hạ ở Thăng Long vào ngày mồng 7 tháng giêng.

Kế hoạch trên đã thể hiện lối đánh mạnh dạn nhưng chắc thắng của Nguyễn Huệ, dựa trên cơ sở quyết tâm cao, phát huy được khí thế hăng hái của những người nông dân được phát động triệt để tận dụng được yếu tố bí mật bất ngờ, lợi dụng được những sơ hở của địch. Nó còn thể hiện được lối đánh từ nhiều hướng bao vây vu hồi, kiên quyết tiêu diệt gọn địch.

Ngày 30 tháng chạp, quân chủ lực của Nguyễn Huệ vượt sông Gian Thủy, hạ đồn Gian Khẩu và tiếp tục tiến lên hạ một số vị trí khác. Ta đánh nhanh diệt gọn và êm, địch không biết tin tức gì về việc tiến quân của Tây Sơn.

Vừa đêm 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (28-1-1789), ta vây chặt Hạ Hồi, hư trương thanh thế, uy hiếp địch và bắt chúng phải hàng.

Ngày 4 (29-1-1789), ta tiếp cận Ngọc Hồi chuẩn bị tiến công. Mất đồn Hạ Hồi, Tôn Sĩ Nghị mới biết, hân rất hoảng sợ nhưng đang lo đối phó ở mặt nam thì ngay đêm đó (29-1), quân của Đô đốc Long đã đánh úp Khương Thượng tiêu diệt đạo quân Sâm Nghi Đống và nhanh chóng đánh vào Thăng Long, đồng thời thọc vào đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị.

Nghị vội vàng qua cầu phao, nhằm hướng bắc chạy trốn, *« Tướng sĩ thấy vậy, tranh nhau qua cầu mà chạy, cầu đứt, lăn ngã cả xuống sông chết đến vài vạn người »*.

Sáng sớm mùng 6 (31-1), trừ một bộ phận tiếp tục đuổi địch, còn các đạo quân khác đều được nghỉ ngơi ăn tết Khai hạ (7 tháng giêng), đúng như lời Nguyễn Huệ đã hứa trước quân sĩ ở Tam Điệp.

Một số lớn địch còn lại, hoặc tan tác dọc đường sau ra thú tội vài vạn người, hoặc chạy tới vùng Bắc Giang thì bị quân Đô đốc Lộc đón đánh tiêu diệt hết. Chỉ còn một số rất ít chạy thoát, trong đó có cả Tôn Sĩ Nghị.

Đạo quân Văn Quý ở Sơn Tây nghe tin thất trận cũng vội bỏ chạy từ ngày mùng 5.

Thế là không đầy một tuần lễ, hơn 20 vạn quân Thanh đã bị quét sạch khỏi đất nước ta, đại bộ phận bị tiêu diệt.

Với quyết tâm sắt đá và bước chân thần tốc của người lính Tây Sơn bền tập nhanh chóng trên một chặng đường xa, năm thời cơ có lợi nhất để bất ngờ bao vây tiến công địch, đánh nhanh diệt gọn, cuộc phản công chớp nhoáng của Nguyễn Huệ, nói một cách khái quát, có thể xem như một cuộc « tập kích lớn về chiến lược », đã thành công hoàn toàn.

Nền độc lập của dân tộc ta được giữ vững. Từ sau trận thua năm 1789, trước khi đế quốc Pháp xâm lược nước ta, phong kiến phương Bắc không còn dám tiến hành xâm lược nước ta nữa.

Phần thứ hai

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC TA

Những cuộc chiến tranh trên đây tuy diễn ra trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều thể hiện những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tập trung trên ba mặt chủ yếu sau đây :

I. TINH THẦN YÊU NƯỚC NỒNG NÀN TỰ LẬP, TỰ CƯỜNG, QUẬT CƯỜNG BẤT KHUẤT

Trong bản báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam tháng 2 năm 1951, Hồ Chủ tịch đã nói :

“ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn và nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng ¹.

Toàn bộ lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh chân lý sáng ngời đó, 40 thế kỷ qua là 40 thế kỷ đấu tranh kiên cường đề dựng nước và giữ nước.

Mỗi trang sử của ta đều nói lên ý chí tự lập tự cường, kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn sâu sắc của mỗi một người dân Việt Nam.

1. TINH THẦN YÊU NƯỚC ĐÓ DO ĐÂU MÀ CÓ?

Từ bao thế kỷ nay, để sống còn và phát triển, dân tộc ta đã kiên cường đấu tranh với thiên nhiên, với kẻ thù xâm lược, đã dựng nên một nước riêng biệt, giàu đẹp, có nền « văn hóa khá cao », có cương giới rõ ràng.

Chính do gắn bó với đất nước quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình, nơi mà đôi tay, bộ óc, trái tim đã tạo nên những thành quả lao động giàu đẹp và một nền văn hóa độc đáo nên nhân dân ta rất tha thiết yêu quê hương đất nước của mình, và đã không tiếc công sức, xương máu để xây dựng đất nước ta thành một quốc gia riêng và dùng mọi sức mạnh để bảo vệ nó.

Tinh cảm và ý thức đó chính là lòng yêu nước nồng nàn, sâu sắc của dân tộc Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh – *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr. 239.

2. TINH THẦN YÊU NƯỚC NỒNG NÀN ĐÓ GẮN LIỀN VỚI TINH THẦN YÊU TỰ DO, ĐỘC LẬP

Tinh thần yêu nước của dân tộc ta gắn liền với tinh thần yêu tự do, độc lập, không chịu làm nô lệ, không chịu mất nước, không chịu bị áp bức bóc lột.

Tinh thần yêu nước đó là một tinh thần yêu nước rất cao, có một nội dung phong phú. Do đó mà dân tộc ta luôn luôn phát triển mạnh mẽ.

3. YÊU NƯỚC LÀ PHẢI TỰ LẬP, TỰ CƯỜNG, PHẢI KIÊN CƯỜNG, BẤT KHUẤT

a) Trong mấy nghìn năm trở lại đây, sự phát triển của lịch sử đã đặt nước ta, một nước đất không rộng, người không đông trong điều kiện thường xuyên bị các thế lực phong kiến lớn mạnh ở bên ngoài nhòm ngó. Cuộc sống độc lập tự chủ thường xuyên bị uy hiếp. Chính trong hoàn cảnh đó, lòng yêu nước rất cao đã làm cho dân tộc ta sớm có ý thức mạnh mẽ về quyền làm chủ đất nước, quyền làm chủ vận mệnh của mình, đó là tinh thần tự lực tự cường, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất rất cao của dân tộc ta.

Tinh thần này biểu lộ rất rõ trong bốn câu thơ của Lý Thường Kiệt:

*« Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư ».*

Dịch: « Nước Nam có vua nước Nam ở đó,

Bờ cõi đã được ghi trên sách trời

Cớ sao quân giặc còn dám lại xâm phạm

Chúng bay sẽ bị đánh bại cho mà coi ».

Trong đoạn mở đầu Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi:

*«Nhu nước Đại Việt, đất văn hiến xưa.
Cõi bờ sông núi đã riêng, phong tục Bắc Nam
cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần, dựng nền độc lập.
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều chủ một
phương.*

*Tuy cường nhược có lúc khác nhau,
Mà hào kiệt bao giờ cũng có...».*

Trong lời tuyên bố của Nguyễn Huệ trước lúc xuất quân đại phá quân Thanh :

*«... Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã
phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia
nhau mà cai trị...».*

Có tinh thần tự lập tự cường rất cao như vậy nên dân tộc ta tuy thường xuyên bị các nước lớn mạnh uy hiếp, xâm lược, nhưng không hề bị mai một mà trái lại vẫn tồn tại và phát triển được cho tới nay. Không những thế, còn hùng mạnh hơn bao giờ hết, như ngày nay. Mặc dầu trong lịch sử có những thời kỳ rất dài (trong hơn một nghìn năm), bị nước ngoài đặt ách thống trị nhưng rồi dân tộc ta vẫn quật khởi vùng lên, liên tục đấu tranh kiên quyết, đã giành được nền độc lập và giữ vững nó trong nhiều thế kỷ.

Đúng như lời đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét :

«... Nhân dân ta vốn có tinh thần tự lập tự cường rất cao. Tinh thần ấy được giữ gìn và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử. Nó đã trở thành một truyền thống sâu sắc, một sức mạnh vật chất kỳ diệu của dân tộc ta...».

b) Cầm vũ khí đấu tranh là con đường sống còn duy nhất của dân tộc ta :

Từ xưa đến nay, dân tộc ta luôn luôn bị những nước phong kiến và đế quốc lớn mạnh gấp rất nhiều lần uy hiếp và xâm lược, mưu toan vứt bỏ quyền làm chủ đất nước.

thù tiêu nền độc lập dân tộc, mưu toan đồng hóa dân tộc, làm tiêu tan tinh thần yêu nước, tình cảm dân tộc, mưu toan cướp bóc mọi của cải vật chất, chiếm đoạt như giá trị tinh thần của nhân dân ta.

Kinh nghiệm của nhiều thế kỷ đấu tranh đã làm cho tổ tiên ta nhận thức một cách rất sâu sắc rằng để sống còn và phát triển, muốn thoát khỏi cuộc sống nô lệ ngai trâu cho cả nước, dân tộc ta không còn con đường nào khác là phải kiên cường bất khuất, phải cầm vũ khí và lên đấu tranh một mất một còn với kẻ thù xâm lược.

Đó là một vấn đề rất lớn, có quan hệ mật còn đối với vận mệnh dân tộc, mà Nguyễn Trãi, trải qua lịch sử, đã tổng kết trong hai câu mở đầu của Bình Ngô đại cáo:

«Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân ;

Quân điều phạt trước là khử bạo... ».

Muốn «yên dân» thì trước hết phải dùng «quân điều phạt» để «khử bạo». Ngoài ra không còn con đường nào khác. Tất cả những hành vi đầu hàng, thỏa hiệp, tin tưởng ở sự «vỗ về của thượng quốc» cầu xin ở kẻ thù, v.v, đó là phản bội, là ảo tưởng, đều dẫn đến mất nước.

Trong lời kêu gọi tướng sĩ trước khi xuất quân đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ cũng đã nói:

«... Từ đời nhà Hán đến nay, chúng (tức phồn kiêu phương Bắc) đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc... Mọi việc lợi, hại được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước... ».

Đó là kinh nghiệm, là truyền thống, là sự « lợi, hại, được, mất » của dân tộc ta, mà thực tiễn lịch sử đã chứng minh rất rõ rệt.

Sớm hiểu như vậy nên dân tộc ta rất kiên cường anh dũng, đã bao lần đứng lên cầm vũ khí kiên quyết đấu tranh đánh bại mọi kẻ thù đến xâm lược hoặc đang thống trị, vô luận đó là kẻ thù nào, dù là phong kiến phương Bắc, là đế quốc Mông Cổ khổng lồ và ngày nay là các đế quốc sừng sỏ trên thế giới (Pháp, Mỹ...).

Khi cầm vũ khí đứng dậy diệt giặc, nhân dân ta hiểu rằng chiến tranh đặt vấn đề mất, còn, chết, sống trước mọi người và trong chiến tranh sẽ không tránh khỏi những tổn thất nhất định, những hy sinh cần thiết. Nhưng vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần tự lập tự cường rất cao và ý chí kiên cường bất khuất lại trải qua thực tế đấu tranh của bao thế kỷ, nhân dân ta đã nhận thức sâu sắc rằng: trước quân thù hung bạo, trước nguy cơ mất nước thì phải đặt sự mất, còn của đất nước, của cả dân tộc lên trên hết, phải chiến đấu vì sự sống còn của cả dân tộc, trong đó có sự sống còn của chính bản thân, của gia đình mỗi người dân. Cho nên nhân dân ta dám chịu mọi hy sinh, mọi tổn thất để giành lấy bằng được sự sống còn của cả dân tộc. Tinh thần dám hy sinh, dám xả thân vì nước, thà chết chứ nhất định không chịu làm nô lệ, « cảm tử cho Tộc quốc quyết sinh » đã là động cơ thôi thúc mỗi một người dân ta trải qua bao thế kỷ cầm vũ khí xông lên kiên quyết chiến đấu chống quân thù.

Nhưng không những chỉ có quyết đánh, mà muốn giành và giữ vững độc lập, dân tộc ta còn phải quyết thắng một cách hết sức vẻ vang.

Trong suốt cả quá trình lịch sử, « nền độc lập của nước ta gắn liền với những chiến công oanh liệt của cha ông ta chống lại nhiều đạo quân xâm lược rất

mạnh... »¹. Các chiến thắng oanh liệt trên sông Cầu đời Lý, ở Vạn Kiếp, Bạch Đằng đời Trần, ở Chi Lăng, Xương Giang đời Lê, ở Ngọc Hồi, Đống Đa đời Tây Sơn, đều bắt nguồn từ tinh thần anh hùng bất khuất của dân tộc ta.

4. TRONG LỊCH SỬ PHONG KIẾN CỦA DÂN TỘC TA THÌ NÔNG DÂN LÀ NHỮNG NGƯỜI LUÔN LUÔN NÊU CAO TINH THẦN YÊU NƯỚC, TỰ LẬP TỰ CƯỜNG, KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT

Từ ngày xưa, nông dân lao động là lực lượng chủ yếu xây dựng nên đất nước, đồng thời cũng là những người bị áp bức bóc lột nhiều nhất. Một mặt họ yêu quý tất cả những gì họ đã làm nên, mặt khác họ hiểu rằng nếu nước mất thì nhà tan, nếu bị quân thù đến thống trị thì một cò dôi tròn, họ là những người bị áp bức, bóc lột cùng cực nhất. Cho nên họ coi sự nghiệp bảo vệ đất nước là sự nghiệp của chính mình, chứ không phải là sự nghiệp riêng của giai cấp quý tộc, của những nhà cầm quyền phong kiến. Họ đánh giặc là để bảo vệ sự sống còn của cả dân tộc — trong đó có sự sống còn của chính bản thân, để bảo vệ những thành quả lao động mà họ đã cần cù vất vả làm nên.

Anh hùng, bất khuất trong lao động sản xuất, nông dân ta cũng rất anh hùng, bất khuất trong đấu tranh giai cấp và trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Họ đã từng đấu tranh chống bọn phong kiến áp bức bóc lột, đã từng lật đổ các triều đại thối nát. Và trước giặc ngoại xâm, họ đã nêu cao tinh thần bất khuất kiên cường xả thân vì nước

1. Lê Duẩn — *Thanh niên trong lực lượng và trang hày vươn lên hơn nữa phấn đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969. tr. 12 và 13.

(tự đốt nhà cửa, đồng ruộng, hy sinh cả tính mệnh...) chịu đựng mọi hy sinh lớn lao nhất để đánh bại kẻ thù. Họ không những chỉ giúp đỡ, phục vụ quân đội đánh giặc mà còn tự tay cầm vũ khí đánh giặc với trăm phương nghìn kế của mình.

« ... Đặc biệt là nông dân ta trước đây đã từng nêu cao tinh thần quật khởi trong các cuộc khởi nghĩa lật đổ các triều đại phong kiến trong nước cũng như trong kháng chiến giữ nước chống lại nạn ngoại xâm »¹.

Nhưng trước đây, nông dân chưa có ý thức đầy đủ về đấu tranh giai cấp nên trong khi đứng lên đánh đổ phong kiến họ cũng chưa hiểu là phải xóa bỏ chế độ phong kiến, họ lật đổ triều đại phong kiến này rồi lại thay thế bằng một triều đại phong kiến khác. Và tinh thần dân tộc của nông dân không phải lúc nào cũng được phát huy đầy đủ, cũng có lúc nó bị lu mờ. Chỉ đến ngày nay, có chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có giai cấp công nhân, có Đảng lãnh đạo, giai cấp nông dân mới có thể phát huy được đầy đủ tinh thần và sức mạnh to lớn của mình trong đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc.

5. DÂN TỘC ANH HÙNG VÀ ANH HÙNG DÂN TỘC

Những trang sử vô cùng vẻ vang của ta đã nói lên. Dân tộc ta rất anh hùng, nhân dân ta rất anh hùng. Không có một nhân dân anh hùng, uy vũ không thể khuất phục, khó khăn không làm nản chí, dám hy sinh tất cả tính mệnh, tài sản... để chống giặc, thì không sao có thể

1. Võ Nguyên Giáp — Năm ông đường lối quân sự của Đảng, lên lên giành những thắng lợi mới. (Từ sau sẽ gọi tắt là đường lối quân sự của Đảng).

tạo nên được một sức mạnh vô địch để đánh bại mọi kẻ thù xâm lược lớn mạnh, không sao có được những chiến công hết sức oanh liệt, những sự tích thần kỳ.

Không có một nhân dân anh hùng như thế thì không sao có được những anh hùng kiệt xuất mà đến nay sách vẫn lưu danh.

Hai Bà Trưng, Bà Triệu phá bỏ những ràng buộc của lễ giáo đứng ra cầm quân đánh giặc, cứu nước đã tiêu biểu cho truyền thống của phụ nữ nước ta là «giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh».

Trần Quốc Tuấn, Trần Thủ Độ, trước sức mạnh như vũ bão của quân Nguyên, đã không hề khiếp nhược, luôn luôn nêu cao quyết tâm kháng chiến. Trần Bình Trọng thà chết không hàng giặc. Lê Lợi, Nguyễn Trãi linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã trải qua bao khó khăn nguy hiểm, anh dũng chiến đấu, đưa cuộc chiến tranh giải phóng tới hoàn toàn thắng lợi. Nguyễn Huệ, người anh hùng nông dân áo vải, đã đánh đổ bọn cầm quyền phong kiến trong nước, đánh bại cuộc xâm lược của nhà Thanh, dựng nên những võ công vô cùng hiên hách, v.v. Ngoài ra còn biết bao những anh hùng khác tiêu biểu một cách rực rỡ cho chí khí anh hùng bất khuất của cả dân tộc ta.

Chúng ta hiểu rõ: quyết định vận mệnh dân tộc, làm nên lịch sử phải là cả một nhân dân anh hùng, một tập thể anh hùng, một dân tộc anh hùng. Đồng thời cũng phải ghi nhớ công lao của các anh hùng dân tộc. Họ trở thành anh hùng vì họ hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì có dân ủng hộ, vì biết dựa vào dân và chính có nhân dân anh hùng họ mới làm nên được những sự nghiệp anh hùng.



Yêu nước nồng nàn, tự lực tự cường, kiên cường bất khuất là một truyền thống lâu đời hết sức tốt đẹp và quý báu của dân tộc ta.

Dứng lên cầm vũ khí kiên quyết đánh đến cùng, chống mọi kẻ thù là con đường sống còn duy nhất và đúng đắn của dân tộc ta.

Chúng ta vô cùng tự hào và rất trân trọng truyền thống đó, kinh nghiệm đó.

Ngày nay, có chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có Đảng lãnh đạo, biết kết hợp chặt chẽ quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc, kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản chân chính, quán triệt quan điểm cách mạng bạo lực, có tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp vô sản, chúng ta lại càng có điều kiện phát huy tới trình độ cao truyền thống yêu nước nồng nàn, tự lực tự cường, kiên cường bất khuất. Chúng ta càng thấm thía sâu sắc rằng : Để chống bạo lực phản cách mạng thì không có con đường nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng để đánh bại kẻ thù dân tộc và giai cấp, giành lấy những quyền lợi sống còn cho nhân dân.

Từ thuở xưa, tổ tiên ta đã biết đấu tranh kiên quyết chống kẻ thù thì ngày nay có chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có Đảng lãnh đạo, nhân dân ta nhất định lại càng vững chắc hơn, càng kiên quyết đánh đến cùng, quyết tâm đánh bại toàn toàn' để quốc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai, quyết không có một chút ảo tưởng nào đối với chúng được.

II. TINH THẦN ĐOÀN KẾT

Tại đại hội Thanh niên Quyết thắng toàn quân lần thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn nói :

« Trong lịch sử nước ta, dân tộc ta phải luôn luôn đương đầu với giặc ngoại xâm, lực lượng quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc bao giờ cũng là khối đoàn kết chặt chẽ của cả dân tộc mà nông dân là lực lượng lớn nhất, mạnh nhất ».

Ở nước ta, đoàn kết dân tộc, từ ngàn xưa đã trở thành một nhu cầu khách quan, một lẽ sống thiêng liêng của dân tộc.

Những câu « Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng », « Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao »... lưu truyền từ trước đến nay, đã phần nào nói lên tinh thần đoàn kết, sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc.

Nhận rõ điều đó, với mức độ khác nhau, tùy theo đặc điểm cụ thể của từng triều đại, tổ tiên ta đã biết tìm sức mạnh trong việc thắt chặt đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong nội bộ quân đội và nội bộ triều đình, đoàn kết giữa quân và dân, đoàn kết giữa các dân tộc cùng sống trên một đất nước.

1. ĐOÀN KẾT VỚI DÂN

a) Tuy còn nhiều hạn chế, nhưng những nhà lãnh đạo thời xưa, do thực tiễn của lịch sử, đã ít nhiều nhận thức được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân.

Trần Quốc Tuấn đã thấy được ý chí của dân chúng mới là thành trì kiên cố nhất để giữ nước (*chúng chi thành thành*).

Nguyễn Trãi, gần gũi với nhân dân hơn, đã hiểu: *« Thường nghĩ những quy mô lớn lao lộng lẫy đều là do sức lao khổ của nhân dân »* và *« mến người có nhân là dân, mà chở thuyền và lật thuyền cũng là dân »*.

Nhận thức được như thế, họ đã tìm ra con đường đúng đắn là phải dựa vào toàn dân, dựa vào sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc thì mới có lực lượng để chiến thắng quân thù lớn mạnh, hung bạo.

Đi ngược lại con đường đó là thất bại. Cuộc kháng chiến chống quân Minh do nhà Hồ lãnh đạo là một dẫn chứng rất điển hình. Đúng như lời của Nguyễn Trãi, trong bài thơ « Đông cửa bể » (Quan hải), đã phê phán rất sâu sắc những sai lầm của Hồ Quý Ly, chỉ biết dựa vào xích sắt, cọc gỗ, khóa cửa biển, mà không biết dựa vào sức mạnh của nhân dân, chỉ biết cậy nơi hiểm yếu, thành cao, lũy dày, quân đông, binh khí tinh xảo... mà không biết chú trọng tới lòng người...

« Thung mộc trùng trùng hải lãng tiên.

Trầm giang thiết tỏa diệp đồ nhiên.

Phúc chu thủy tín dân do thủy,

Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên... »¹

1. Trong « *Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi* », Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1962, tr. 30.

Dịch :

« Cọc cắm hết lớp này đến lớp khác trước sông bèo.
Giăng dây sắt ngăm, khóa sông lại cũng uống công thôi.
Úp thuyền mới rõ sức dân mạnh như nước,
Hiềm yếu không cậy được, không phải mệnh ở trời... ».

b) Muốn dựa được vào dân, các nhà cầm quyền phong kiến cho rằng « đối với dân phải hết sức hòa », phải « *lấy điều lo của sinh dân làm điều lo thiết kỷ* » (Nguyễn Trãi), « *phải khoan sức cho dân, để làm cái kế rã bèn sâu gốc* » và coi « *đó là thượng sách để giữ nước* » (Trần Quốc Tuấn).

Cho nên trong một chừng mực nào đó, các triều đại phong kiến đã có những quan tâm nhất định tới quyền lợi của dân, nhất là khi cần động viên, huy động lực lượng để chống ngoại xâm hoặc lật đổ kẻ thù đang thống trị.

Thời Lý, Trần đã có những biện pháp kinh tế nhằm phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp, chú trọng mở mang dê điều, thủy lợi, giảm nhẹ hoặc miễn thuế cho dân những năm bị mất mùa ; áp dụng chính sách « ngụ binh ư nông », nhằm bảo đảm vừa có lực lượng sản xuất vừa có lực lượng chiến đấu, giảm bớt được phần nào gánh nặng cho dân... Lê Lợi, Nguyễn Trãi chủ trương « *vừa cày ruộng vừa đánh giặc* ». Nguyễn Huệ có chính sách « *khuyến nông* » v.v.

Về mặt chính trị, cũng phải có một số biện pháp mở rộng quyền hạn của nhân dân, như mở khoa thi đề tuyển nhân tài — dần dần bỏ chế độ « con quan thì lại làm quan » — cất nhắc những người từ hàng ngũ gia nô lên làm những chức vụ quan trọng (như trường hợp đối với Yết Kiêu, Dã Tượng), mở hội nghị đề hỏi ý dân (như hội nghị Diên Hồng), v.v.

Thực hiện những biện pháp trên thì trước hết và chủ yếu là vì quyền lợi của giai cấp phong kiến, của nhà nước

phong kiến. Nhưng mặt khác, cũng làm cho việc làm ăn và đời sống của nhân dân ít nhiều được bảo đảm hơn. Do đó có tác dụng động viên nhân dân, củng cố được khối đoàn kết toàn dân, làm cho nước được giàu, dân được mạnh; có thể mới đủ sức đề giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc.

c) Nhưng dưới thời phong kiến, nói «sức dân», «lòng dân» thì cũng vẫn chủ yếu là nói đến nông dân lao động, tức là những người nông dân tự do, nông nô, nô tì, v.v. lực lượng lớn nhất và mạnh nhất của dân tộc.

Cố nhiên trong xã hội phong kiến, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ là mâu thuẫn đối kháng, đấu tranh giai cấp không thể điều hòa được. Nhưng trước nguy cơ mất nước, khi cần tập trung lực lượng giải quyết mâu thuẫn dân tộc, nông dân vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, ý thức làm chủ vận mệnh đất nước, nhận thức được kẻ thù chủ yếu, trước mắt là kẻ thù dân tộc và trong điều kiện giai cấp phong kiến trong nước biết dựa vào dân, có chú ý tới quyền lợi của nông dân đến chừng mực nào đó, thì nông dân vẫn kiên quyết đứng lên đánh bại kẻ thù đang thống trị hoặc xâm lược.

Sự thật lịch sử qua các triều đại đã chứng minh rõ ràng là: «... Nói phong trào dân tộc Việt Nam tức là nói phong trào nông dân Việt Nam. Ý thức dân tộc của nông dân đã rất mạnh ngay trong thời kỳ phong kiến nghìn năm trước đây do tình trạng bị mất nước tạo nên. Ý thức cách mạng của nông dân không phải chỉ là ý thức dân tộc mà còn là ý thức về quyền lợi giai cấp. Trong lịch sử chống ngoại xâm nghìn năm trước đây, dưới chế độ phong kiến, những khi có mâu thuẫn gay gắt về quyền lợi với phong kiến thì nông dân không theo phong kiến đề chống ngoại xâm nữa. Do đó phong trào dân tộc sát kèm. Nhưng khi quyền lợi của nông dân được chú ý đến thì nông

dân tham gia tích cực và phong trào dân tộc mạnh. Ví dụ phong trào chống quân Nguyên dưới thời Trần Hưng Đạo, phong trào chống quân Minh do Lê Lợi cầm đầu đều giành được thắng lợi to lớn là vì lãnh đạo các phong trào này, Trần Hưng Đạo và Lê Lợi đều có chiều cố đến quyền lợi của nông dân, mang lại quyền lợi cho nông dân chừng mực nào...»¹.

2. CHỦ TRỌNG SỰ HÒA THUẬN TRONG NỘI BỘ TRIỀU ĐÌNH

Tiêu biểu là thời Lý và thời Trần. Trước nguy cơ bị xâm lược, Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành đã biết gạt lợi ích riêng, thù riêng mà đoàn kết lại.

Giữa vua Trần và Trần Quốc Tuấn, vốn có mối hiềm riêng, hoặc giữa Trần Quang Khải và Trần Quốc Tuấn, có sự bất đồng, nhưng đều biết xem quyền lợi dân tộc làm trọng, đã vì nước mà đoàn kết, cùng nhau ra sức chống giặc.

Sự đoàn kết trong nội bộ triều đình đã được xem là một trong những nguyên nhân quan trọng quyết định thắng lợi của chiến tranh, thể hiện trong câu nói sau đây của Trần Quốc Tuấn: *«Vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên giặc phải bỏ tay»*².

3. ĐOÀN KẾT TRONG QUÂN ĐỘI

Ở nhiều triều đại khác nhau, nhưng các nhà cầm quân của ta đều cùng chung một điểm là hết sức lo tới sự hòa

1. Lê Duẩn — *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1965, tr. 69, 70.

2. *Việt sử thông giám cương mục*, tập V, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr. 98.

thuận, sự nhất trí trong nội bộ quân đội, giữa chỉ huy và binh sĩ, giữa binh sĩ với nhau...

Trần Quốc Tuấn: « *Cốt dùng được binh phải đồng lòng như cha con một nhà thì mới có thể đánh được* ».

Nguyễn Trãi, trong thư viết cho Vương Thông: « *Quân mạnh hay yếu không cứ ở nhiều. Nhà Hồ thì dối trời hại dân, mà tôi thì kính trời thuận dân, lẽ thuận nghịch không giống nhau là một. Quân của nhà Hồ trăm vạn người trăm vạn lòng, mà quân của tôi bất quá vài mươi vạn, nhưng ai cũng một lòng, không giống nhau là hai...* ».

Hoặc trong *Bình Ngô đại cáo*, cụ viết:

« *Nêu hiệu gậy làm cờ, tụ tập khắp bốn phương mạnh mẽ* ;

Thết quân, rượu hòa nước, quân đội cha con một lòng.

Đến Nguyễn Huệ: « *Quân lính cốt hòa thuận, không cốt đông* », v.v.

Dưới thời phong kiến, có quan diêm như thế, thực khá tiến bộ và đáng khâm phục.

Đề xây dựng mối quan hệ « phụ tử chi binh », sự đoàn kết nhất trí trong quân đội, các nhà cầm quân của ta đã một mặt chăm lo tới đời sống của quân sĩ « lo cái lo của quân sĩ, đau cái đau của quân sĩ » nên có tinh thần đồng cam cộng khổ, nhường cơm sẻ áo, cứu đỡ nhau trong lúc khó khăn nguy hiểm; mặt khác biết kêu gọi tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, vừa nêu rõ sự nhất trí về quyền lợi, vừa lấy nghĩa lớn ra đề kêu gọi, trên cơ sở đó mà động viên mọi người đoàn kết, chung sức diệt giặc (như trong *Hịch tướng sĩ* văn của Trần Quốc Tuấn, *Chiêu dụ hào kiệt* của Lê Lợi).

4. ĐOÀN KẾT GIỮA QUÂN VÀ DÂN

Là một vấn đề cũng được coi trọng, thời Trần: *« Các vương hầu và các tướng sĩ ai nấy phải cần giữ phép tắc, đi đến đâu không được quấy nhiễu dân »*.

Thời Lê chống Minh, cách đối xử với dân càng được quy định rõ ràng và tinh thần đoàn kết giữa quân và dân càng mật thiết. Quân ta tiến vào vùng địch còn chiếm đóng thì *« Dân ta khổ vì giặc đã lâu, phạm đến châu huyện nào, máy may không được xâm phạm »*. Giải phóng một vùng nào, Lê Lợi đều ra lệnh: *« ... quân sĩ không được đụng chạm tơ hào của dân chúng. Trâu, bò, thóc lúa nếu không phải là của tàng trữ của người Minh thì không được lấy »*. Ngược lại, những hình ảnh dân chúng đi theo nghĩa quân đông như đi chợ, giúp đỡ và cùng nghĩa quân vây thành, đánh giặc, v.v. cũng nói lên tình nghĩa của dân đối với quân. Thời Tây Sơn, cũng có nhiều sự việc thể hiện rất rõ tình đoàn kết giữa nhân dân và nghĩa quân.

5. ĐOÀN KẾT GIỮA CÁC DÂN TỘC ANH EM CÙNG CHUNG MỘT ĐẤT NƯỚC

Dưới thời phong kiến, cổ nhiên không có sự bình đẳng giữa các dân tộc, nhưng đứng trước một kẻ thù chung, hung bạo, các dân tộc anh em luôn luôn biết đoàn kết lại để bảo vệ sự sống còn của mình. Những triều đại tiến bộ cũng biết chăm lo đến sự gắn bó mật thiết giữa các dân tộc nhằm mục đích đánh giặc giữ nước và cứu nước. Nhân dân các dân tộc Mường, Tày, Nùng, Thái, Chăm, Chơrơ Lơ, Tây Nguyên... đã từng đóng góp công lao cực kỳ to lớn trong sự nghiệp chống Tống, Nguyên, Minh, Pháp, v.v. cùng với nhân dân thuộc dân tộc Việt (tức người Kinh) lập nên những chiến công lẫy lừng.

Tim sức mạnh trong việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết của toàn dân tộc, đó là một truyền thống tốt đẹp, đồng thời là một bài học thành công lớn của tổ tiên ta.

Tổ tiên ta xuất phát từ tình thần yêu nước, ý thức dân tộc và kinh qua thực tiễn của lịch sử mà có được kinh nghiệm quý báu trên, tìm ra được con đường đúng đắn và có tính chất tất yếu trên.

Còn ngày nay, xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng của giai cấp công nhân đã vạch rõ: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng tiến hành.

Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, đáp ứng được quyền lợi cơ bản của nhân dân, trước hết là của công nhân và nông dân, do đó đã phát huy được sức mạnh to lớn của công nông và toàn dân để đánh bại kẻ thù.

Ngày xưa, nông dân lao động trong điều kiện có mâu thuẫn giai cấp với các tập đoàn lãnh đạo, chỉ có thể phát huy tính tích cực và lòng yêu nước của mình đến một mức độ nhất định, mà sự đoàn kết toàn dân đó đã cho phép lập được những chiến công oanh liệt.

Ngày nay, toàn dân đoàn kết xung quanh khối liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng, vùng lên đánh giặc với một trình độ giác ngộ giai cấp và dân tộc rất cao, với tư thế là người chủ tập thể của đất nước, đã phát huy đến cao độ sức mạnh của mình, đã lập được những sự tích thần kỳ và nhất định sẽ còn lập nên sự nghiệp càng to lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh đánh bại sự xâm lược và nô dịch của đế quốc Mỹ và tay sai.

III. NGHỆ THUẬT CHI ĐẠO CHIẾN TRANH XUẤT SẮC

Các cuộc chiến tranh trong lịch sử của dân tộc ta diễn ra trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng những chiến công hiển hách của Tồ tiên ta đều có những biểu hiện tương đối thống nhất của một nền nghệ thuật chi đạo chiến tranh độc đáo, ưu việt.

« Chủ nghĩa Mác — Lê-nin không phủ định lịch sử và tinh hoa của một dân tộc ; ngược lại nó còn phát triển những tinh hoa đó đến một trình độ mới trong điều kiện lịch sử mới. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, dân tộc ta đã từng bao phen anh dũng đứng dậy chống nạn ngoại xâm, giữ gìn độc lập cho đất nước. Trong các cuộc đấu tranh vũ trang đó, dân tộc ta đã có những sáng tạo kiệt xuất về tài thao lược »¹.

Trước nạn ngoại xâm, dân tộc ta không có con đường nào khác là con đường đứng lên cầm vũ khí chống quân thù. Nhưng quân xâm lược là một kẻ địch có lực lượng quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Để đánh bại một kẻ địch như vậy, Tồ tiên ta đã biết tìm sức mạnh trong khối đoàn kết toàn dân. Còn phải sáng tạo ra cách đánh như thế nào để đánh thắng địch.

1. Võ Nguyên Giáp — *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 43.

Đất nước ta không ~~lớn~~ người nước ta không
địch là một nước lớn người nhiều, ~~cha~~ nhiều. Cho nên để
giữ gìn đất nước, yêu cầu của dân tộc ta là phải đánh
quyết liệt, phải thắng oanh liệt, phải lập nên những chiến
công vang dội, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm tan rã ý
chí xâm lược của chúng.

*« Nền độc lập của nước ta gắn liền với những
chiến công oanh liệt của cha ông ta chống lại nhiều
đạo quân xâm lược rất mạnh »¹.*

Do điều kiện lịch sử trước đây, nền nghệ thuật chỉ đạo
chiến tranh của Tỏ tiên ta không thoát khỏi sự ràng buộc
và hạn chế của ý thức hệ phong kiến, nhưng từ đời này
qua đời khác, nó cũng đã được xây dựng tương đối
toàn diện.

Đặc điểm của nền nghệ thuật đó là :

1. Nghệ thuật đó không những chỉ đạo lực lượng vũ
trang, mà còn chỉ đạo nhân dân vũ trang kết hợp với lực
lượng vũ trang.

Nghệ thuật đó không chỉ dựa vào quân đội, mà dựa
vào dân chúng và quân đội để giành chiến thắng. Toàn
dân đánh giặc, điều đó đã được nhiều cuộc chiến tranh
chống xâm lược trong lịch sử ta chứng minh. Nhân dân
không những cất giấu lương thực, thực hành « thanh gia »
gây cho địch nhiều khó khăn về tiếp tế lương thực, mà
còn trực tiếp giết giặc. Ở nước ta « giặc đến nhà, đàn bà
cũng đánh », thiếu niên, phụ lão cũng đánh, những điều
đó đã có từ ngàn xưa.

Nếu lên điểm đó, nhà quân sự vĩ đại Trần Quốc Tuấn
có nói : *« Cả nước góp sức chiến đấu nên giặc phải*

1. Lê Duẩn — *Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn
lên hơn nửa phần đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong
sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội,
1969, tr. 12 và 13.

bỏ tay». Theo nhà sử học thế kỷ XIX Phan Huy Chú thì «*đời Trần nhân dân ai cũng ra binh, nên mới phá được giặc đứ, làm cho đất nước được mạnh*»¹.

Với lực lượng vũ trang của cả nước, lực lượng vũ trang các địa phương kết hợp với thổ binh, hương binh, dân binh và dân chúng, sức mạnh của toàn dân, toàn quân được phát huy đến độ cao để diệt giặc.

2. Trong điều kiện ta là một nước đất không rộng, người không đông, phải đánh phải thắng oanh liệt một quân đội xâm lược của một nước phong kiến lớn mạnh, dân tộc ta đã tạo nên một nghệ thuật mà Tồ tiên ta gọi là «*lấy ít đánh nhiều, lấy yếu trị mạnh, lấy đoản chống trường*».

«*Dai khái quân giặc cây vào trường trận, quân ta cây vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp*»².

«*Bạc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bạc nghĩa giả lấy ít địch nhiều*»³.

Trong nhiều cuộc chiến tranh, quân và dân ta đã đánh địch cả ở trước mặt và sau lưng, đánh địch tại chỗ, không những tiêu diệt sinh lực địch mà còn làm tan rã quân xâm lược về tổ chức và về tinh thần, không những đánh tập trung mà còn đánh phân tán, dùng nhiều cách đánh, đánh những đòn oanh liệt làm cho địch gãy xương sống, nát xương sườn. Tồ tiên ta coi trọng việc dùng lực lượng một cách hợp lý, nhằm đạt hiệu lực cao, như Nguyễn Trãi nói: «*Sức dùng có nửa, công được gấp đôi*».

1. Phan Huy Chú — *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập IV, bản dịch, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 6.

2. *Việt sử thông giám cương mục*, tập V, bản dịch, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr. 99.

3. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, bản dịch, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 21.

Không những biết giành thắng lợi quân sự quyết định mà còn có biện pháp đề phòng cố những thắng lợi đó.

Câu ca dao từ ngàn xưa :

« Nực cười, châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai đề xe nghiêng »

có thể nói lên phần nào đặc điểm này.

3. Nghệ thuật đó xây dựng trên cơ sở một tinh thần yêu nước rất cao, một tinh thần quật cường bất khuất, tự lập tự cường rất mạnh, trên cơ sở tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh, nên có sức sống mãnh liệt, có tinh thần tích cực chủ động rất cao. Nền nghệ thuật đó biết phát huy những chỗ mạnh mọi mặt của mình nhất là chỗ mạnh về tính chất chính nghĩa, về ý chí bất khuất kiên cường của dân tộc, về chất lượng mọi mặt của quân đội, đề đánh quân địch vào chỗ chúng yếu, lúc chúng yếu. Nhiều nhà quân sự nổi tiếng thời xưa thường nhấn mạnh cách đánh chủ động linh hoạt, như người đến, chứ không đề người như, cách đánh vu hồi, bao vây chặt chẽ đề tiêu diệt gọn, tiến công liên tục, dồn địch vào thế bị động chịu đòn, không có cách nào thoát khỏi bị tiêu diệt.

4. Nghệ thuật đó rất sáng tạo, độc đáo, rất xuất sắc, tinh vi, rất mưu trí và linh hoạt :

« Ông cha ta ngày trước có nhiều sáng tạo về cách đánh giặc, không có sáng tạo đó, không thể giữ được nước, không thể giành được tự do »¹.

« Anh dũng và thông minh là hai yếu tố tạo nên sức mạnh của dân tộc ta trong chiến đấu chống ngoại xâm »².

1. Lê Duẩn—*Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa phấn đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 29.

2. Lê Duẩn—*Cứu nước là nghĩa vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta*, Tạp chí *Quân đội nhân dân*, số 12 năm 1960, tr. 5.

« Tỏ tiên ta đã biết dựa trên yếu tố chính nghĩa, trên tinh thần yêu nước nồng nàn và chiến đấu anh dũng của quân và dân, phát huy mọi cái mạnh của ta trong điều kiện ta chiến đấu trên đất nước mình, đánh bại những đạo quân xâm lược từ xa đến, mà sáng tạo ra cách đánh của ta, buộc địch phục tùng ý chí của ta, buộc địch đánh theo cách đánh có lợi cho ta, không cho địch đánh theo cách đánh sở trường của chúng.

Nguyễn Huệ nói: « *Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hiệp ít* »¹.

Trong chỉ đạo chiến tranh, Trần Quốc Tuấn nhấn mạnh: « *Phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tùy theo thời cơ mà ứng biến cho đúng* »².

Ngô Thời Nhiệm, một tướng giỏi của Nguyễn Huệ cho rằng, là một người tướng giỏi phải biết « *lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ* »³.

Sức sáng tạo của dân tộc ta thể hiện ở chỗ, không phải chỉ có quân đội đánh giặc, mà là cả nhân dân và quân đội cùng đánh. Ta yếu mà ta đánh thắng, đó cũng là sáng tạo. Sự nỗ lực chủ quan phi thường của toàn dân tộc, sức sống mãnh liệt của nền nghệ thuật đó cũng nói lên sức sáng tạo này.

1. *Tây Sơn bang giao tập*. Dẫn trong « *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* » của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1971, bản in lần thứ hai, tr. 344.

2. *Việt sử thông giám cương mục*, tập V, bản dịch, tr. 100.

3. Ngô gia văn phái — *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 342.

Nền nghệ thuật đó dựa trên cơ sở đánh giá địch, ta một cách bình tĩnh, hiểu địch, hiểu ta một cách sâu sắc.

Trần Quốc Tuấn cho rằng: *« Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ chống cự được »*¹.

Nguyễn Trãi nói: *« Tri kỷ tri bi, năng nhược năng cường »*². Nghĩa là biết người biết ta, có thế yếu, có thế mạnh.

Tỏ tiên ta đã không nao núng vì sức mạnh tạm thời của địch, không bị uy hiếp vũ bão bên ngoài của chúng. Những nhà quân sự thời xưa của ta hiểu rõ: ta không phải chỉ có yếu, mà còn có mạnh, hơn nữa có những chỗ mạnh rất cơ bản, còn địch, không phải chỉ có mạnh, mà còn có yếu, những chỗ yếu trí mạng tất yếu, đồng thời cũng thấy rõ những chỗ và lúc địch yếu, ta mạnh, để có những chủ trương chiến lược thích hợp.

Nhìn bao quát cả cuộc chiến tranh, Tỏ tiên ta không sợ địch, tin tưởng mình có thể đánh bại địch. Trong việc xử trí tình huống chiến lược cụ thể thì không khinh địch, đánh giá đúng mức sức mạnh ban đầu của quân xâm lược: lúc quân địch còn mạnh thì ta hành động rất thận trọng, nhưng khi địch đã trở thành yếu lại hành động rất táo bạo. Trước thanh thế lớn lao của quân Thanh tiến vào xâm lược nước ta, lời phân tích của Ngô Thời Nhiệm sau đây nêu rõ được phần nào điều đã nói trên: *« Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước; đừng có đem nước sau làm nước trước, đó mới là tay cao cờ. Nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm, rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích*

1. *Việt sử thông giám cương mục*, tập V, tr. 99.

2. *Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi*, bản dịch, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1962, tr. 115.

của nước Tấn đời xưa, vẫn nguyên lành chứ có mất gì»¹ (chúng tôi nhấn mạnh, T.G).

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn tình thế khách quan biết địch biết ta một cách đúng đắn, Tồ tiên ta đã phát huy đến mức độ cao nỗ lực chủ quan, phát huy đến độ cao trí tuệ của mình, tìm ra trăm phương nghìn kế, khắc phục muôn vàn khó khăn gian khổ và đã lập nên những chiến công kỳ lạ. Đó cũng chính là điều kiện làm cho tính sáng tạo trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh đạt đến trình độ rất cao, câu nói của Nguyễn Trãi có thể nói rõ điều đó:

«Cỏ lē nhiều tai nạn chính là cái gốc đề dựng nước, mà sự bắn khoăn lo lắng cũng là cái nền để mở ra nghiệp thanh.

Trải biến cố nhiều thì trí lự sâu,

Lo công việc xa thì thành công kỳ.

Để vương nổi lên, ai cũng thế này»².

Yếu có thể đánh mạnh, ít đánh nhiều là do tính thần dũng cảm dám đánh và sau đó là biết đánh — đánh mai phục — lừa địch vào sâu — toàn dân đều đánh, v.v.

Có thể nêu lên một số nội dung chính của nền nghệ thuật đó thành 3 vấn đề lớn như sau:

A — Chỉ đạo quân sự.

B — Địch vận.

C — Đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao.

A — CHỈ ĐẠO QUÂN SỰ

1. Trong chỉ đạo tác chiến về chiến lược, chiến thuật dân tộc ta đã từng có kinh nghiệm tốt về đánh lâu dài:

1. Ngô gia văn phái, *tài liệu đã dẫn*, tr. 342.

2. Nguyễn Trãi — Chí Linh sơn phú.

Xét thực tiễn diễn biến của nhiều cuộc chiến tranh thắng lợi có thể thấy rõ Tò tiên ta không bao giờ đi trạch khỏi mục đích quân sự cuối cùng là tiến công tiêu diệt địch trên đất nước ta. Nhưng Tò tiên ta cũng không hề tách mục đích cần đạt đó với điều kiện khách quan là lúc đầu lực lượng quân sự địch mạnh, ta yếu.

Trước quân địch lớn mạnh, các nhà quân sự ta đã biết tránh quyết chiến trong điều kiện không có lợi khi cuộc chiến tranh mới bắt đầu, nhằm bảo toàn lực lượng, tranh thủ thời gian, tạo nên thế có lợi cho ta, làm địch suy yếu, bồi dưỡng lực lượng ta, rồi từng bước tiêu diệt quân địch mà giành thắng lợi trong chiến tranh.

Trong chiến tranh tự vệ, trước thế tiến công mạnh mẽ của quân địch có ưu thế về số lượng, Tò tiên ta đã tránh không giốc toàn lực lượng để hòng phân thắng bại, giành thắng lợi nhanh chóng ngay buổi đầu, mà đã biết thực hành rút lui chiến lược, có gan rút bỏ kinh đô, cho địch vào sâu mà tiêu hao địch. Trong chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ nhất, trước ý định của vua Trần quyết chiến với địch trong điều kiện không có lợi ở gần biên giới, tướng Lê Phù Trần đã can rằng: « *Làm như vậy thì chỉ như những người giốc hết túi tiền để đánh nổi tiếng bạc mà thôi* »¹, và khuyên « *hãy nên lánh đi* »². Trong chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ hai, Trần Quốc Tuấn đã chủ trương « *Nguyên binh khi nhuệ dương hưng, kịp đánh chẳng bằng kiên thủ chờ suy* »³. Do đó quyết định rút khỏi Vạn Kiếp, rút khỏi kinh thành. Nhận xét về chủ trương rút bỏ Thăng Long của

1, 2. *Việt sử thông giám cương mục*, tập V, tr. 34.

3. *Thiên nam ngữ lục*.

Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm, Nguyễn Huệ đã đưa ra giá « *Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành hãy chính đồn đội ngũ, rút về giữ chỗ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho lòng giặc kêu căng...* »¹.

Nhưng rút lui chiến lược của Tờ tiên ta có những độc đáo. Đất nước ta không rộng, chiều sâu không lớn nếu cứ rút mãi thì sẽ không còn đất dè mà rút, phải tự hãm mình vào thế bị động nghiêm trọng. Trong chiến tranh chống quân Nguyễn lần thứ hai, Trần Quốc Tuấn đã chặn đánh địch ở phía nam, trong khi ở phía bắc thì chỉ huy chủ lực rút lui từng bước. Trong cuộc chiến tranh này cũng có nhiều cuộc chiến tranh tự vệ khác, khi chủ lực rút lui, quân địa phương vẫn ở lại phối hợp với thổ binh, dân binh hương binh đánh địch tại chỗ, thực hiện rút phía trước nhưng đánh mạnh phía sau lưng địch. Tóm lại, trong quá trình rút lui vẫn tiến công tích cực. Trong lịch sử dân tộc cũng có những nhà cầm quân không biết tiếp thu nghệ thuật đúng đắn đó của dân tộc, nên đã bị thất bại; trong chiến tranh chống quân Minh dưới thời Hồ, trận quyết chiến thất bại ở Đa Bang, rồi chỉ rút lui chạy dài mà không tích cực tiến công địch, đã đưa cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta đến thất bại.

Thừa nhận sự cần thiết rút lui chiến lược, biết cách rút lui đúng đắn và có lợi, các nhà quân sự ta còn thông thạo trong việc tạo nên điều kiện để chuyển sang quật tấn lại địch những đòn quyết liệt, biết vận dụng một cách sáng tạo nguyên tắc quân sự cổ đại « *Đi dặt dãi lao* » tức là *lấy nhân chờ mệt, lấy mạnh chờ yếu, lấy sung sức chờ hao mòn*. Trong quá trình phòng ngự, rút lui, không những không liên tục tiêu hao địch, buộc địch phải chịu ảnh hưởng

1. Ngô gia văn phái — *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch của Ngô Tất Tố, Nhà xuất bản Mai Lĩnh, Hà Nội, 1954, tr. 531

không lợi của khi hậu và địa hình nước ta, hăm chúng vào tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng, mà còn biết buộc địch rải quân ra (như Trần Quốc Tuấn) hoặc làm cho địch sơ hở phạm sai lầm (như Nguyễn Huệ) tức là tạo nên một thế chiến lược khiến cho địch từ mạnh trở thành yếu, từ bọc lỏ nhược điểm, dễ diệt đội quân xâm lược lớn mạnh.

Để đạt tới mục đích đó, các nhà quân sự ta thường dùng hai cách: Một là, khi địch đã rải quân, ta đi từ thắng lợi nhỏ, vừa, đến thắng lợi lớn, tạo nên bước ngoặt trong chiến tranh. Trong trường hợp này, Tồ tiên ta đã tỏ ra biết nắm quy luật phát triển của địch trong chiến tranh. Trong quá trình ta phản công, quân địch bị tiêu diệt từng bộ phận ngày càng lớn hơn, đến một mức nào đó, khi những đạo quân nào đó bị tiêu diệt, thì đoàn quân xâm lược to lớn của địch bắt đầu tan rã (như Lý Thường Kiệt đánh quân Tống, Trần Quốc Tuấn đánh quân Nguyên). Khi chưa tạo ra được bước ngoặt chiến lược, Tồ tiên ta biết đánh địch một cách vững chắc. Khi thì lấy ít thắng nhiều, khi thì lấy nhiều thắng ít, tiêu diệt tiêu hao địch, tạo ra từng bước chuyển biến, nhưng chủ yếu vẫn là lấy ít thắng nhiều. Nhưng sau khi bước ngoặt diễn ra, lại tảo bạo lấy ít đánh nhiều, dốc lực lượng thường không nhiều của mình đánh vào toàn bộ quân địch với số lượng còn to lớn nhưng chất lượng đã suy sụp mà giành thắng lợi quyết định cho cuộc chiến tranh tự vệ. Hai là, địch tuy chưa rải quân nhưng có sơ hở nên ta thực hành chia cắt địch ra từng mảng, giáng đòn công đồn mãnh liệt vào chỗ hiểm nhất của địch, đánh vào trung tâm đầu não của chúng khiến cho địch choáng váng kinh hoàng, rối loạn, tê liệt (như Nguyễn Huệ đánh quân Thanh). Từ những cuộc chiến tranh thắng lợi đó có thể thấy rằng ngay trong khi rút lui chiến lược, các nhà quân sự ta luôn luôn nhằm vào mục đích phản công tiêu diệt địch, tích cực tạo điều kiện để chuyển sang phản công chiến lược. Trong phần

công, chiến lược đã sáng tạo ra cách đánh tiến công lần lượt hoặc đồng thời, tiến công từ nhỏ đến lớn hoặc đánh một đòn quyết định.

Trong chiến tranh giải phóng, Tồ tiên ta đã thực hiện chiến lược đánh lâu dài một cách khác. Trong điều kiện dân tộc ta sống dưới sự thống trị của phong kiến nước ngoài và bè lũ tay sai, các nhà yêu nước ngày xưa đã nắm được khá chính xác tình hình so sánh lực lượng giữa hai bên, thấy rõ thế và lực của địch và ta, lãnh đạo dân tộc vùng lên khởi nghĩa, thực hành liên tục tiến công địch cho đến khi đánh đổ hoàn toàn nền thống trị của chúng. Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn phát triển thành chiến tranh giải phóng lâu dài. Trong quá trình đó, về chiến lược ta không ngừng tiến công địch trong nhiều năm liền (không kể thời gian đình chiến) với quy mô ngày càng to lớn cho đến thắng lợi hoàn toàn. Còn địch thì không ngừng phản công hòng tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa và khôi phục nền thống trị của chúng. Chúng nhiều lần tăng thêm quân đội từ chính quốc nhưng thế phản công chung của chúng không ngừng sút kém; chúng ngày càng đi sâu vào thế phòng ngự cho đến khi chịu thất bại hoàn toàn. Trên chiến trường, quá trình giao tranh giữa ta và địch diễn ra theo hình thái: ta tiến công và phản công đánh tan các cuộc phản công và tiến công của địch cho đến thắng lợi hoàn toàn.

Khi m ^{ột} ^{điều} ^{đứng} ^{lên} ^{tiến} ^{công} ^{địch}, tuy thế chính trị và chiến lược trên những mặt nào đó có lợi cho ta không lợi cho địch, nhưng lực lượng quân sự địch nhiều hơn ta. Trong điều kiện đó các nhà quân sự ta đã cho biết *“chờ thời đề lừa khi địch mỏi mệt, giấu mũi nhọn và bít ánh sáng”* buộc địch phải đánh lâu dài, ngày càng tiêu hao, suy yếu; còn ta có thể tranh thủ thời gian xây dựng, mở rộng lực lượng vũ trang và chỗ đứng chân của mình. Do đó mà tạo nên thời cơ chiến lược có

lợi, giảng cho địch những đòn quyết định, trong những năm sau của cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài.

Khởi nghĩa Lam Sơn và nhiều cuộc khởi nghĩa khác của dân tộc ta trong lịch sử đã sáng tạo ra một kinh nghiệm quý báu: Trong thế chính trị và chiến lược chung có lợi cho ta, không lợi cho địch ở một số mặt, có thể tạo thành ưu thế cục bộ mà tiến công địch, phát triển tiến công từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn cục, giành thắng lợi hoàn toàn trong chiến tranh giải phóng lâu dài.

Có thể nói hình thái phát triển của những cuộc chiến tranh tự vệ và giải phóng đã nói trên như sau:

Thời Lý: Phòng ngự chiến lược tích cực, phản công chiến lược.

Thời Trần: Rút lui chiến lược, phản công chiến lược.

Thời Tây Sơn: Rút lui chiến lược, phản công chiến lược.

Thời Lê: Liên tục tiến công chiến lược từ nhỏ đến lớn (có 2 năm đình chiến).

Thời Hồ: Phòng ngự, rút lui.

Trong bốn cuộc chiến tranh thắng lợi trên, nhờ biết tránh quyết chiến chiến lược trong điều kiện không lợi, tiến lên quyết chiến trong điều kiện có lợi, Tộc tiên ta đã đưa chiến tranh lâu dài đến thắng lợi hoàn toàn. Ngược lại, trong chiến tranh thời Hồ, do bị buộc phải quyết chiến với địch trong điều kiện không lợi cho ta mà lợi cho địch, không biết bảo toàn chủ lực trong tình hình *thực* mạnh, ta yếu, dốc sức đề phân thắng bại ngay từ đầu, kết quả là chủ lực tan vỡ. Do không nắm vững được quy luật chỉ đạo chiến tranh tự vệ theo chiến lược đánh lâu dài của thời Lý, thời Trần, nên bị thất bại là điều tất yếu.

Đáng chú ý là các nhà quân sự của ta học tập Tôn Tử, nhưng không theo quan điểm «thắng nhanh» của Tôn Tử. Binh pháp Tôn Tử cho rằng «*việc dùng binh, chỉ nghe nói có tốc quyết vụng về, chứ không thấy có lâu*

dài, khôn khéo; chiến tranh lâu dài mà có lợi cho quốc gia là việc không thể có». Biết đánh lâu dài, điều đó chứng tỏ tinh thần độc lập sáng tạo của Tò tiên ta.

Chính sách «ngụ binh ư nông» (nghĩa là đặt binh ở nông thôn) được thi hành ở nước ta từ khá sớm, nhất là từ thời kỳ Lý, Trần trở đi. Chính sách đó nhằm bảo đảm có số quân tập trung của triều đình đến mức cần thiết và hợp lý, giảm một phần nào đóng góp của nhân dân và tiêu dùng của nhà nước bảo đảm có sức sản xuất để đánh lâu dài. Điều quan trọng hơn nữa là với chính sách đó, ngoài việc bảo đảm có quân đội tập trung, còn tổ chức nên những đội dân binh (hương binh, thổ binh) bảo vệ các thôn, ấp, đánh địch tại chỗ. Thời Lê lại phát triển đến chính sách «*vừa đánh giặc vừa cày ruộng*» nhằm bảo đảm xây dựng «chỗ đứng chân» để từ đó tiến lên giải phóng toàn bộ đất nước. Đó là những điều kiện rất quan trọng để có thể đánh lâu dài.

Đánh lâu dài rõ ràng là một kinh nghiệm quý báu của dân tộc ta. Khi thì đánh đòn phủ đầu trước, khiến địch phải tiến quân trong thế bị động, rồi chặn đứng địch trên tuyến thuận lợi đã chuẩn bị sẵn, chuyển sang quét trả địch (Lý). Khi thì cho địch vào thật sâu, buộc địch rải quân, rồi chọn thời gian, địa điểm tốt, đánh địch từng trận đến khi tiêu diệt toàn bộ (Trần). Khi thì lập chỗ đứng chân quần nhau lâu dài với địch, rồi tiến lên đánh bại hoàn toàn quân địch (Lê). Khi thì chủ động rút, nhân sơ hở của địch, điều động chủ lực từ xa tới, chiến thắng địch trong một trận thần tốc (Tây Sơn)... Hình thức nhiều hình nhiều vẻ, nhưng nội dung là một: tránh quyết chiến với địch trong điều kiện không lợi, làm cho địch từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh phải chuyển sang đánh lâu dài, đợi cho địch từ mạnh trở thành yếu, lực còn nhiều nhưng thế đã yếu, số lượng còn đông nhưng chất lượng đã kém; còn ta thì giữ gìn và bồi dưỡng được lực lượng,

biến lên đánh cho địch một đòn hoặc nhiều đòn quyết chiến chiến lược liên tiếp, tiêu diệt phần lớn hay toàn bộ quân địch, giành thắng lợi to lớn. Điều đáng chú ý là, trong quá trình đánh lâu dài như vậy, các nhà quân sự ta đã biết chớp thời cơ có lợi, chuyển sang giáng cho địch những đòn mãnh liệt, giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn.

Trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta, tư tưởng, đường lối chung về chiến lược là đánh lâu dài, vì quân xâm lược thường mạnh hơn quân ta lúc đầu. Nhưng căn cứ vào các điều kiện chủ quan, khách quan khác nhau về các mặt của cuộc chiến tranh mà tình hình lâu dài có khác nhau. Cũng có cuộc chiến tranh, giành thắng lợi trong một thời gian tương đối ngắn.

2. Trong nhiều cuộc chiến tranh, các nhà quân sự thời xưa đã biết khéo léo vận dụng hai cách đánh: đánh phân tán và đánh tập trung, tạo nên sức mạnh to lớn để đánh bại quân địch.

Biết kết hợp cách đánh nhỏ của dân chúng và các lực lượng vũ trang địa phương nhỏ bé với cách đánh tập trung lớn của quân đội triều đình là một sáng tạo quan trọng của Tò tiên ta.

Trong tất cả các cuộc chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta, lực lượng vũ trang tập trung của ta bao giờ cũng kém xa địch về số lượng và ở một mức độ nhất định, cũng kém địch về trang bị kỹ thuật, vật chất, nhất là trong thời kỳ đầu của chiến tranh. Để đánh thắng một quân giặc mạnh hơn, ta không thể chỉ đánh bằng riêng các lực lượng vũ trang tập trung được, mà phải đánh bằng tất cả tinh thần và vật chất của dân tộc ta, của toàn thể nhân dân ta. Tất cả các cuộc chiến tranh chống xâm lược đã thắng lợi trong lịch sử nước ta đều là những cuộc chiến tranh mà toàn thể dân tộc ta, toàn thể nhân dân ta

gián tiếp và trực tiếp cùng các lực lượng vũ trang của mình đánh giặc.

Trong nhiều triều đại, tổ chức lực lượng vũ trang không phải chỉ có quân đội của triều đình. Tuy tên gọi khác nhau, cách tổ chức cũng có điều khác nhau, song thường có 3 cấp lực lượng rõ rệt: quân tập trung của triều đình gọi là du quân, đại quân; quân ở các địa phương (quân do các chính quyền địa phương tổ chức và quản lý hoặc quân của các vương hầu nhưng chịu sự chỉ huy của triều đình) tùy từng thời mà gọi là quân các lộ, quân các đạo; và dân binh còn gọi là thổ binh hoặc hương binh. Quân tập trung của triều đình thường làm nhiệm vụ cơ động trong cả nước. Quân ở các địa phương có trách nhiệm giữ các lộ, các đạo, các thành quan trọng, còn dân binh thì bảo vệ các thôn ấp.

Nhờ biết tổ chức lực lượng một cách rộng rãi và hợp lý như vậy, cho nên dân tộc ta, đã có thể thực hành vừa đánh phân tán, vừa đánh tập trung, vừa đánh nhỏ, vừa đánh lớn. Và chính nghệ thuật biết vận dụng khéo léo các hình thức đánh phân tán và tập trung như vậy, đã cho phép huy động được lực lượng to lớn của toàn dân và các lực lượng vũ trang ở các cấp để tiêu diệt địch.

Cách đánh nhỏ, phân tán của dân chúng và quân đội, đã từng có một địa vị và tác dụng rất lớn trong lịch sử dân tộc ta. Triệu Quang Phục dùng cách đánh « *đột xuất ra đánh cướp lương thực, cầm cự lâu ngày, làm cho quân giặc mệt mỏi, trong 3, 4 năm không hề đổi diện chiến đấu* »¹ đã làm quân Lương vô cùng khốn đốn, sức cùng chí nản. Thời Trần, các đội dân binh cùng dân chúng đã làm quân Nguyên nhanh chóng mất sức tiến công. Thời Lê, nghĩa quân Lam Sơn lúc lên phía bắc, thoát

1. *Lĩnh nam trích quái*, bản dịch, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960, tr. 37.

quay về nam, khi xuất hiện ở đông, lúc đánh úp ở tây, nên với số quân ít, đã từng đánh tan nhiều cuộc tiến công can quét có khi đông đến hàng chục vạn quân Minh.

Cách đánh lớn, tập trung của quân đội triều đình (quân chủ lực) đã từng lập nên những chiến thắng oanh liệt: Bạch Đằng, Chương Dương, Vạn Kiếp, Xương Giang, Ngọc Hồi, Đống Đa... Đáng chú ý là cách đánh tập trung của quân đội ta thời xưa cũng có đặc điểm rất Việt Nam, phù hợp với điều kiện đất không rộng, người không đông. Đó là những cách đánh mà các nhà quân sự thời xưa gọi là « xuất kỳ bất ý », là « công kỳ vô bị » là đánh bằng kỳ binh, phục binh, tức là những cách đánh không bộc lộ mục tiêu, không đối trận với địch, mà dựa vào điều kiện nhân dân ủng hộ, không theo địa hình mà phát huy đến độ cao tình bất ngờ, giáng những đòn rất mạnh, giải quyết trận đánh rất nhanh « sấm rạn, chớp giạt » như Nguyễn Trãi nói.

Trong nhiều triều đại, Tò tiền ta đã nhiều lần vùng lên, bắt đầu bằng khởi nghĩa ở một số địa phương, tiến hành đánh du kích, cuộc khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh giải phóng nhằm lật đổ ách thống trị của nước ngoài, khôi phục quyền làm chủ của dân tộc. Về quân sự, ta đã từ đánh du kích, đánh nhỏ, tiến lên đánh tập trung với quy mô ngày càng lớn. Việc phát triển từ đánh du kích lên đánh tập trung đã cho phép dân tộc ta giành được thắng lợi to lớn và quyết định trong cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài. Cuộc chiến tranh của Triệu Quang Phục chống quân Lương đã chứng minh rõ ràng điều đó và cuộc chiến tranh giải phóng thời Lê có thể xem là một điển hình thành công của dân tộc ta trong lịch sử thời xưa về việc vận dụng khéo léo đánh du kích và đánh tập trung.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc, Tò tiền ta đã nhiều lần biết kết hợp khéo léo đánh phân tán và đánh tập trung. Trong chiến tranh giải phóng, sau khi đã từ

đánh phân tán mà phát triển lên đánh tập trung, Tò tiên ta đã biết kết hợp hai cách đánh đó, nhờ đó mà phát huy được sức mạnh to lớn của toàn dân (thời Lê). Trong chiến tranh tự vệ, có những lần dân ta dựa vào lực lượng quân đội đánh tập trung quy mô lớn, mà giành những thắng lợi vang dội, như Lý Thường Kiệt đánh phủ đầu mà phá kế hoạch xâm lược của nhà Tống; Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh. Tình hình đó không tách rời khỏi sự chỉ huy tài tình biết nhắm nơi địch sơ hở mà nhanh chóng giáng đòn mãnh liệt, quyết định, không tách rời khỏi sự ủng hộ to lớn nhiều mặt của nhân dân. Nhưng nhìn chung thì trước kẻ thù lớn mạnh đang xâm lược nước ta, việc kết hợp cách đánh của quân đội triều đình (quân chủ lực) với cách đánh nhỏ của quân đội các địa phương và của dân chúng, cho phép dân tộc ta phân tán, tiêu hao, làm suy yếu quân địch tạo ra điều kiện thuận lợi cho quân đội tập trung tiêu diệt quân địch, nhờ đó mà nhiều lần chiến thắng oanh liệt. Nhiều triều đại đơn thuần dựa vào quân đội tập trung, nhất là khi lại phạm sai lầm về chỉ đạo chiến lược đã bị thất bại (An Dương Vương, Lý Phật Tử, Hồ Quý Ly).

Đưa đánh du kích lên đánh tập trung, kết hợp đánh tập trung và đánh du kích, là một kinh nghiệm sáng tạo của dân tộc ta. Kinh nghiệm chiến tranh thắng bại của nhiều triều đại hoặc ngay trong bản thân một số triều đại, đã chứng minh tính chất quan trọng của sự kết hợp đó.

« Sự nghiệp chống ngoại xâm của Lý Bôn (Lý Bí) đã đề lại cho ta ba bài học lịch sử khác nhau: Bài học thành công lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa khôi phục nền độc lập; bài học thất bại gần mất hết nghiệp nước khi lấy mạnh chọi mạnh theo chiến lược dốc túi đánh nhanh thắng nhanh chống lại quân phong kiến xâm lược Trần Bá Tiên (nhà

lượng); sau đó phải lui quân về Hưng Hóa để tổ chức lại đội ngũ mưu tính cuộc kháng chiến lâu dài, giao binh quyền cho Triệu Quang Phục chuyển sang không trực diện đánh ban ngày với địch mà đêm đêm bí mật tổ chức đánh úp (tập kích) tiêu diệt địch, lấy lương thực vũ khí của địch để đánh lâu dài đến khi nhà Lương bị quét sạch, đó là bài học thứ ba, bài học thành công »¹.

3. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến và chiến lược chiến thuật của Tồ tiên ta có nhiều điều rất tiến bộ.

a) Trong việc chỉ đạo chiến lược chiến thuật, Tồ tiên ta đã biểu lộ một tinh thần tích cực, chủ động tiến công rất mãnh liệt.

Trong chiến tranh tự vệ, tinh thần đó biểu hiện trong các hoạt động chiến lược của quân đội nhà Lý (Lý Thường Kiệt đánh phủ đầu phá các cuộc xâm lược của nhà Tống), quân đội nhà Trần (trong cả ba cuộc chiến tranh, nhất là trong các trận phản công chiến lược); và trong cuộc hành binh táo bạo và thần tốc đại phá quân Thanh của quân đội Tây Sơn thì tinh thần đó được phát huy đến độ cao.

« Ngồi đợi giặc đến, không bằng đánh trước làm nhụt nhuệ khí của giặc »².

Trong chiến tranh giải phóng, tinh thần đó biểu hiện trong khắp các cuộc khởi nghĩa của dân tộc ta, đặc biệt là trong cuộc chiến tranh thời Lê.

1. Văn Tiến Dũng — Phát huy sức mạnh của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước — Tạp chí Quân đội nhân dân, số 6 năm 1966, tr. 21.

2. Lý Tế Xuyên — Việt điện u linh, bản dịch, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960, tr. 30.

Tinh thần tích cực chủ động tiến công rất mãnh liệt đó không tách rời khỏi lòng yêu nước nồng nàn, chí kiên cường bất khuất của dân tộc ta.

« Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã phải luôn luôn chống giặc ngoại xâm để bảo vệ độc lập, tự do, sự sống còn của mình, cho nên có tinh thần tự vệ rất mạnh. Chính trên cơ sở của tinh thần tự vệ mạnh mẽ đó đã nảy sinh ra cách đánh giặc của người Việt Nam. Không phải là ngẫu nhiên mà trong lịch sử nước ta, mỗi khi dân tộc ta vùng dậy chống ngoại xâm, là chỉ tiến công chứ không phòng ngự, tiến công kẻ xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc của mình. Tiến công là chiến lược, còn phòng ngự chỉ là sách lược »¹.

b) Về thực tế cũng như về lý luận, trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh tự vệ, nghệ thuật chỉ đạo tác chiến của Tồ tiên ta đều chú trọng tránh chỗ mạnh của địch, giành chỗ lợi cho mình, lấy cái mạnh của mình tìm chỗ yếu của địch mà đánh. Do đó, sức mạnh của địch không dùng được, lực lượng lớn của địch không phát huy hết sức mạnh, không đạt được hiệu quả cao. Trái lại ta thì dùng mọi sức mạnh của ta một cách thích hợp, có thể tiến công tiêu diệt địch ở mọi nơi, mọi lúc, với mọi quy mô khác nhau.

Nói chung, Tồ tiên ta thừa nhận công thành là « hạ sách » và nhấn mạnh đánh bất ngờ, mai phục, đánh úp.

« Đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận, nhẹ nhàng như

1. Lê Duẩn — *Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa phấn đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước*. Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1969, tr. 30.

mưa rơi ở trên không xuống, gây nên cuộc đời vô sự»¹.

*«Lấy yếu thắng mạnh, tiến công khi giặc không chuẩn bị, lấy ít đánh nhiều, thường mai phục, ra kỳ binh»*².

Trên thực tế chỉ đạo chiến lược chiến thuật, các nhà quân sự ta, biết cắt địch ra từng mảnh, tiêu diệt địch từng bộ phận, đánh bại địch từng bước. Trong dân gian từ xưa thường có câu «bẻ dũa không bẻ cả năm», «đánh rắn phải đập nát đầu»; những câu đó nói lên tư tưởng cắt địch ra từng mảnh, đánh vào những chỗ hiểm yếu nhất của địch, để tiêu diệt chúng.

Quán triệt những tư tưởng trên, các nhà quân sự ta thông thường biết:

Lợi dụng những sơ hở, những chỗ yếu của địch. Do nhận thức được địch có những chỗ yếu về nhiều mặt, nhất là những chỗ yếu trí mạng do tính chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược dẽ ra. Các nhà quân sự thời xưa một mặt phát hiện những chỗ yếu của chúng để lợi dụng, mặt khác khoét sâu sơ hở và nhược điểm đó của địch rồi giáng những đòn mạnh mẽ.

«Đánh mà muốn lấy được phải đánh vào chỗ giặc không giữ, nếu quân địch lấy quân các nơi tăng cường cho Nghệ An, thành ta khó đánh, trái lại các nơi khác thì địch sơ hở, chỉ bằng chia quân đi đánh các nơi khác, khiến Nghệ An bị hãm vào thế

1. Trần Quốc Tuấn—*Binh thư yếu lược*.

2. Nguyễn Trãi—*Binh ngô đại cáo*. Chiến thuật cổ đại thường chia ra, chính và kỳ: bộ đội đánh theo chính là chính binh, đánh theo kỳ, là kỳ binh: đánh trước mặt địch, đánh dần trận với địch, đánh theo cách đánh thông thường là đánh theo chính, đánh sau lưng địch, đánh bất ngờ, đánh theo cách đánh đặc biệt là đánh theo kỳ. Phối hợp khéo léo chính và kỳ, thay đổi khéo léo chính và kỳ là một yêu cầu trong chỉ huy quân đội thời xưa.

*cô lập, tức khắc giặc phải hàng. Các bậc tuấn
giỏi đời xưa đánh chỗ thực, công chỗ hư... »¹.*

*« Binh đánh vào đâu như lấy đá gieo vào quả
trùng ». « Phàm lấy sức nặng ngàn cân đè lên trứng
chim, thì chưa hề có trứng nào không vỡ nát »².*

*« Nuôi uy chứa sức, đợi đánh tan viện binh
thành phải hàng, làm một được hai »³.*

Cuộc tiến công Chương Dương, Tây Kết, trận đánh
thuyền lương Trương Văn Hồ, cuộc tiến quân của Lê Lợi
vào Nghệ An, Diễn Châu, Tân Bình — Thuận Hóa, cuộc hành
binh táo bạo của Nguyễn Huệ ra Thăng Long đều là
những trận chiến thắng nêu rõ sự lợi dụng khéo léo
sơ hở và nhược điểm của địch của Tồ tiên ta.

Tạo nên cơ sở cho địch, làm cho địch bộc lộ chỗ
yếu bằng nhiều biện pháp tích cực khác nhau, như nghi binh
tỏ ra yếu, che giấu ý định của mình, đưa địch vào những
địa điểm bất lợi, v.v., các nhà quân sự ta đã làm cho địch
nhận định sai lầm, chủ quan, khinh thường đối phương,
hành động sai lầm, do đó tự bộc lộ sơ hở, nhược điểm.
Những cuộc xuất kích trên tuyến sông Cầu của Lý Thường
Kiệt đề tiêu hao liên tục đội kỵ binh thiện chiến của Quách
Quỳ; Trần Quốc Tuấn kéo quân kỵ binh cơ động của
quân Nguyên rời khỏi thành Thăng Long đề tiêu diệt địch
đường; việc gửi thư cho Liễu Thăng trước khi viện binh
Minh vượt biên giới; các trận đánh kéo địch vào trận
địa mai phục Chi Lăng, v.v. và một khi địch có sơ hở
bộc lộ chỗ yếu, các nhà quân sự ta biết tập trung lực lượng
bất ngờ giáng những đòn mãnh liệt đề tiêu diệt chúng.

Trong điều kiện nước ta là một nước đất không rộng
người không đông mà phải đánh những đạo quân xâm

1. 3. Nguyễn Trãi — *Lam Sơn thực lục*.

2. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tài liệu đã dẫn
tr. 56.

lực lớn mạnh, Tồ tiên ta đã biết huy động toàn dân cùng với lực lượng vũ trang tập trung đánh giặc, tạo nên một sức mạnh to lớn. Mặt khác muốn phát huy tác dụng to lớn của lực lượng vũ trang tập trung thường kém xa địch về số lượng, Tồ tiên ta đã có nghệ thuật biết dùng lực lượng vũ trang đó với một hiệu lực lớn nhất để đánh bại một kẻ địch đông hơn và thiện chiến. Tư tưởng chỉ đạo của nghệ thuật đó được Nguyễn Trãi nêu lên một cách xuất sắc: « *Sức dùng một nửa mà công được gấp đôi* »¹.

Chính vì vậy mà nét sáng tạo trong nghệ thuật quân sự dân tộc của ta là không những Tồ tiên ta biết lấy nhiều đánh ít mà còn *biết lấy ít đánh nhiều*: khi cần thiết thì tập trung quân có số lượng lớn hơn địch để tìm diệt chúng; khi thì biết dùng những đạo quân có chất lượng cao, có sức chiến đấu lớn để tiêu diệt những đạo quân đông hơn của địch trong những thời cơ thuận lợi. Có thể nói rằng những chiến thắng oanh liệt nhất trong những cuộc chiến tranh thắng lợi đều là những trận lấy ít thắng nhiều: Vạn Kiếp, Chúc Động — Tốt Động, Chi Lăng — Xương Giang, Ngọc Hồi — Đống Đa.

Để đạt được yêu cầu đó, Tồ tiên ta đã rất chú trọng đến nhân tố chất lượng trong việc xây dựng lực lượng vũ trang. Nhiều nhà quân sự của ta ngày xưa xem nhân tố chính trị, tinh thần, đoàn kết nhất trí đồng cam cộng khổ cùng với nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài giỏi, sự tinh nhuệ của quân đội, là những nhân tố rất cơ bản quyết định sức mạnh chiến đấu của quân đội. Trần Quốc Tuấn nói: « *Binh quý về tinh, không quý về nhiều* »².

Nguyễn Trãi đã đánh giá như sau về sức mạnh của quân đội nhà Hồ và nghĩa quân Lam Sơn:

1. Nguyễn Trãi — *Lam Sơn thực lục*.

2. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 51, 57.

« Quân mạnh hay yếu không cứ ở nhiều. Quân của nhà Hồ trăm vạn người trăm vạn lòng, mà quân của tôi bất quá vài mươi vạn, nhưng ai cũng một lòng »¹.

Nguyễn Huệ thì nói : *« Còn như quân linh thì cốt hòa thuận không cốt đông, cốt tinh nhuệ không cốt nhiều ».*

Trong khi Hồ Quý Ly luôn luôn lo lắng « làm thế nào để có trăm vạn quân thì địch nổi giặc Bắc » mà rút cuộc vẫn bại trận.

Để tăng sức mạnh của lực lượng vũ trang, Tò tiên ta biết : *« Võ nuôi sĩ tốt, vôi đón hiền giả, thu dụng nhân tài, sửa rèn khi giới, luyện tập binh tượng, dạy bảo những phương pháp ngời, dấy, tiến, lui, lại hun đúc bằng những điều nhân nghĩa, khiến ai ai cũng hết lòng thành, thân với kẻ trên, chết cho người trưởng ».* Cho nên Nguyễn Trãi nói : *« Dem quân ấy ra đối phó với địch, thì kẻ nào theo ý hướng ta sẽ sống, kẻ nào trái ý hướng ta sẽ chết ».*

Trái lại điều trên, nhà Hồ đặt trọng tâm việc nâng cao sức chiến đấu của quân đội vào đức sùng « thần công » đóng thuyền « cò lâu », tức là cải tiến vũ khí.

Thắng lợi của 4 cuộc chiến tranh và thất bại của nhà Hồ, những lời nói của những nhà quân sự đánh thắng và của Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, đã nêu lên khá rõ kinh nghiệm lịch sử của dân tộc ta : vũ khí và số lượng là quan trọng, nhưng quyết định là con người và chất lượng.

Tư tưởng tích cực tiến công, phát huy mọi chỗ mạnh của mình nhằm mọi chỗ yếu của địch mà đánh, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ, vừa đến lớn, đã được vận dụng trong thực tế hết sức **cơ động, linh hoạt, mưu trí** bằng nhiều cách đánh tài tình, sáng tạo, đánh trước mặt và đánh sau lưng, đánh phân tán và đánh tập trung, đánh bằng tiến

1. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 51, 57.

công quân sự và bằng tiến công binh vận, đánh vào tất cả các mục tiêu, đánh bằng nhiều phép đánh độc đáo.

Những cách đánh thiên biến vạn hóa đó, là những cách đánh vượt ra ngoài cách đánh thông thường của các binh pháp cổ đại. Trên cơ sở của tinh thần anh dũng quả cảm đã sản sinh ra những cách đánh thông minh linh hoạt, phát huy được mọi tài năng, sở trường của ta, mà hạn chế được mọi khả năng, sở trường của địch. Quân kỵ binh Mông Cổ rất cơ động, giỏi đánh ngoài thành lũy, trên đồng nội, đã từng phát huy đến cao độ sở trường của họ trên nhiều chiến trường. Nhưng, trước những cách đánh mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta thời Trần, đã không thể phát huy được lối đánh sở trường đó, như Nguyễn sử đã thừa nhận, trên đất nước Đại Việt «quân và ngựa Mông Cổ đã không thi thố được tài năng nào». Quân Minh thông thạo công thành và giữ thành, vẫn không thoát khỏi bị tiêu diệt hết đạo quân này đến đạo quân khác ngoài thành lũy.

Những trận đánh trên các đường giao thông thủy bộ, đánh vào các căn cứ an toàn, đánh vào các cơ quan đầu não của địch vừa tiêu diệt sinh lực, vừa phá hủy phương tiện chiến tranh (xe, thuyền, vũ khí) và cơ sở vật chất khác (lương thực); những trận hạ thành bằng vây hãm quân sự kết hợp với tiến công binh vận, làm *tan rã tổ chức và tinh thần* của địch, những phép đánh như đục thuyền, dùng cọc gỗ và lợi dụng thủy triều để phá hủy quân địch, v.v. đều chứng tỏ dân tộc ta đã sáng tạo ra nhiều cách đánh phong phú, độc đáo, kết hợp chặt chẽ anh dũng và thông minh, khiến cho quân và dân ta có thể giành và giữ quyền chủ động ở độ cao, đẩy địch lún sâu vào thế bị động chịu đòn. Những cách đánh cơ động mưu trí đó, không những đã không cho địch phát huy được sở trường của chúng mà còn buộc địch phải đánh theo cách đánh có lợi cho ta, phải phục tùng ý chí của

quân và dân ta. Do đó, chúng đánh ta thì đánh không trúng, không tiêu diệt nổi quân ta; quân ta đánh thì đánh rất trúng, đánh tiêu diệt chúng. Các cách đánh phản công mãnh liệt của Trần Quốc Tuấn, các cách đánh mai phục bất ngờ của Lê Lợi, cách hành binh thần tốc, táo bạo đánh úp của Nguyễn Huệ là những cách đánh chứng tỏ địch không cách nào đối phó nổi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên đã nói như sau về trận đánh của Lý Thường Kiệt: *« Hơn mười vạn quân hoành hành đi sâu vào nước người, đánh tan quân 3 châu gần như dễ bề càn quét; khi ở đấy thì không ai dám đương đầu, lúc rút về thì không ai dám theo sau »*¹. Trong Hoàng Lê nhất thống chí có nêu rõ nhận định của địch đối với nghĩa quân Tây Sơn là ẩn hiện như thần, *« tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên »*.

Nhờ sự chỉ đạo chiến tranh tài tình, nhờ tư tưởng chiến lược, chiến thuật đúng đắn, cộng với chất lượng cao của quân đội và nhiều trường hợp biết dựa vào dân, Tò tiên ta đã nhiều phen đánh bại, thậm chí hoàn toàn tiêu diệt những đội quân xâm lược về số lượng đông hơn quân đội tập trung của ta, nhiều khi đến gấp mấy lần.

B - DỊCH VẠN

Di đối với việc phát huy những chỗ mạnh của mình về mặt quân sự, Tò tiên ta đã biết phát huy cao độ yếu tố chính nghĩa của cuộc chiến tranh đang tiến hành, đề đánh vào kẻ xâm lược phi nghĩa. Tiêu biểu nhất là cuộc chiến tranh đời Lê; Nguyễn Trãi đã đặt vấn đề dịch vạn lên một vị trí rất cao, tiến hành rất kiên nhẫn và có hệ thống

1. Phan Huy Chú — *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961, tập IV, tr. 195.

chiến lược « đánh vào lòng người » như đã nêu lên trong « Bình Ngô sách » từ ngày đầu tham gia khởi nghĩa Lam Sơn.

Xuất phát từ tư tưởng « lấy đại nghĩa thắng hung tàn » và nhận rõ tác dụng quyết định của « lòng người » trong chiến tranh, các nhà quân sự thời Lê hiểu rằng, một mặt phải đánh thật mạnh, tiêu diệt nhiều sinh lực địch thì mới làm địch suy yếu và mau suy sụp về tinh thần ; một mặt khác khoét sâu nhược điểm trí mạng về tinh thần của quân đội xâm lược chiến đấu xa nhà, xa nước đứng trước cả một dân tộc đang chống lại. Phối hợp hai mặt tiến công đó, vừa đánh tiêu diệt lực lượng vật chất của địch vừa tiến công vào tinh thần chiến đấu của chúng, Tò tiên ta đã buộc hàng chục vạn tên địch phải hạ vũ khí xin hàng, làm tan rã về tổ chức và tinh thần cả một quân đội xâm lược lớn mạnh. Trong Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi tổng kết :

« Bi chí cùng nhi lực tận, thúc thủ dài vong.

Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất »¹.

Nghĩa là : địch đã chí cùng lực kiệt bỏ tay chờ chết, ta tìm cách đánh vào lòng người, không đánh trận mà giặc phải khuất phục. Ở đây nổi bật lên cái ý, dùng chính nghĩa sáng tỏ để đánh địch.

Những văn kiện địch vận của Nguyễn Trãi có sức thuyết phục mạnh mẽ nêu bật tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng của dân tộc ta và tính chất phi chính nghĩa trong chiến tranh xâm lược của nhà Minh, nêu rõ sức mạnh đoàn kết của quân và dân ta và mưu huấn xâu xé nội bộ địch, nhằm mục tiêu làm tan rã tinh thần chiến đấu của chúng, đưa chúng đến chỗ hàng phục ta, trong điều kiện bị hãm vào thế nguy khốn về quân sự. Đánh bằng quân sự càng mạnh, quy mô càng lớn, thì đánh

1. Nguyễn Trãi - *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 70.

bằng binh vận cũng càng ngày càng mạnh, với quy mô càng lớn.

Với lý lẽ sáng ngời trên cơ sở của sự thật, những văn kiện dịch vận đó đã đi sát các đối tượng vận động (quân Minh và quân ngụy), đi sát tình huống chiến lược, chiến thuật ta, vừa nêu lên tinh thần khó khăn, tuyệt vọng, thất bại của địch vừa chỉ ra lối thoát cho chúng, vừa khẳng định ý chí kiên quyết tiêu diệt địch của quân và dân ta, lại vừa nói rõ chính sách khoan hồng của dân tộc ta đối với tù, hàng binh.

Trong thư gửi Phương Chính, một tướng nhà Minh, Nguyễn Trãi vạch ra như sau: « *Nước người nhân dịp nhà Hồ lỗi đạo, mượn tiếng điều dân phạt tội (ý nói nhà Minh mượn tiếng thương dân sống khổ mà đánh kẻ có tội để cứu dân — T.G), kỳ thực là làm việc bạo tàn, lấn cướp nước ta, bóc lột dân ta, thuế nặng, hình nhiều, vơ vét của quý, dân mọn các làng không được yên sống. Nhân nghĩa lại làm thế ư? Nay ở nước người, dân oán, thần giận, kẻ tiếp có đại tang, thế mà đã không biết tự xét lỗi mình, lại còn cùng binh độc vũ (ý nói dùng vũ lực, đánh nhau không thôi — T.G), ham thích xâm lược nơi xa, khiến cho sĩ tốt phơi thây, nhân dân lầm bụi* »¹. Rồi ông chỉ rõ cho tướng sĩ nhà Minh:

« *Kể của ngài ngày nay không gì bằng cời giáp nghỉ binh, ngồi nhàn mà nhận hàng, đó là thương sách. Thế tuy là may cho bọn tôi cùng ngài, mà cũng là may lớn cho vạn dân thiên hạ vậy* ».²

Khi gần 10 vạn quân Minh bị vây khốn trong các thành, tổng binh Minh là Vương Thông chờ mong viện binh, hy

1. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 22.

2. Nguyễn Trãi — *tài liệu đã dẫn* tr. 20

vọng được giải vây rồi phản công đánh luôn nghĩa quân, Nguyễn Trãi đã phân tích như sau :

« Trước đây lòng mưu giả trá, mặt thác giảng hòa, rồi cù đào hào đắp lũy, ngồi đợi viện... Hiện nay phương bắc có kẻ địch Thiện Nguyên (một tướng thuộc dòng dõi nhà Nguyên, chiếm giữ miền Bắc Trung Quốc, vẫn đang chống lại nhà Minh — T.G), trong nước có mối lo các xứ Tầm Châu (chỉ khởi nghĩa của nhân dân Trung Quốc ở Quảng Tây chống lại nhà Minh — T.G), một khu Giang Tả (nay thuộc Giang Tô, Trung quốc — T.G) không tự giữ xong, huống còn mưu toan cướp nước khác ư? Các người không hiểu sự thế bị người đánh thua, lại còn chực dựa uy Trương Phụ (lúc đó Vương Thông thường phao tin Trương Phụ là tướng tài đã từng thắng nhà Hồ sẽ sang, định dựa vào oai phóng của Trương Phụ để uy hiếp nghĩa quân ta — T.G), thế là đại trượng phu chằng?... Sự thế ngày nay, dầu cho thương vị (chỉ vua Minh — T.G) có đem quân đến nữa cũng chỉ chong chết mà thôi, huống là Trương Phụ tự đến nạp xác, thì sao đáng nói... Nay sức hết kể cùng, quân nhọc linh mệt, trong thiếu lương thực, ngoài không viện binh, bầm hờ khu nhỏ mọn, nghĩ tam thành chơ vơ, dò không phải là như thịt trên thớt, cá trong nồi ư? »¹.

Cuối cùng ông khái quát như sau : « Nay tình hộ các ông, xét có 6 điều phải thua :

— Nước lụt chảy tràn, tường rào đổ lở, lương cỏ thiếu thốn, ngựa chết, quân ốm. Đó là điều phải thua thứ nhất.

— Xưa Đường Thái bắt Kiến Đức mà Thê Sung ra hàng. Nay những nơi quan ải hiểm yếu, đều có

1. Nguyễn Trãi - Quân trung từ mệnh tập, tr. 48, 49.

quân nhà vua đóng giữ, nếu viện binh đến, thì tất phải thua ; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai.

— Ở nước các ông, quân mạnh ngựa tốt, nay đóng cả ở miền Bắc để phòng bị quân Nguyên, không dõ nhìn đến miền Nam. Đó là điều phải thua thứ ba.

— Động dụng can qua, hàng năm đánh dẹp, dân sống không vui, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư.

— Gian thần chuyên chính, chúa yếu giữ ngôi, xương thịt hại nhau, gia đình thêm biến. Đó là điều phải thua thứ năm.

— Nay ta dấy nghĩa binh, trên dưới cùng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng lại vừa đánh giặc ; quân sĩ trong thành thì đều mỗi một kham khổ, tự chuốc lấy bại vong. Đó là điều phải thua thứ sáu.

Nay giữ cái thành còn con đề chờ 6 điều thất bại, ta lấy làm tiếc cho các ông lắm. Cờ ngũ có câu : « Nước xa không thể cứu được lửa gần », giả viện binh có đến cũng có ích gì cho sự bại vong? »¹.

Đối với tướng sĩ nguy, Nguyễn Trãi kêu gọi tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc : « Người xưa có câu nói : « Quay đi lại về quê cũ, cáo chết quay đầu về núi », cầm thú còn thế, huống nữa là người ? Các người vốn đều là người dân Tây Việt, dòng dõi nhà quan. Trước nhân nhà Hồ thất đức, giặc Ngô lộng loạn, các người có người thân bị hãm ở tặc đình, có người thì danh bị buộc ở nguy chức, đó là thế không dùng được, nào phải do ở bản tâm đâu... Bọn các người nếu biết sửa lòng đổi dạ, bỏ nghịch theo

1. Nguyễn Trãi — Quân trung từ mệnh tập, tr. 49, 50.

thuận, hoặc ở làm nội ứng hoặc ra đề cũng đầu hàng thì không những rửa mối hổ thẹn ngày trước mà cũng được phần soi xét về sau. Ta không nói lời lại ăn lời, nếu các người lại còn tiếc tham nguy chức, chống cự vương sư thì khi hãm thành tội các người tất nặng hơn giặc Ngô đấy »¹.

Chính sách đối với quân giặc ra hàng cũng đã được quy định rõ:

« Tướng giặc đã hàng mấy may cũng không được xâm phạm. Bất cứ tội to tội nhỏ đều xóa cho hết »².

« Quan quân đã hàng, vợ con quyền thuộc cũng là tài vật đều bảo toàn hết cả, không chút thiệt hại »³.

Đối với tướng sĩ nguy đã ra hàng:

« Ra ngoài thành cùng ta hòa thân, thì ta sẽ coi các người như tình anh em ruột thịt, chẳng những là bảo đảm tính mạng vợ con mà thôi... »⁴.

Còn đối với tướng sĩ nhà Minh thì:

« Nếu muốn rút quân về nước ta sẽ sửa sang cầu cống, chuẩn bị thuyền bè, thủy lục hai đường, tùy theo ý muốn, bảo đảm đưa ra khỏi bờ cõi không phải lo gì »⁵.

Việc kết hợp chặt chẽ tác chiến và dịch vận đã làm cho Tồ tiên ta phát huy được sức mạnh chính trị của mình, tiết kiệm được xương máu, giành được thắng lợi to lớn trong chiến tranh.

Kết quả là « thành giặc các nơi, mũi nhọn không dính máu mà tự mở ». Hàng vạn quân nguy ra hàng, rất nhiều người đã tham gia hàng ngũ nghĩa quân, giúp cho quân đội phát triển nhanh. Hàng vạn quân Minh đã

1. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 41, 42.

2, 3. Nguyễn Trãi — *Lam Sơn thực lục*.

4, 5. Nguyễn Trãi — *Quân trung từ mệnh tập*, tr. 43, 50.

mở cửa thành, dâng thành cho nghĩa quân, có những tướng lĩnh đã đứng hẳn về phía chính nghĩa giúp quân và dân ta trong công tác vận động thuyết phục các tướng lĩnh Minh khác cũng như giúp nghĩa quân tin tức quân sự và cách chế tạo chiến cụ để đánh bại quân Minh.

Ở những thời khác, tuy công tác dịch vận chưa được tiến hành một cách đầy đủ như thời Lê, nhưng ít nhiều cũng đã có những tác dụng nhất định trong việc làm tan rã tinh thần chiến đấu của quân xâm lược (thời Lý, Trần và Nguyễn Huệ, v.v.).

Trước Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo cũng đã có chủ trương đánh bằng dịch vận — nhưng chưa coi trọng như Nguyễn Trãi, chưa thành một vấn đề chiến lược như trong thời Nguyễn Trãi. Trần Hưng Đạo cũng đã biết lợi dụng mâu thuẫn giữa người Hán với người Mông Cổ trong quân Nguyên mà lôi kéo những tướng sĩ người dân tộc Hán trong quân đội nhà Nguyên.

Một vụ điển hình là vụ Triệu Trung :

Một tướng người Hán trong quân Nguyên đã ra hàng quân ta và tham gia đạo quân Trần Nhật Duật, đã góp phần đánh tan đoàn quân tiên phong của đạo quân Toa Đô tại trận Hàm Tử năm 1285.

C — ĐẤU TRANH VŨ TRANG VÀ ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO

Đề dụng nước và giữ nước, đề giành và giữ nền độc lập dân tộc, nhìn chung cả quá trình mấy nghìn năm lịch sử, nhân dân ta trước kẻ thù hung bạo, dùng vũ lực đặt ách thống trị, đã không đi trệch con đường đúng đắn duy nhất đã chọn : con đường cầm vũ khí đấu tranh quyết liệt một mất một còn với địch. Chưa đạt tới mục đích độc lập dân tộc, chưa thực hiện quyền làm chủ hoàn toàn đất

nước mình thì Tồ tiên ta quyết nắm chắc vũ khí trong tay, quyết đánh quyết thắng. Chính di theo con đường đó, mà Tồ tiên ta đã sáng tạo một nghệ thuật chỉ đạo đúng đắn, một nghệ thuật biết khởi sự và giỏi tiến hành chiến tranh đồng thời biết kết thúc chiến tranh và giữ vững thắng lợi của chiến tranh đó một cách có lợi nhất cho đất nước, dân tộc, một khi mà các mục tiêu cơ bản của chiến tranh đã đạt được. Đó là nghệ thuật giành, giữ vững, củng cố quyền làm chủ đất nước của một dân tộc kiên cường bất khuất, người không đông, quân đội không nhiều, đất nước không rộng, mà phải chiến thắng những quân đội xâm lược của một nước phong kiến lớn mạnh.

1. Trong các cuộc chiến tranh, dân tộc ta đã kiên quyết đánh những đòn rất mạnh, tiêu diệt những lực lượng rất quan trọng của địch, thậm chí nhiều khi tiêu diệt toàn bộ đoàn quân xâm lược trên đất nước ta, đánh bại ý chí xâm lược của chúng, do đó mà quét sạch quân địch khỏi bờ cõi, giành lấy độc lập dân tộc.

Thường xuyên đương đầu với một nước phong kiến lớn mạnh xâm lược, Tồ tiên ta đã chiến đấu rất quyết liệt, đánh bại ý chí xâm lược của chúng bằng cách liên tục và triệt để tiêu diệt địch trên đất nước ta, khiến cho kẻ địch lớn mạnh phải chịu khuất phục, tuy còn khả năng nhưng ý chí xâm lược đã tan rã khiến chúng không những bọn quan quân, tướng sĩ đã từng tiến vào nước ta khiếp vía, run sợ, mà ngay cả bọn cầm đầu triều đình ở chính quốc cũng phải chịu thua.

Hai lần quân Tống xâm lược, là hai lần quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt đánh cho chúng không còn chỗ đứng chân trên đất nước ta; chỉ đến mức đó thì nhà Tống mới chịu thua hẳn. Ba lần quân và dân ta thời Trần đã tiêu diệt trên dưới chín mươi vạn quân Nguyên thì đế quốc Đại Nguyên mới chịu «bãi binh». Phải sau 10 năm dọ sức quyết liệt với nhà Minh tiêu diệt và

làm tan rã trên nửa triệu quân Minh, vua Minh mới buộc phải ra lệnh « rút quân về nước ». Nguyễn Huệ chỉ có tiêu diệt trong một trận thần tốc hai mươi vạn quân Thanh, mới khiến cho triều đình Thanh vứt bỏ mộng tưởng thống trị nước ta.

Đề đạt tới mục tiêu quét sạch địch ra khỏi nước ta, đập tan ý chí xâm lược của chúng, Tồ tiên ta tùy hoàn cảnh cụ thể đã dùng hai cách : hoặc là tiêu diệt toàn bộ quân địch, thu hồi toàn bộ đất đai của ta (Trần, Nguyễn Huệ); hoặc là trong những điều kiện nhất định, tiêu diệt đại bộ phận, đặc biệt là tiêu diệt những đạo quân chủ lực tinh nhuệ nhất, xương sống của đoàn quân xâm lược, đặt bộ phận còn lại vào nguy cơ bị tiêu diệt, rồi hạ tối hậu thư cho chúng phải nhanh chóng lui quân (Lý, Lê); địch rút đến đâu ta tiến đến đó (Lý, Lê); đối với bọn ngoan cố chống cự lại thì quyết tiêu diệt, cho đến khi thu hồi toàn bộ đất đai (Lý).

*« Chúng đã sợ chết xin hòa, thực thà cầu sống ;
Ta muốn toàn quân làm cột, ngồi nghỉ cùng dân ».*

Điều đáng chú ý là, khi cho phép một bộ phận địch còn lại rút khỏi nước ta, Tồ tiên ta không những nhằm mục tiêu trước mắt của cuộc chiến tranh đang tiến hành, mà còn nhằm vào lợi ích lâu dài của dân tộc, như Nguyễn Trãi đã viết :

*« Thần vũ không giết, đức lớn hiếu sinh. Nghĩ đến
kế lâu dài của nước nhà, tha ngay 10 vạn hàng binh ».*

2. Tồ tiên ta đã biết khéo léo kết hợp đấu tranh vũ trang rất kiên quyết với đấu tranh ngoại giao rất mềm dẻo sau khi đã giành được thắng lợi to lớn quyết định trên chiến trường, sau khi quân địch bị thất bại nặng nề mà thực chịu thua, nhằm củng cố và mở rộng thành quả đấu tranh.

Trong những cuộc chiến tranh thắng lợi, vấn đề « đánh » và « đàm » đã được Tồ tiên ta nhận thức một cách đúng

dẫn và giải quyết một cách đúng đắn và sáng tạo. Luôn luôn sẵn sàng đánh, đánh đến thắng lợi hoàn toàn, đánh hết trận này, đánh xong với kẻ thù này lại chuẩn bị đánh trận khác, đánh kẻ thù khác nếu chúng dám xâm lược. Đó là quan điểm chiến lược nhất quán của dân tộc ta. Mặt khác Tồ tiên ta cũng tỏ ra mình hiền người, biết dùng biện pháp đàm phán kết hợp được tính cứng rắn về nguyên tắc và tính mềm dẻo về sách lược, đề cùng cố và mở rộng thành quả của đấu tranh vũ trang.

Có đánh có đàm, trên cơ sở đánh thắng oanh liệt mà chủ động đầy mạnh hoạt động ngoại giao khôn khéo, điều đó đã được thể hiện trong những cuộc chiến đấu nói trên. Kinh nghiệm lịch sử của Tồ tiên chúng ta phải có những chiến thắng oanh liệt, những trận đánh tiêu diệt lớn thật vang dội, cõ vũ đến cao độ nhiệt tình yêu nước của nhân dân ta, nâng cao tin tưởng thắng lợi hoàn toàn của quân và dân ta, khiến toàn quân toàn dân dốc sức đánh bại hoàn toàn quân địch, mà địch thì suy sụp tinh thần chiến đấu, không thể không chịu thua trước thảm họa quân sự của chúng, đó là thời cơ có lợi để Tồ tiên ta tiến hành ngoại giao với địch. Tùy theo so sánh lực lượng giữa ta và địch trong từng triều đại, Tồ tiên ta đã biết áp dụng hai cách vừa đánh vừa đàm và đánh thắng rồi đàm.

Sau chiến thắng của trận phản công trên sông Cầu tiêu diệt phần lớn chủ lực tinh nhuệ của quân Tống, tuy quân địch còn trên đất nước ta, Lý Thường Kiệt đã chủ động phái người sang gặp tướng chỉ huy quân xâm lược đề đặt điều kiện lập lại hòa bình giữa hai nước : Quân Tống rút lui toàn bộ khỏi đất nước ta. Quách Quỳ — tướng chỉ huy quân Tống — lúc đó chỉ có thể chọn một trong hai con đường : hoặc tiếp tục đánh thì nhất định bị tiêu diệt hoàn toàn, hoặc nhận điều kiện rút quân thì bảo tồn được bộ phận

sinh lực còn lại, giữ được tính mạng của bản thân. Trong điều kiện nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn là rõ ràng, khẩn cấp, Quách Quỷ đã chọn con đường thứ hai, lập tức rút quân, ngay trước khi triều đình Tống ra lệnh bãi binh. Thời Lê, trong mười năm chiến tranh giải phóng, đã có nhiều lần vừa đánh vừa đàm như vậy. Như sau lần đánh bại cuộc tiến công càn quét của 10 vạn quân Minh ở vùng huyện Khôi nhằm tranh thủ thời gian đề củng cố lực lượng chuẩn bị tiếp tục đánh, hai bên đã đàm phán đi tới tạm hòa hoãn trong hai năm. Sau chiến thắng vang dội Chi Lăng—Xương Giang, đập tan cố gắng cao nhất cuối cùng của nhà Minh, Lê Lợi—Nguyễn Trãi lại tiếp tục đàm phán với Vương Thông, buộc 10 vạn quân địch còn lại phải đầu hàng và được phép rút quân về nước, trước khi vua Minh có lệnh bãi binh.

Còn thời Trần, thời Nguyễn Huệ, chỉ sau khi đã giành thắng lợi hoàn toàn bằng những chiến công hiển hách, tiêu diệt gần hoàn toàn quân xâm lược, nhà Trần và Nguyễn Huệ mới chủ động tiến hành hoạt động ngoại giao với các triều đình Nguyên và Thanh.

Như trên đã nêu, dù vừa đánh vừa đàm, hay là đánh rồi đàm, Tò tiên ta tỏ ra nắm vững quan hệ giữa giành thắng lợi quyết định trên chiến trường nước ta và củng cố, mở rộng thắng lợi đó bằng hoạt động ngoại giao. Đó là biểu hiện của sự kết hợp đúng đắn giữa ý chí kiên cường bất khuất và nhãn quan trông xa thấy rộng có lòng căm thù sâu sắc quân địch, lại biết đánh giá đúng sức mình, sức người. Nhà sử học Phan Huy Chú đã bình luận như sau mối quan hệ giữa chiến thắng quyết định và hoạt động ngoại giao thời Lý:

“Việc biên giới ở đời Lý được trả lại đất rất nhiều.

Bởi vì, trước thì có oai thắng trận, người trung châu (ý chỉ đoàn quân Tống xâm lược nước ta — T.G) hoảng sợ, dù làm cho nhà Tống phải phục, sau thì sứ thần bàn bạc, lời lẽ thung dung càng thêm khéo léo. Cho nên cần gì được nấy, làm cho lời tranh biện của người phương Bắc phải khuất, mà thế lực của Nam Giao được mạnh. Xem đó cũng có thể biết qua thể cường thịnh của thời bấy giờ »¹ (chúng tôi nhấn mạnh — T.G).

Cho nên biện pháp ngoại giao không phải được thực hiện với tinh thần sợ hãi quân địch lớn mạnh hơn mình, mà với thế của kẻ chiến thắng, của một nước đã đánh bại quân thù xâm lược.

Tinh thần trên thể hiện rõ trong lời của Nguyễn Trãi nói với Lê Lợi và các tướng lĩnh của nghĩa quân sau khi tiêu diệt viện binh địch tại Chi Lăng — Xương Giang : *« Tình hình quân giặc trong lúc này, mình phá vào sào huyết ăn gan uống máu dề rữa mỗi thù sâu không phải là một sự khó khăn. Nhưng thần trộm e, như vậy sẽ kết mối thù với triều Minh quá sâu. Vì sự trả thù, vì sự vớt lấy thể diện của một nước lớn, Minh chúa tất lại phái binh sang, như thế cái vạ binh đao biết đến bao giờ cho dứt được. Chi bằng ta nên thừa lúc này, kẻ thù lâm vào thế cùng mà cùng họ hòa hiếu dề tạo phúc cho cả sinh linh hai nước »².*

1. Phan Huy Chú — *Lịch triều hiến chương loại chí. Bang giao chí*, bản dịch, tập IV, tr. 196.

2. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn trích dẫn trong *Khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào giải phóng đất nước vào đầu thế kỷ XV*, Nhà xuất bản Khoa học, Hà Nội, 1969, tr. 240.

Với nội dung bảo đảm giành độc lập hoàn toàn của dân tộc, hoạt động ngoại giao đó đã được tiến hành dưới nhiều hình thức nhằm buộc địch chịu thua mà không « mất mặt », như: tạo điều kiện cho quân bại trận rút về, chịu phong vương, nhận triều cống, nhận trao trả tù binh, v.v. để đặt lại quan hệ bình thường giữa hai nước.

Trên cơ sở của cái « oai thắng trận », cuộc đấu tranh về mặt ngoại giao giữa ta và địch vẫn không kém phần gay go quyết liệt, có lúc rất căng thẳng. Như nhà Trần đã kiên quyết bác bỏ toàn bộ 6 điều của nhà Nguyên, tuy rằng trong cuộc đấu tranh ngoại giao đó, phía bên Nguyên đã rút lui từng bước, rút bỏ một số điều kiện, cho đến lúc cuối cùng phải bỏ hẳn các điều kiện xâm phạm chủ quyền nước ta.

Trong nhiều trường hợp (thời Lý, Tây Sơn), cuộc đấu tranh ngoại giao mang tính chất một cuộc tiến công tích cực để khuếch trương chiến quả của đấu tranh vũ trang, tiêu biểu là cuộc đấu tranh thời Lý buộc Tống thừa nhận Đại Việt là một nước riêng biệt, chứ không phải làm một quận, cũng không phải là một chư hầu của Tống; thừa nhận vua nước Đại Việt là quốc vương chứ không phải là « Giao Chỉ quận vương ».

Điều đáng chú ý là Tờ tiên ta không hề có ảo tưởng đối với « thiện chí » của quân xâm lược, chưa triệt để đánh bại chúng thì chưa có thể có độc lập dân tộc. Sau năm năm chiến tranh Lê Lợi, tạm hòa hoãn với quân Minh chỉ là để chuẩn bị tiếp tục chiến đấu quyết liệt hơn. Đến năm thứ mười của cuộc chiến tranh, khi 8 vạn quân của Thôi Tụ, Hoàng Phúc bị quân ta vây hãm ở Xương Giang có ý trá hàng, Lê Lợi — Nguyễn Trãi đã không chấp nhận mà kiên quyết tiêu diệt chúng toàn bộ. Có như vậy mới có điều kiện buộc quân Vương Thông ở Đông Quan phải thực sự đầu hàng. Các triều đại chỉ đặt quan hệ bình

thường với quân địch sau khi đã hoàn toàn đánh bại các cuộc xâm lược của chúng.

* * *

Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh xuất sắc của dân tộc ta với nội dung hết sức phong phú và sáng tạo, đã góp phần rất to lớn để đưa những cuộc chiến tranh tự vệ và giải phóng của dân tộc ta đến thắng lợi hoàn toàn.

IV. TRUYỀN THỐNG VỀ VANG, DI SẢN QUÝ BÁU

A — Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh liên tục để giành tự do và độc lập, dân tộc ta đã xây dựng, và hun đúc cho mình một truyền thống vô cùng vẻ vang và oanh liệt.

Đó là lòng yêu nước và yêu tự do, dân tộc ta đã xây dựng được cho mình một tinh thần, ý chí đấu tranh bền bỉ, kiên cường, bất khuất và tin tưởng vào thắng lợi.

Muốn đấu tranh thắng lợi, cần phải có sự đoàn kết của toàn dân. Trước nạn nước, thù nhà, nhân dân ta, tất cả cùng một chí hướng, nguyện vọng, đều nhất tề đứng dậy, tạo nên một sức mạnh phi thường đủ sức đánh bại tất cả những kẻ thù xâm lược hung bạo nhất trong lịch sử.

Từ đời này qua đời khác, từ cuộc đấu tranh này qua cuộc đấu tranh khác, truyền thống đó luôn luôn được phát huy, được hun đúc tinh xảo hơn, lại càng thêm rực rỡ.

Ở thời đại ngày nay, trong ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, của chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh là người kế thừa và phát huy truyền thống, phát huy tinh hoa của dân tộc một cách nhuần nhuyễn, tốt đẹp và chân chính nhất.

B — Truyền thống của dân tộc ta là truyền thống đấu tranh giành thắng lợi.

Vì thế mà nó có rất nhiều điều quý, có nhiều cái cao đẹp.

Dấu tranh xã hội, dấu tranh giai cấp là một loại dấu tranh rất quyết liệt.

Dấu tranh vũ trang là một cuộc dấu tranh quyết liệt nhất trong dấu tranh giai cấp.

Dân tộc ta, từ đời này sang đời khác luôn luôn trường kỳ, liên tục, tiến hành dấu tranh vũ trang chống những kẻ thù xâm lược thường lớn mạnh hơn mình; và phần lớn các cuộc dấu tranh vũ trang đó đều giành được thắng lợi vẻ vang.

Dân tộc ta phải rất kiên cường và tài giỏi lắm mới làm như thế được.

Trong những chiến thắng oanh liệt đó, có biết bao nhiêu cái tài, cái giỏi, cái hay, cái đẹp.

Chúng ta phải khám phá ra, kế thừa và phát huy lên cao hơn nữa. Dân tộc ta phải phát triển toàn diện, giỏi toàn diện thì mới đạt tới những đỉnh cao của tất cả những thắng lợi đó: tức là phải giỏi cả về chính trị, kinh tế, quân sự, văn học, triết học, v.v.

Về quân sự, từ đời này sang đời khác, từ cuộc dấu tranh này sang cuộc dấu tranh khác, Tộc tiên ta đã từng bước hoàn chỉnh dần và nâng cao dần nghệ thuật quân sự; đến thời đại Quang Trung thì nền nghệ thuật quân sự thời cổ Việt Nam đã được hoàn chỉnh và có trình độ tương đối cao.

Bắt đầu từ Hai Bà Trưng, ta có khởi nghĩa vũ trang giành thắng lợi bằng một cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời trong cả nước, từ địa phương đến trung ương, nhanh chóng tiêu diệt quân thù, đập tan bộ máy thống trị của địch, lập nên chính quyền của ta.

Đến Triệu Quang Phục, ta đã đánh du kích, rồi tiến lên đánh tập trung và cuối cùng giành được thắng lợi. Đến các đời sau này, từ đời Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, đến

Trần Hưng Đạo, Lê Lợi — Nguyễn Trãi lại phát triển lên đánh tập trung, đánh vận động với thế trận chiến dịch, chiến lược rất tài giỏi và khi cần thiết cũng có đánh công thành, đánh trận địa.

Đến Quang Trung thì nghệ thuật quân sự Việt Nam lại được nâng cao lên một bước mới và hoàn chỉnh nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ.

Đó là nghệ thuật đánh công thành, đánh trận địa.

Về chiến dịch và chiến thuật thì đánh công thành, đánh trận địa là chủ yếu nhưng về chiến lược thì Quang Trung đã vận dụng một chiến lược cơ động rất cao.

Sức đột phá trong tiến công rất mạnh kết hợp với nghệ thuật bao vây vu hồi chiến dịch và chiến lược rất tài tình.

Đặc điểm của mỗi cuộc chiến tranh của từng thời đại như sau :

1. Nét đặc sắc của cuộc nổi dậy thời Hai Bà Trưng là sức mạnh lớn lao của cuộc tổng nổi dậy vũ trang đồng thời của toàn dân ở khắp miền đất nước, quật ngã quân thù cùng một lúc ở khắp cả mọi nơi, đập tan ngay chính quyền thống trị trung ương, làm quân địch trở tay không kịp. Dòn quyết định do Hai Bà lãnh đạo, chỉ huy là diệt ngay cái đầu « rắn », diệt ngay sào huyệt lớn nhất của quân thù, vì thế mà đã giành được thắng lợi hoàn toàn và nhanh chóng.

2. Nét đặc sắc của Lý Thường Kiệt là tư tưởng tiến công rất cao. Ông luôn luôn chủ động, tích cực, liên tục tiến công kẻ thù ; đánh phủ đầu quân xâm lược khi chúng chưa kịp hành động và dù trong thế bị kẻ thù tiến công, ông cũng quyết liệt phản công lại kẻ thù một cách nhanh chóng.

3. Nét đặc sắc của Trần Hưng Đạo là biết phân tán, làm mệt mỏi quân thù lớn mạnh, đưa chúng vào thế khốn quẫn, rồi thực hành phản công.

Trần Hưng Đạo biết rõ sức mạnh của toàn dân và phát động được nhân dân đứng lên chiến đấu. Ông giỏi chỉ huy các binh đoàn lớn đánh vận động.

Trong tác chiến vận động, Trần Hưng Đạo đã tổ chức được những chiến dịch phục kích quy mô và liên hoàn, diệt đạo quân lớn của quân xâm lược và giành được thắng lợi quyết định.

Ông có sở trường về sử dụng thế đội 2 chiến lược. Sau khi thế đội 1 chiến lược đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực quan trọng của quân địch, ông liền tung thế đội 2 chiến lược ra đánh đòn quyết định, dứt điểm về chiến lược, thực hiện được tiêu diệt chiến lược và giành được thắng lợi chiến tranh. Trận Chương Dương và trận Bạch Đằng là những trận chiến nổi tiếng trong lịch sử.

4. Nét đặc sắc của Lê Lợi — Nguyễn Trãi là biết rõ sức mạnh của nhân dân, và có lòng tin vào sức mạnh đó. Cho nên Lê Lợi — Nguyễn Trãi biết phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Hai ông giỏi về đánh du kích, rồi từ du kích tiến lên đánh tập trung.

Tác chiến tập trung là đánh vận động.

Đặc điểm của đánh vận động thời Hậu Lê này là có hiểu mưu trí, biết chọn mục tiêu, đối tượng tiến công thích hợp để giành thắng lợi.

Trong cuộc chiến tranh có nhiều trận hay.

Thế trận chiến lược hay nhất, tài giỏi nhất là thế trận chiến lược của đòn quyết chiến cuối cùng tiêu diệt đạo quân chủ lực của quân địch do Liễu Thăng chỉ huy ở Chi Lăng.

Thời kỳ này bộ tham mưu của Lê Lợi đã tổ chức được các tập đoàn chiến lược khác nhau để bao vây chia cắt chiến lược thế trận của quân thù, đã phân tích chính xác các đối tượng tiến công và biết thực hành các cách đánh khác nhau đối với từng đối tượng và biết tập trung tập đoàn chiến lược mạnh nhất và tập trung mọi sự nỗ

lực vào tiêu diệt tập đoàn chiến lược chủ yếu của quân thù, được sự hiệp đồng toàn diện của cả chiến trường để tiêu diệt gọn tập đoàn chiến lược chủ yếu đó giành thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến lâu dài vĩ đại. Thế trận chiến lược của cuộc quyết chiến cuối này là một thế trận chiến lược có danh tiếng trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta và cũng là một thế trận chiến lược hay trong lịch sử chiến tranh thế giới.

Thế trận chiến lược này tuy quy mô có khác nhưng có thể so sánh được với thế trận chiến lược của mũi vu hồi chiến lược của Hàn Tín, bắt đầu bằng trận chiến lưng danh «Bối Thủy trận» ở trên bờ sông Miên Man, đánh bại đại tướng Trần Du, bắt sống quân sư Lý Tà Xa và toàn bộ vua quan nhà Triệu, giành đòn thắng lợi đầu tiên rất quyết định tạo ra điều kiện và thời cơ thuận lợi cho việc phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng mũi vu hồi chiến lược ở mặt chính của Lưu Bang.

Còn so với chiến dịch Ca-nơ của A-ni-ban thì quy mô chiến cục mùa đông 1427 của Lê Lợi — Nguyễn Trãi to rộng hơn và có phần phức tạp hơn.

Đối với việc nghiên cứu lịch sử, chúng ta hiểu biết rằng mỗi sự kiện lịch sử phát sinh và phát triển đều có những điều kiện khác nhau, cho nên mỗi sự kiện lịch sử chiến tranh đều có những đặc điểm, những cái hay và những cái độc đáo riêng của nó.

Cuộc chiến tranh do Lê Lợi — Nguyễn Trãi lãnh đạo là một cuộc chiến tranh có nhiều tính chất nhân dân.

5. Đặc tài của Quang Trung là có tư tưởng tiến công cao, tiến công rất kiên quyết và có tư tưởng tiêu diệt chiến cao.

Quang Trung giỏi về đánh công thành, đánh mạnh, đánh chớp nhoáng, giỏi cơ động các binh đoàn lớn một cách thần tốc.

Quang Trung có tài về đột phá, đồng thời cũng giỏi về nghệ thuật bao vây vu hồi. Sức đột phá trong tiến công rất mạnh, đồng thời kết hợp được với bao vây vu hồi rộng rãi, nhiều tầng và chặt chẽ. Quang Trung thường tổ chức các chiến dịch đánh công thành lớn. Các chiến dịch đó là những đòn tiến công chiến lược chủ yếu của Quang Trung và đều thành công, giành được thắng lợi quyết định.

Do trình độ đánh công thành khá, tinh thần tiến công kiên quyết, có sức đột phá mạnh, nên Quang Trung thường chỉ dùng một thế đội chiến lược để thực hành tiến công chiến lược và quyết chiến chiến lược và đi đến tiêu diệt chiến lược quyết định, giành thắng lợi cho chiến tranh. Trong lịch sử chiến tranh Quang Trung thường chỉ thực hành một trận quyết chiến chiến lược là giải quyết được chiến tranh, giành được thắng lợi hoàn toàn.

Trận phản công đánh vào Thăng Long là một trận có danh tiếng trong lịch sử.

Sở dĩ Quang Trung chỉ thực hành một trận quyết chiến chiến lược cũng giành được thắng lợi chiến tranh là do ông đã đánh thắng được ngay vào sào huyệt trung ương, sào huyệt cuối cùng của kẻ thù, diệt được ngay bộ tổng chỉ huy của quân địch, cùng với tập đoàn chiến lược chủ yếu của nó.

Qua tất cả quá trình của các cuộc chiến tranh chống xâm lược và chiến tranh giải phóng trong lịch sử đấu tranh vũ trang lâu dài của dân tộc ta, nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ đã hình thành từng bước, đã dần dần hoàn chỉnh và đã phát triển tới một trình độ khá cao, và đã có thể gọi là hoàn chỉnh.

Quá trình hình thành, phát triển và hoàn chỉnh của nghệ thuật quân sự đó như sau:

Khởi nghĩa vũ trang bằng tổng khởi nghĩa vũ trang, bằng đồng khởi trong cả nước từ địa phương đến trung ương.

Đánh du kích đến đánh tập trung. Đánh vận động chủ yếu kết hợp với đánh công thành, đánh trận địa. Đánh thành là chủ yếu kết hợp với đánh vận động.

Tổng hợp tất cả các cuộc chiến tranh trên đây, chúng ta thấy rằng tất cả các phương thức chiến tranh, tất cả các hình thức tác chiến đều đã diễn ra trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta và có thứ đã phát triển tới trình độ cao.

Những điều này chứng tỏ nghệ thuật quân sự của dân tộc ta đã được hoàn chỉnh và phát triển tới trình độ cao.

C. — Có đường lối chính trị, đường lối cứu nước đúng đắn, có nghệ thuật quân sự tài giỏi, lãnh đạo chiến tranh thắng lợi, nước Việt Nam ta không những đã có nhân dân anh hùng mà còn có những nhà lãnh đạo tài giỏi, có nhiều nhân tài, hào kiệt có những người rất xuất sắc, có cả nam và nữ, và

Chiến tranh là một cuộc đấu tranh tổng hợp của một xã hội, một quốc gia về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn học, v.v.

Nhân tố giành thắng lợi trong chiến tranh cũng là những nhân tố tổng hợp, mà đấu tranh vũ trang — quân sự, chỉ là một biểu hiện cụ thể tập trung nhất. Những lãnh tụ quân sự cũng thường là những lãnh tụ chính trị và những lãnh tụ chính trị cũng thường là những người chỉ huy, chỉ đạo cả quân sự :

Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung cũng đều là như thế cả.

Đường lối chính trị, quân sự đúng đắn là do có lợi trường, ý chí vững vàng, kiên định. Ngoài ra lại có nhu cầu thúc đẩy đối với chiến tranh, biết phân tích chiến tranh một cách khoa học.

Trong sự thành công và thắng lợi của chiến tranh đều có chứa đựng những nhân tố như trên, nhất là trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược, một nước nhỏ đánh

thắng một nước lớn thì những nhân tố đó lại càng phổng phú. Những người chỉ huy quân sự và những nhà lãnh đạo chiến tranh tài giỏi, đều là những người có chuẩn bị được cho mình những nhân tố trên, biết nắm vững những nhân tố trên.

Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi là những người biết nắm vững những nhân tố đó một cách xuất sắc, mà Nguyễn Trãi là người xuất sắc nhất.

Nguyễn Trãi là một người lãnh đạo chiến tranh một cách rất tự giác, vì Nguyễn Trãi đã nắm vững được quy luật của chiến tranh.

Nguyễn Trãi không những có lập trường và ý chí vững vàng, kiên định, có quyết tâm cao mà còn phân tích chiến tranh một cách khoa học; do đó mà chỉ đạo chiến tranh một cách đúng đắn và đi đến thắng lợi.

Trong vườn hoa nhân tài của dân tộc ta, không những chúng ta có rất nhiều các nhà chính trị, quân sự, văn học lỗi lạc, thiên tài, mà chúng ta còn có những nhà tư tưởng vĩ đại. Trong các nhà tư tưởng vĩ đại đó ở các thời kỳ lịch sử trung cổ đại của dân tộc ta thì Nguyễn Trãi là một nhà tư tưởng vĩ đại nhất, tiến bộ nhất.

Nguyễn Trãi đã có tư tưởng biện chứng trong việc nhận thức, phân tích chiến tranh và chỉ đạo chiến tranh.

Cái cốt tủy tinh túy trong tư tưởng biện chứng của Nguyễn Trãi là nhìn nhận hai mặt tư tưởng của sự vật và nhìn nhận sự biến hóa của sự vật trải qua một quá trình đấu tranh. Cao hơn một bước, ông còn cho rằng ý chí của con người là nhân tố quan trọng trong việc làm thay đổi sự vật.

Tư tưởng biện chứng của Nguyễn Trãi không phải chỉ có phát triển đến đó mà ông còn nhận thấy điều kiện cụ thể của sự vật.

Do đó mà sự chỉ đạo chiến tranh của Nguyễn Trãi không những chỉ có chính xác, mà còn rất linh hoạt.

Trong đấu tranh giai cấp, cũng như đấu tranh sản xuất, từ ngàn xưa, trải qua đời này đến đời khác, mặc dù thô sơ và tự phát Tồ tiên ta ít nhiều đã có quan điểm duy vật và tư tưởng biện chứng.

Nguyễn Trãi chính cũng là tiếp thu kinh nghiệm và tinh hoa đó và phát triển lên thêm trong đấu tranh thực tế của xã hội và bản thân mình, Nguyễn Trãi đã có trình độ tổng hợp và khái quát cao hơn các nhà tư tưởng trước kia.

Do đó mà quan điểm duy vật và tư tưởng biện chứng của ông đã có một trình độ cao hơn và xuyên suốt được vào trong mọi hành động của ông.

Tìm thấy tư tưởng biện chứng thô sơ của Nguyễn Trãi là một phát hiện có giá trị về cả mặt lịch sử và triết học.

Trong tư tưởng biện chứng của Nguyễn Trãi phân tích được điều kiện tồn tại và vận động của sự vật là đi sâu thêm vào một khía cạnh trong việc phân tích triết học biện chứng.

Dân tộc ta không những chỉ có những nhà chính trị, quân sự, văn học lỗi lạc thiên tài, mà còn có những nhà tư tưởng vĩ đại, nhà triết học biện chứng.

Qua lịch sử trên, chúng ta thấy rất tự hào về Tồ tiên ta, dân tộc ta, một dân tộc anh hùng, tài giỏi, đã phát triển cao về nhiều mặt.

Đó là những di sản rất quý giá. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, phát hiện để làm giàu thêm cho kho tàng lịch sử, kho tàng nghệ thuật quân sự của nước ta, để học tập, vận dụng và phát huy cao hơn, giành lấy thắng lợi to lớn vĩ đại hơn và vẻ vang hơn.

Có thể tóm tắt về những bài học lịch sử như sau:

Tinh thần yêu nước, yêu tự do, độc lập.

Ý chí kiên cường, bất khuất.

Tinh thần đoàn kết và đấu tranh.

Tinh thần đấu tranh bền bỉ, không quản hy sinh, gian khổ. Chí khí anh hùng, dũng cảm, và truyền thống anh hùng.

Truyền thống đấu tranh vũ trang chống xâm lược.

Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài giỏi, sáng tạo.

Nghệ thuật quân sự cao và hoàn chỉnh.

Đời nào cũng có anh hùng và nhân tài lỗi lạc về các mặt. Sức sống của dân tộc rất mãnh liệt, một dân tộc luôn luôn phát triển và phát triển cao.

Ngày nay, trong ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta sẽ phát triển mạnh mẽ, và nhất định sẽ mãi mãi là một dân tộc anh hùng, độc lập, tự do, thống nhất trong chế độ xã hội mới hùng mạnh và tiên tiến.

V. MẤY BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT CHỈ DẠO CHIẾN TRANH

Trong chiến tranh, đường lối chính trị và quân sự là rất cơ bản; nó quyết định việc chỉ đạo chiến tranh và giành thắng lợi trong chiến tranh.

Để thực hiện đường lối, chủ trương chiến tranh, cần có sự chỉ đạo cụ thể về phương pháp và các cách thức để tiến hành chiến tranh. Đó là sự chỉ đạo về nguyên tắc thực hành chiến lược.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta, sự chỉ đạo về nguyên tắc chiến lược — những vấn đề cụ thể về chiến lược — có rất nhiều cái hay và rất phong phú. Đi sâu tìm tòi, nghiên cứu để tổng hợp, phân tích các loại kinh nghiệm vô cùng phong phú, quý báu của lịch sử chiến tranh là một điều cần thiết.

Qua những kinh nghiệm muôn màu muôn vẻ, có thể tìm hiểu quy luật của chiến tranh và giúp cho việc tham khảo để chỉ đạo vào thực tiễn chiến tranh hiện nay. Vấn đề thì rất nhiều, dưới đây chỉ đề xuất một vài vấn đề nhỏ.

1. VẤN ĐỀ TIẾN CÔNG VÀ PHẢN CÔNG

Tiến công và phản công là vấn đề chủ chốt trong chiến tranh. Vì chỉ có tiến công và phản công mới giành được thắng lợi trong chiến tranh. Nhưng tiến công chiến lược

và phản công chiến lược như thế nào ? Yêu cầu phải đạt được những gì ? Lúc nào, thời cơ nào thì thực hành tiến công và phản công chiến lược ? Tiến công và phản công chiến lược lần lượt trên từng hướng chiến lược hay đồng thời trên toàn tuyến ? Đó là một nghệ thuật trong chỉ đạo chiến tranh.

Nghiên cứu vấn đề này, cần nắm vững một điểm cơ bản có tính chất bản chất là sự so sánh lực lượng và so sánh về thế và lực của hai bên. Trên cơ sở đó mà nghiên cứu các điều kiện cụ thể của mỗi cuộc chiến tranh mà vận dụng cho thích hợp.

Bộ chỉ huy chiến tranh phải căn cứ vào tình hình so sánh lực lượng, vào thế và lực giữa hai bên địch, ta trên chiến trường và của cả hai quốc gia mà quyết định một cách linh hoạt và sáng tạo.

Lý Thường Kiệt có thể phản công ngay lập tức ở trên hướng tiến công chủ yếu của địch, đánh ngay vào đạo quân chủ yếu của địch đang thực hành tiến công, là do tình hình so sánh lực lượng giữa hai bên, là do thế và lực giữa hai bên không chênh lệch nhau. Ngoài vấn đề thế và lực ra thì trình độ tác chiến của quân đội và nghệ thuật chỉ đạo của bộ chỉ huy cũng rất quan trọng. Đó là tính năng động chủ quan trong lãnh đạo, chỉ huy và hành động của cán bộ chỉ huy và của chiến sĩ. Quân đội nhà Lý là một quân đội thiện chiến, đã được rèn luyện trong chiến tranh nhiều năm và thường đánh thắng trận. Lý Thường Kiệt lại là một nhà chỉ huy thao lược, có ý chí, có quyết tâm và có tài.

Về nhân dân và tình hình xã hội thì được phát triển và vững mạnh trong một nước độc lập ; nhân dân hăng hái, đoàn kết, quyết tâm đánh giặc, giữ nước.

Trong khi đó, bên nhà Tống thì đang có nguy cơ bị xâm lược ở phía bắc. Trước và sau khi quân Tống đánh nước ta thì các nước Liêu, Hạ, Kim đều có đánh Tống

(1004 Liêu đánh Tống, 1038 Tây Hạ đánh Tống, 1125 Kim đánh Tống). Về nội bộ thì triều đình nhà Tống có nhiều mâu thuẫn, chém giết lẫn nhau giữa phái Vương An Thạch và Lã Huệ Khanh; nền chính trị hủ bại suy đồi, nhân dân có nhiều oán ghét.

Trần Hưng Đạo khi phân tích tình hình thời đại đó cũng đã nói là lúc này nhà Lý có thế lực mạnh (Trần Quốc Tuấn trả lời nhà vua khi bị ốm).

Do sự so sánh lực lượng cụ thể giữa hai bên ở trên chiến trường, và tình hình chính trị, kinh tế, quân sự của hai quốc gia cộng với trình độ tác chiến của hai quân đội, sự chỉ huy của hai bộ chỉ huy mà xem xét điều kiện và thời cơ phản công.

Lý Thường Kiệt thực hành phản công sớm và thành công, nhanh chóng giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh trong vài ba tháng là do đã có những điều kiện cụ thể, những nhân tố thắng lợi nhanh của cuộc chiến tranh đó.

Đến thời đại Trần Hưng Đạo, việc thực hành phản công chiến lược có khác với Lý Thường Kiệt. Đó là do điều kiện của cuộc chiến tranh của thời nhà Trần có khác với thời nhà Lý.

Một điều kiện giống nhau là nhà Lý và nhà Trần đều đã là một nhà nước độc lập, có nhân dân đoàn kết quyết tâm đánh giặc, giữ nước. Nền kinh tế đã được tổ chức và phát triển. Nền chính trị cũng được tương đối ổn định. Quân đội đã được tổ chức, được huấn luyện tinh nhuệ, đã thành một quân đội chính quy của một nhà nước. Điều kiện khác nhau là đối tượng chiến tranh không giống nhau. Quân nhà Nguyên mạnh hơn quân nhà Tống.

Trước một quân địch mạnh như thế, Trần Hưng Đạo đã không thể phản công nhanh và sớm như Lý Thường Kiệt được. Ông phải rút lui từng bước, xoay chuyển thế trận, nhử địch vào sâu, phân tán quân địch, làm cho địch bị tiêu hao, mệt mỏi, tạo điều kiện để tiêu diệt từng bộ phận

quân địch, dần dần thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, tạo ra thế lợi, thế mạnh cho ta, dựa địch vào thế bất lợi, thế yếu, rồi mới thực hành phản công, tiến hành tiêu diệt chiến lược và quyết chiến chiến lược đi đến giành thắng lợi quyết định và thắng lợi hoàn toàn. Trần Hưng Đạo đã đề ra phương châm lấy «ngân trị dài», «lấy nhân trị nhọc».

Trần Hưng Đạo phản công chậm hơn Lý Thường Kiệt mấy tháng, nhìn chung thì cũng là nhanh. Lý Thường Kiệt phản công và giành thắng lợi trong vài tháng. Trần Hưng Đạo phản công và giành thắng lợi trong 6—7 tháng.

Đến Quang Trung thì cuộc phản công lại sớm hơn và giành thắng lợi nhanh hơn. Khoảng 2 tháng, Quang Trung đã giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để. Cuộc phản công chính vào Thăng Long giành thắng lợi quyết định thì chỉ khoảng một tuần lễ.

So sánh tình hình và lực lượng hai bên thì quân của Quang Trung là một đội quân mạnh, rất tinh nhuệ, đã đánh trăm trận trăm thắng, trình độ đánh công thành giỏi, nghệ thuật đột phá chiến dịch và bao vây vu hồi chiến dịch cao. Nhân dân đoàn kết, quyết tâm, được rèn luyện và có kinh nghiệm, truyền thống đấu tranh vũ trang.

Về quân nhà Thanh là một đội quân xâm lược, tinh thần kém và các mặt đều kém hơn đạo quân chủ lực của Quang Trung. Về triều đình nhà Thanh thì ngày càng suy yếu. Đối ngoại thì có nhiều cuộc xung đột, chiến tranh với các nước láng giềng. Trong nước thì nhân dân có nhiều bất mãn. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên. Từ đời Càn Long thứ 35 đến đời Quang Tự thứ 14 (1721—1888) có tới hàng vài chục cuộc khởi nghĩa.

Trong điều kiện nhà nước và quân đội của hai bên như thế nên Quang Trung đã thực hành phản công sớm và giành thắng lợi nhanh chóng.

Trong lịch sử chiến tranh nước ta thì đây là một cuộc phản công mạnh nhất, nhanh nhất, giành thắng lợi nhanh nhất và rất oanh liệt.

Bên cạnh những cuộc phản công sớm và giành thắng lợi nhanh thì trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta cũng có những cuộc phản công chậm, kéo dài. Đó cũng là do so sánh lực lượng, so sánh thế và lực.

Năm 544 Lý Bôn khởi nghĩa vũ trang thành công, năm 545 nhà Lương lại phái Dương Phiền đem quân sang xâm lược. Lý Bôn và Triệu Quang Phục rút lên núi và về vùng nông thôn đồng bằng để đánh du kích tiếp tục duy trì cuộc kháng chiến. Triệu Quang Phục tiến hành đánh du kích trong vài năm, rồi dần dần phát triển lên đánh tập trung và tới năm 548 (trong 3 năm: 545 đến 548) mới thực hành phản công chiếm lại Long Biên, giải phóng được đất nước.

Cuộc chiến tranh du kích lâu dài của Lê Lợi phải mấy năm sau mới tiến hành phản công cục bộ và cho tới năm 1426, tức là 8 năm sau, mới thực hành phản công chiến lược quyết định, và một năm sau, tức 1427, thì giành được thắng lợi hoàn toàn. Trong phản công và tiến công, Lê Lợi không những chỉ phản công và tiến công bằng quân sự, bằng quân chủ lực và quân du kích, mà Lê Lợi còn phản công và tiến công bằng binh vận địch vận.

Trong thời kỳ thực hành phản công chiến lược cục bộ từ Nghệ An, hai đòn phản công quân sự và địch vận đã hỗ trợ nhau và đã thu được thắng lợi. Tướng giặc ở Trà Long (Nghệ An) đã hàng nghĩa quân Lam Sơn.

Đến thời kỳ tổng phản công, đại quân của Lê Lợi đánh ra ngoài Bắc — Đánh vào trận địa chủ yếu, trận địa cuối cùng của địch ở vùng xung quanh Đông Đô — thì đòn tiến công địch vận vẫn đi sát đòn tiến công quân sự — Hai đòn hỗ trợ nhau, và phát huy thắng lợi tốt.

Tổng tư lệnh quân địch là Vương Thông cùng 5 vạn quân đã hàng ở Đông Đô (Hà Nội) và các thành lũy khác cũng đầu hàng hàng loạt.

Trên đây là những cuộc phản công và tiến công có nhiều vẻ khác nhau và đều thành công. Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta cũng có cuộc chiến tranh vì phản công quá sớm, đánh tập trung quyết chiến quá sớm nên không thành công.

Sau khi Hai Bà Trưng lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa nữ trang thành công chưa được bao lâu thì lại phải chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược mới của nhà Hán do Mã Viện chỉ huy..

Nước ta mới được độc lập, quân đội chưa được tổ chức huấn luyện thành một quân đội mạnh, tinh nhuệ. Trọng tình hình đó, đánh tập trung, phản công, quyết chiến ngay là chưa phù hợp. Đó là nguyên nhân làm cho cuộc kháng chiến không thành công.

Trước sự so sánh lực lượng như thế, dân tộc ta đã có cách đánh thích hợp và giành được thắng lợi. Lý Bôn, Triệu Quang Phục đã biết đánh du kích, phân tán địch, tiêu hao, tiêu diệt nhỏ quân địch, giữ gìn, bồi dưỡng, phát triển lực lượng của ta từng bước, dần dần làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, tạo ra thế mạnh, tạo ra thời cơ, điều kiện đề tiến lên đánh tập trung rồi thực hành phản công, đạt được tiêu diệt chiến lược, giành thắng lợi quyết định về chiến lược và tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, cũng đã thực hành đánh du kích rồi tiến lên đánh tập trung, rồi thực hành phản công cục bộ, từng bước, từ Biên giới đến Điện Biên Phủ và cuối cùng giành được thắng lợi, giải phóng một nửa đất nước. Những cuộc phản công này nằm trong tình hình của một cuộc chiến tranh nhân dân phát triển trong cả nước. Nó được

sự hỗ trợ đắc lực của các hướng tiến công và phản công khác trong cả nước của một cuộc chiến tranh nhân dân. Vì thế mà sức mạnh của các cuộc phản công đã được tăng lên gấp bội. Quân địch bị cuộc chiến tranh nhân dân bao vây chia cắt trong cả nước, nên bị suy yếu và càng mỏng. Do đó mà không tập trung được sức mạnh để đối phó có hiệu quả.

Cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh vĩ đại nhất, phát triển cao nhất và phong phú nhất. Trong một xã hội hiện đại, phát triển cao như ngày nay thì cuộc chiến tranh có rất nhiều yếu tố phức tạp và rất phong phú. Sự vận động của chiến tranh không đơn giản như trước kia. Sự so sánh lực lượng, so sánh thế và lực giữa hai bên cũng có nhiều cái phức tạp; phải tính đến rất nhiều yếu tố. Do đó mà nghệ thuật phản công và tiến công của lực lượng vũ trang nhân dân ta có rất nhiều cái mới rất phong phú và sáng tạo trong một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng phát triển rất cao. Ta tiến hành đồng thời đánh du kích và đánh tập trung, đánh địch cả ở các vùng và các tuyến, tiến hành phản công và tiến công liên tục, ở các quy mô nhỏ, vừa và lớn, trên nhiều hướng khác nhau, và đồng loạt, đều khắp trên toàn tuyến cả quân sự và chính trị; kết hợp giữa phản công, tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng; kết hợp giữa phản công, tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng ở chiến trường với sự phản công, tiến công chính trị của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược, chống lại bọn cầm quyền hiếu chiến.

Trên đây là sự vận động và phát triển của nghệ thuật phản công và tiến công trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta.

Dân tộc ta đã có một nghệ thuật phản công và tiến công phát triển muôn màu muôn vẻ, tài giỏi và thắng lợi. Sự muôn màu muôn vẻ đó, chứng tỏ Tờ tiên ta đã biết căn

cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi cuộc chiến tranh mà vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Điều này cũng chứng minh một khía cạnh trong tư tưởng biện chứng của Nguyễn Trãi là « điều kiện tồn tại và vận động của sự vật ». Sự vật không ra đời một cách ngẫu nhiên mà phải có điều kiện cụ thể mới xuất hiện được. Cũng cùng một sự vật, ở nơi này, thời gian này nó xuất hiện một cách khác ; ở một nơi khác, thời gian khác thì nó lại xuất hiện một cách khác. Cho nên việc chỉ đạo chiến tranh phải rất linh hoạt và sáng tạo ; không có thể rập khuôn máy móc.

Mục đích của phản công và tiến công chiến lược là đánh những đòn tiêu diệt lớn, tiêu diệt chiến dịch và chiến lược, có ý nghĩa về chiến dịch và chiến lược, làm thay đổi sự so sánh lực lượng, thay đổi thế và lực trên chiến trường, làm thay đổi tình thế, tạo ra sự chuyển biến cục diện, tạo ra bước phát triển mới trong chiến tranh, tạo ra những bước ngoặt trong chiến tranh, tạo ra bước ngoặt quyết định, bước phát triển nhảy vọt, giành thắng lợi quyết định và thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nhà Nguyên lần thứ 2 năm 1285, đòn phản công thứ nhất của Trần Hưng Đạo tiêu diệt và đánh tan đạo quân của Toa Đô, phá vỡ một thế trận, một cánh ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ của quân xâm lược nhà Nguyên, làm cho Thoát Hoan bị cô lập ở Thăng Long, lực lượng quân xâm lược bị suy yếu, thế trận không dựa được vào nhau, tinh thần và ý chí bị lung lay. Cuộc phản công đó thắng lợi đã phát triển thế chủ động của quân ta, động viên tinh thần, ý chí của quân dân ta, mở rộng địa bàn chiến lược của quân ta, tạo ra thế đứng có lợi đề bao vây Thăng Long. Cuộc phản công đó đã tạo ra sự chuyển biến cục diện, tạo ra điều kiện thuận lợi để thực hành cuộc phản công thứ 2.

Cuộc phản công thứ 2 tức cũng là một đòn tiến công chiến lược tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan, tập đoàn chiến lược chủ yếu của địch ở giữa Thăng Long và Chương Dương, là một đòn tiêu diệt chiến lược quyết định, giành thắng lợi quyết định rồi tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Về hướng tiến hành phản công và đối tượng, mục tiêu tác chiến, Trần Hưng Đạo đã chọn hướng địch sơ hở, chọn đạo quân yếu ở ngoài thành quách mà đánh trước. Những yếu tố trên có thể bảo đảm cho việc chắc thắng. Đạt được thắng lợi bước đầu rồi, tạo được thế lợi rồi thì có thể tiếp tục tiến đánh các đạo quân mạnh hơn, lớn hơn ở những địa bàn chiến lược quan trọng hơn.

Trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nhà Minh, Lê Lợi — Nguyễn Trãi đã thực hành tiến công và phản công từ nhỏ đến lớn, từ tiêu diệt chiến thuật, chiến dịch đến tiêu diệt chiến lược, rồi đến tiêu diệt chiến lược quyết định. Đó cũng là quy luật chung của một cuộc chiến tranh du kích, phát triển từ nhỏ đến lớn, từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung. Thời kỳ phản công có ý nghĩa là sau khi đã di chuyển đội quân chủ yếu vào Nghệ An (1424), lập căn cứ địa mới ở đó. Nghĩa quân Lam Sơn đã chọn chỗ địch yếu, sơ hở, cô lập; về phía ta thì có nhân dân vững mạnh làm chỗ dựa vững chắc để thực hành những trận phản công có ý nghĩa chiến lược để giành thắng lợi bước đầu làm cơ sở tốt cho các bước phát triển sau.

Phân tích đúng tình hình địch, ta trong so sánh lực lượng, so sánh thời và thế nên sau khoảng một năm mở những cuộc phản công và tiến công liên tiếp, nghĩa quân Lam Sơn đã giành được thắng lợi lớn, toàn diện, giải phóng được Tân Bình (Quảng Bình), Thuận Hóa và đẩy quân địch ở khu vực Nghệ An chuyển hoàn toàn vào thế phòng ngự, co hẹp địa bàn chiếm đóng của địch vào một vùng đồng bằng nhỏ bé. Vùng căn cứ của ta được mở rộng từ Thuận Hóa ra tới Thanh Hóa, lực lượng vũ trang

được phát triển nhanh chóng. Đó là những thắng lợi chiến lược rất quan trọng, làm chuyển biến cục diện chiến tranh, tạo ra điều kiện thuận lợi cho nghĩa quân tiến ra Bắc.

Sau khi tiến ra Bắc, đòn phản công đầu tiên có ý nghĩa rất quan trọng về chiến lược là trận tiêu diệt chiến lược trong chiến dịch Chúc Động — Tốt Động, 1426. Trận này nghĩa quân đã tiêu diệt 5 vạn quân trong đạo quân 10 vạn của Vương Thông chiếm đóng khu vực Đông Đô (Hà Nội) và lân cận, đánh quy tập đoàn chiến lược chủ yếu của quân xâm lược, buộc địch chuyển sang phòng ngự hoàn toàn về chiến lược trong cả nước, tạo điều kiện cho nghĩa quân tiến lên đánh một đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng đất nước.

Sau thắng lợi chiến dịch Chúc Động — Tốt Động, bộ chỉ huy nghĩa quân thấy rằng thế và lực giữa ta và địch đã có sự chuyển biến về căn bản, quân địch đã suy yếu hẳn. Chủ lực của địch không thể chọi được với chủ lực của ta ở cả ngay hướng chúng còn tương đối mạnh. Còn về quân ta thì đã trưởng thành nhanh chóng, đã lớn mạnh về các mặt, đã là một đội quân thiện chiến. Căn cứ vào tình hình trên, bộ chỉ huy nghĩa quân thấy đã có thời cơ và điều kiện để đánh những đòn quyết chiến chiến lược quyết định.

Thời kỳ giành thắng lợi cuối cùng đã mở ra : Quân ta có thể giao chiến được với đội quân chủ lực của địch và có thể tiêu diệt được đội quân đó. Những nhận định và chủ trương này dẫn tới cuộc quyết chiến chiến lược, tiêu diệt đạo quân cứu viện chủ yếu của quân xâm lược nhà Minh do Liễu Thăng chỉ huy ở Chi Lăng và Xương Giang (Bắc Giang), giành được thắng lợi hoàn toàn cho cuộc chiến tranh giải phóng.

Trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nhà Tống và nhà Thanh, Lý Thường Kiệt và Quang Trung lại thực hành phản công vào hướng tiến công chủ yếu của địch,

đánh vào ngay đạo quân mạnh nhất của địch, tiêu diệt được đạo quân đó và giành được thắng lợi chiến lược quyết định một cách nhanh chóng. Đó cũng là do sự so sánh lực lượng, sự so sánh về thế và lực giữa hai bên, so sánh về trình độ tác chiến của quân đội và tài chỉ huy của hai bên.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Pháp của nhân dân ta trong thời đại Hồ Chí Minh, dựa theo quy luật chung của một cuộc chiến tranh giải phóng phát triển từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung, quân đội ta cũng thực hành phản công cục bộ, bắt đầu ở những hướng quân địch yếu, cô lập trước, sau mới đến chỗ quân địch tương đối mạnh và mạnh.

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Mỹ ngày nay, có nhiều điểm khác với tất cả các cuộc chiến tranh chống xâm lược trong lịch sử đấu tranh vũ trang của dân tộc ta trước đây. Những điểm khác đó là những điều kiện về nhân dân, về quân đội, về nhà nước, về xã hội, về Đảng lãnh đạo, về tình hình chính trị, kinh tế, quân sự, về tình hình trong nước ta, trên thế giới và trong nước Mỹ, điều kiện về thời đại, v.v.

Trên cơ sở của những yếu tố đó, mà nghệ thuật tiến công và phản công của lực lượng vũ trang nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược phát triển rất phong phú, sáng tạo, muôn màu muôn vẻ trong một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng phát triển cao, độc đáo của Việt Nam, có nhiều cái mới trong thời đại ngày nay. Ta có thể phản công và tiến công ở các hướng khác nhau, đánh với tất cả mọi đối tượng, mục tiêu, cả quân Mỹ và quân ngụy, cả với những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân Mỹ; đánh ở cả nông thôn và thành thị, đánh ở các hướng khác nhau và có thể đồng loạt trên nhiều hướng, có thể phản công và tiến công ngay từ đầu cuộc chiến tranh và ngày càng phát triển mạnh trong các giai

đoạn sau ; phản công và tiến công bằng cả quân sự, chính trị, binh vận, địch vận, ngoại giao và hoạt động quốc tế.

Qua những thực tế chiến tranh trên đây, vấn đề chọn hướng, mục tiêu, đối tượng phản công và tiến công cũng có rất nhiều hình vẽ, rất phong phú linh hoạt.

Đây lại là vấn đề «điều kiện tồn tại và vận động của sự vật».

Tuy một sự vật có nhiều hình vẽ, có chỗ giống nhau và khác nhau. Nhưng sự vật vận động là có quy luật. Quy luật đó là sự vận động của bản chất của sự vật, là điều kiện cụ thể tạo thành sự vật đó. Bản chất của sự vật thế nào, các điều kiện, nhân tố hình thành sự vật như thế nào, thì nó sẽ biểu hiện ra đúng như bản chất và điều kiện tồn tại của nó.

Muốn thực hành phản công và tiến công thì phải tổ chức các chiến dịch phản công và tiến công đề tiêu diệt quân địch, tiêu diệt các tập đoàn chiến dịch, chiến lược của địch ; vừa tiêu diệt lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của địch, vừa phá vỡ thế trận của địch, giành dân, giải phóng đất đai. Nội dung và yêu cầu của phản công và tiến công là phải tiêu diệt được lực lượng lớn của địch, tiêu diệt được tập đoàn chủ yếu của địch và cơ quan chỉ huy cao cấp của địch, chiếm lĩnh được trận địa của địch, giành được dân về ta, giải phóng được đất đai. Có thể phản công và tiến công mới giành được thắng lợi to lớn, thắng lợi quyết định.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta, phản công và tiến công có muôn màu, muôn vẻ, rất phong phú, linh hoạt, sáng tạo và đã phát triển tới một trình độ, một nghệ thuật cao.

2. VẤN ĐỀ RÚT LUI VÀ PHÒNG NGỰ

Trong chiến tranh, có phản công, tiến công và cũng có rút lui và phòng ngự.

Đối với quan điểm cách mạng, quan điểm đấu tranh triệt để thì rút lui và phòng ngự, chỉ là tạm thời, là sách lược, là chuẩn bị điều kiện cho phản công và tiến công. Vì phòng ngự là không có thể tiêu diệt được quân địch. Lý Bôn, Triệu Quang Phục rút lui để bảo toàn lực lượng, rồi chuyển sang phản công và tiến công. Trần Hưng Đạo rút lui để nhử địch vào sâu, phân tán quân địch, làm cho địch mệt mỏi, sa vào thế bị bao vây khốn quẫn, rồi chuyển sang phản công và tiến công. Lê Lợi nài dậy tiến công địch, rồi có lúc phải tạm rút lui sâu vào vùng núi ở phía bắc Thanh Hóa, sau lại chuyển sang tiến công. Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm, rút lui về núi Tam Điệp, chuẩn bị cho Quang Trung ra phản công chiếm lại Thăng Long.

Trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Pháp lần thứ 2 (1945—1954) quân ta cũng từ các thành thị rút về nông thôn đồng bằng và rừng núi, rồi chuyển sang phản công và tiến công.

Đó là những cuộc rút lui cần thiết, trước một quân địch còn tạm thời mạnh hơn, mà chưa đủ sức tiêu diệt chúng, ngăn chặn hẳn chúng lại, hoặc đánh bật chúng ra khỏi đất nước. Đứng về mặt hành động chiến lược thì là rút lui. Nhưng về mặt chiến đấu và chiến dịch thì vẫn có tiến công và phản công. Quá trình rút lui vẫn là quá trình chiến đấu tiêu hao và tiêu diệt nhỏ quân địch. Điểm này thể hiện rõ nét nhất là ở cuộc chiến tranh thời nhà Trần và trong cuộc Kháng chiến chống xâm lược Pháp lần thứ 2.

Rút lui trong các cuộc chiến tranh này là rút lui tích cực, chứ không phải là rút lui đơn thuần, rút lui một cách tiêu cực. Rút lui là một hình thức khác của việc xoay chuyển thế trận: tìm một thế trận khác có lợi hơn; nhường địch một bước làm giảm sức mạnh của chúng, đưa chúng vào một thế bất lợi hơn để ta chuẩn bị điều kiện tốt hơn rồi mới quyết chiến với địch mà tiêu diệt chúng.

Về phòng ngự thì có phòng ngự trong cuộc chiến tranh thời Lý và thời Trần. x

Lý Thường Kiệt đã tổ chức phòng ngự ở sông Như Nguyệt (sông Cầu) và Trần Quang Khải đã tổ chức phòng ngự ở vùng Nghệ An. Hai trận phòng ngự này là phòng ngự tích cực chứ không phải là phòng ngự đơn thuần, phòng ngự tiêu cực, mà Lý Thường Kiệt và Trần Quang Khải đã hoàn thành được nhiệm vụ của phòng ngự là ngăn chặn được quân địch, tiêu hao được quân địch, rồi chuyển sang phản công tiêu diệt quân địch.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta cũng có trận chiến phòng ngự đơn thuần tiêu cực và đi đến thất bại. Đó là trận chiến phòng ngự trận địa tiêu cực của Hồ Quý Ly, dựa vào thành Đa Bang trên bờ phía nam sông Hồng. Kết quả là không thể tiêu diệt được quân địch và cũng không thể chống đối nổi với quân xâm lược nhà Minh và bị thất bại, bị mất nước.

3. VẤN ĐỀ TIÊU DIỆT CHIẾN LƯỢC VÀ NGHỆ THUẬT QUYẾT CHIẾN

Trong chiến tranh, vấn đề tiêu diệt chiến lược là vấn đề hết sức quan trọng. Tiêu diệt đối phương, đè bẹp sự kháng cự của đối phương, buộc đối phương phải nhận sự thất bại. Đó là yêu cầu cao nhất của chiến tranh, để đạt mục đích cao nhất của chiến tranh là giành thắng lợi chiến tranh. Tiêu diệt đối phương, có tiêu diệt nhỏ, vừa và lớn, có tiêu diệt chiến thuật, chiến dịch và tiêu diệt chiến lược. Các mức tiêu diệt đó đều quan trọng, nó bồi bổ, bổ sung cho nhau và tạo điều kiện cho nhau, tạo thành một sức tiêu diệt địch rất rộng rãi, rất mạnh. Nhưng trong các mức đó thì tiêu diệt chiến lược là quan trọng nhất. Tiêu diệt chiến lược làm cho sự so sánh lực lượng giữa hai bên thay đổi

một cách nhanh chóng, tạo ra thế chiến lược mới, tạo ra sự chuyển biến cục diện chiến tranh, tạo ra thắng lợi chiến lược, thắng lợi chiến lược quyết định trong chiến tranh. Đánh tiêu diệt là một cái chất chính trong chiến tranh. Đánh tiêu diệt nhỏ, vừa, lớn là một quá trình phát triển dần dần từ nhỏ đến lớn, từ lượng đến chất.

Tiêu diệt chiến lược là một chuyển biến về chất trong quá trình vận động và phát triển của chiến tranh.

Tiêu diệt chiến lược không những chỉ tiêu diệt một lực lượng lớn, quan trọng của địch trong một thời gian ngắn mà còn tiêu diệt và đánh bại từng tập đoàn chiến lược, từng đạo quân của địch. Các tập đoàn chiến lược, các đạo quân là những lực lượng cốt cán, là những tổ chức cốt cán của lực lượng vũ trang để tiến hành chiến tranh, để tiến hành các đòn đánh quyết liệt, quyết định trong chiến tranh. Tiêu diệt chiến lược của địch, đánh bại tổ chức chiến dịch, chiến lược của địch, đánh bại các ý đồ, kế hoạch chiến lược của địch, đánh bại nghệ thuật tác chiến chiến dịch, chiến lược của địch, và trên cơ sở đó mà đánh bại ý chí kháng cự của địch. Muốn tiêu diệt chiến lược phải tổ chức các chiến dịch lớn, và các chiến dịch có tính chất quyết chiến về mặt chiến lược.

Chủ lực của hai bên — các tập đoàn chiến lược — đương đầu giao chiến với nhau, đối chọi với nhau một cách quyết liệt. Cuộc đối chọi quyết liệt đó diễn ra dưới hình thức quyết chiến chiến lược. Quyết chiến chiến lược là một cuộc đấu tranh gay gát nhất, quyết liệt nhất, cao nhất, giải quyết mâu thuẫn lớn nhất, tập trung nhất trong chiến tranh.

Quyết chiến chiến lược là một cuộc thử thách lớn nhất, một cuộc thử thách toàn diện các mặt trong chiến tranh, là một sự thử thách về tài tổ chức và nghệ thuật chỉ huy; là một sự thử thách về ý chí, là một sự đối chọi quyết

liệt nhất của hai bên tham chiến. Muốn giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong chiến tranh thì cần thiết phải tiến hành quyết chiến chiến lược đề tiêu diệt chiến lược quyết định. Quyết chiến chiến lược là một thành phần tinh đặc nhất trong sự cấu thành của chiến tranh, là một nhân tố rất quan trọng trong vận động của chiến tranh, là một sự vận động có tính quy luật trong toàn bộ quá trình vận động và phát triển của chiến tranh.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta, tiêu diệt chiến lược và quyết chiến chiến lược thường xuất hiện và diễn ra một cách phổ biến.

Lý Thường Kiệt đã tiến hành quyết chiến chiến lược trên chiến tuyến sông Cầu đề tiêu diệt chiến lược quyết định mà giành được thắng lợi trong chiến tranh. Lý Thường Kiệt chỉ thực hành một cuộc quyết chiến chiến lược cũng giành được thắng lợi chiến tranh. Quyết chiến chiến lược và tiêu diệt chiến lược của Lý Thường Kiệt được sự hiệp đồng và hỗ trợ rất đắc lực của nhiều trận đánh nhỏ và vừa. Các trận đánh đó đạt được mục đích tiêu hao địch một cách rộng rãi và thực hiện được tiêu diệt chiến thuật và chiến dịch, tạo điều kiện tốt cho việc chuẩn bị quyết chiến đề tiêu diệt chiến lược.

Trần Hưng Đạo, qua từng trận đánh nhỏ đạt tiêu hao và tiêu diệt chiến thuật, rồi tiến lên tổ chức một số chiến dịch, đạt được tiêu diệt chiến dịch và chiến lược, rồi trên cơ sở những thắng lợi đó mà tiến hành quyết chiến chiến lược, đạt được tiêu diệt chiến lược quyết định, giành được thắng lợi cho chiến tranh, hoặc giành được thắng lợi cơ bản, thắng lợi quyết định cho chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285), Trần Hưng Đạo đã tổ chức một trận quyết chiến tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan — tập đoàn chiến lược chủ yếu của quân xâm lược ở giữa Thăng Long và Chương Dương. Sau một chiến dịch lớn đã tiêu diệt và đánh tan đạo quân Toa Đô trên

sông Hồng, từ bến Hàm Tử đến cửa sông Luộc, giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, đập gãy một thế trận của địch làm cho Thoát Hoan ở Thăng Long bị cô lập. Sau trận Hàm Tử, quân địch bị suy yếu một bước quan trọng, lâm vào thế bị động lúng túng. Năm được thời cơ có lợi, Trần Hưng Đạo liền tổ chức một trận quyết chiến Chương Dương — Thăng Long nhằm tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan. Trận quyết chiến này đã thành công, giành thắng lợi chiến lược quyết định, tạo ra điều kiện vô cùng thuận lợi cho việc tiếp tục tiêu diệt và đánh bại hoàn toàn quân xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288), Trần Hưng Đạo cũng đã tổ chức hai trận quyết chiến chiến lược: một trận ở Bạch Đằng, tiêu diệt đạo quân Ô Mã Nhi và một trận ở vùng Vạn Kiếp, tiêu diệt và đánh tan đạo quân Thoát Hoan. Hai trận này đã thành công rực rỡ và hai trận này đã chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn mưu đồ xâm lược của triều đình phong kiến nhà Nguyên đối với nước ta.

Trận Bạch Đằng là một trận đã thể hiện được trình độ chỉ huy cao và nghệ thuật chỉ huy tài của bộ chỉ huy quân đội nhà Trần. Việc nắm địch, phân đoán địch được chính xác, biết được ý đồ rút lui của địch. Việc chọn mục tiêu, đối tượng tiến công cũng rất đúng. Tập trung lực lượng đánh đạo quân rút trước, đánh đạo quân đang vận động trên đoạn đường rút lui xa có nhiều kho khăn trước. Diệt được đạo quân này một cách nhanh gọn sẽ tạo điều kiện tốt cho việc tiêu diệt tiếp đạo quân thứ hai. Nếu không đồng thời tiêu diệt được cả hai đạo quân trong cùng một lúc thì cũng tập trung lực lượng tiêu diệt gọn một đạo quân yếu trước. Sau đó sẽ tiếp tục tiêu diệt các đạo quân khác. Về thế trận thì chọn được khu vực quyết chiến có lợi. Trong khu vực quyết chiến lại biết cải tạo địa hình, tổ chức lại chiến trường, nhử địch vào cạm bẫy, làm cho

dịch đang mạnh hóa thành yếu đột ngột, không kịp và không có cách xử trí đối phó, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt dịch một cách dễ dàng. Về sử dụng lực lượng thì đã cơ động đúng lúc lực lượng dự bị chiến lược đứng chân ở địa bàn cơ động tập trung về hướng tiến công chiến lược có lợi nhất, có điều kiện phát triển thuận lợi nhất. Tập trung lực lượng vào hướng đó thì có thể giành được thắng lợi to lớn. Thắng lợi chiến lược đó đạt được thì sẽ tạo ra điều kiện rất thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo. Do có trình độ và nghệ thuật chỉ huy cao cường nên trận Bạch Đằng là một trận thắng lợi rất đẹp, một trận thắng lợi rất oanh liệt.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nghĩa quân Lam Sơn, sau một thời gian dài tiêu hao và tiêu diệt nhỏ và vừa quân địch, đến năm 1426, Lê Lợi — Nguyễn Trãi mới có điều kiện tổ chức các chiến dịch lớn, thực hiện việc tiêu diệt chiến lược đối với quân địch.

Chiến dịch Chúc Động — Tốt Động là một chiến dịch lớn thực hiện việc tiêu diệt chiến lược, giành thắng lợi chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng buộc quân địch phải chuyển vào thế phòng ngự hoàn toàn về chiến lược trên toàn tuyến. Sau chiến dịch này, một thời kỳ mới, một tình thế mới, một thời cơ mới đã mở ra — Thời kỳ đánh những đòn quyết định để giành thắng lợi hoàn toàn. Đòn quyết định mới đó là trận quyết chiến chiến lược tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng sang cứu viện cho Vương Thông. Tình hình lúc này đặt ra cho bộ chỉ huy của Lê Lợi — Nguyễn Trãi nhiều vấn đề phải xử trí. Nguyễn Trãi đã nắm được bản chất của tình hình chiến tranh trong thời kỳ này. Ông đã nắm được mâu thuẫn chính của chiến tranh trong thời kỳ này. Ông đã nói rõ cho Vương Thông rằng hân chỉ còn trông chờ vào Liễu Thăng để mà sống thoi thóp trong vòng vây mà thôi, và một khi nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt

được đạo quân ứng cứu của Liễu Thăng thì Vương Thông chẳng khác gì như cá đã bỏ trong giỏ.

Nhận thức và phân tích được tình hình một cách chính xác và khoa học như thế, bộ chỉ huy nghĩa quân đã quyết định tập trung phần lớn lực lượng tinh nhuệ, quyết tâm tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng. Bộ chỉ huy nghĩa quân đã tập trung mọi sự cố gắng đề tồ chức và thực hành trận đánh quyết định này một cách rất chu đáo, cẩn thận. Trận quyết chiến này đã giành được thắng lợi vẻ vang, đã kết thúc và xóa sạch được ách thống trị nước ngoài.

Cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước do Quang Trung lãnh đạo, quyết chiến diễn ra tương đối độc đáo. Quyết chiến không diễn ra sau một quá trình ngắn của các trận tiêu diệt nhỏ như thời Lý Thường Kiệt, nó không diễn ra sau một quá trình như dịch vào sâu, tiêu hao tiêu diệt nhỏ và vừa quân địch trong một thời gian ngắn như thời Trần Hưng Đạo. Nó cũng không diễn ra sau một thời gian dài hàng mấy năm như thời Lê Lợi. Quyết chiến ở thời đại Quang Trung diễn ra rất nhanh, trong một thời gian đặc biệt ngắn. Quyết chiến không trải qua một số bước chuẩn bị mà xuất hiện cùng lúc với việc phát động cuộc chiến tranh chống xâm lược và cũng kết thúc luôn cả cuộc chiến tranh.

Nguyên nhân gì đã sinh ra sự việc này?

Đó cũng là do điều kiện cụ thể của hai bên tham chiến. Quân của Quang Trung giỏi hơn quân của Tôn Sĩ Nghị về trình độ kỹ thuật, chiến thuật và chỉ huy, về tinh thần và quyết tâm. Quân của Quang Trung là một đội quân rất tinh nhuệ, rất thiện chiến, một đội quân dày dạn chiến đấu, có rất nhiều kinh nghiệm chiến tranh, một đạo quân trăm trận trăm thắng, đặc biệt là có trình độ sở trường đánh vào chỗ mạnh nhất của đối phương. Đó là trình độ đánh công thành. Đặc tài này, Trần Hưng Đạo và Lê Lợi không có được đầy đủ như Quang Trung. Quang Trung

lại có tài tạo ra thời cơ và biết lợi dụng thời cơ có lợi nhất để giành thắng lợi tốt nhất.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp của nhân dân ta ở thời đại Hồ Chí Minh cũng phát triển từ tiêu diệt nhỏ, vừa rồi đến lớn, trải qua một quá trình phát triển lâu dài.

Năm 1950, quân ta đã mở chiến dịch Biên giới, tiêu diệt tập đoàn chiến dịch của địch, giành thắng lợi chiến dịch quyết định, tạo ra thắng lợi chiến lược, giải phóng một khu vực rộng lớn từ Cao Bằng xuống qua Lạng Sơn, làm chuyển biến cục diện chiến tranh, đẩy địch vào thế bị động phòng ngự, phát triển thế chủ động tiến công của quân ta. Sau cục diện Biên giới, và tiếp theo một số các chiến dịch tiến công khác, thế và lực của quân ta ngày càng phát triển, càng mạnh. Quá trình phát triển này là một quá trình chuẩn bị cho bước phát triển mới mạnh hơn.

Đến Đông — Xuân 1953 — 1954 ta chủ động tiến công địch trên khắp các chiến trường và đặc biệt là mở chiến dịch Điện Biên Phủ, một trận quyết chiến chiến lược, thực hiện việc tiêu diệt chiến lược đối với địch, cùng với các trận tiêu diệt nhỏ và vừa trên toàn bộ chiến trường, giành thắng lợi chiến lược quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 — 1954), giải phóng một nửa đất nước.

Chiến tranh là một cuộc đấu tranh quyết liệt nhất. Chiến tranh vận động và phát triển bằng một quá trình đối chọi nhau quyết liệt giữa hai bên tham chiến. Quá trình đối chọi đó, đứng về mặt đấu tranh vũ trang mà nói, là quá trình tiêu diệt lẫn nhau giữa hai lực lượng vũ trang; đánh tiêu diệt là cái lõi của chiến tranh. Đánh tiêu diệt vận động bằng hình thức quyết chiến.

Quyết chiến là một hình thức thể hiện cao nhất, tập trung nhất của đánh tiêu diệt, quyết chiến là một khâu giải quyết mâu thuẫn, là một quá trình phát triển, là một

bước chuyển biến của chiến tranh, là một cái khâu then chốt của cái chuỗi chiến lược. Mục đích và yêu cầu toàn diện và cao nhất của đánh tiêu diệt và quyết chiến là tiêu diệt được từng bộ phận lực lượng quan trọng của địch, phá vỡ được thế trận của địch, chiếm lĩnh được trận địa của địch, giành được dân về ta và giải phóng được đất đai.

Trong chiến tranh, đánh tiêu diệt và quyết chiến có nhiều màu, vẽ rất phong phú, rất linh hoạt. Đánh tiêu diệt, có tiêu diệt nhỏ, vừa và lớn và cũng có cả tiêu hao (về ý nghĩa chiến lược). Mỗi thứ đều có vai trò, vị trí, tác dụng của nó và bồi bổ, hỗ trợ lẫn nhau. Mỗi thứ đều có tầm quan trọng của nó. Nhưng tiêu diệt lớn là quan trọng nhất, có tác dụng quyết định nhất trong chiến tranh, vì nó làm thay đổi cơ bản, làm chuyển biến về chất trong chiến tranh, giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong chiến tranh. Chiến tranh cũng như các sự vật khác, có rất nhiều mâu thuẫn, nhiều loại mâu thuẫn. Có thứ mâu thuẫn nhỏ, có thứ mâu thuẫn lớn, có thứ mâu thuẫn chủ yếu, có thứ mâu thuẫn thứ yếu. Có giải quyết được mâu thuẫn chủ yếu thì mới giải quyết chiến tranh được triệt để. Đánh tiêu diệt chiến lược và quyết chiến chiến lược là giai đoạn phát triển cao trong quá trình vận động của những mâu thuẫn trong chiến tranh, là giai đoạn giải quyết mâu thuẫn cao nhất, quyết liệt nhất trong chiến tranh.

Trong điều kiện cụ thể nào đó, việc đánh tiêu diệt nhỏ, vừa và tiêu hao lớn, rộng rãi cũng có thể tạo nên chuyển biến về chất, tạo được thắng lợi chiến lược.

Tiêu diệt nhỏ và vừa chỉ gây được chuyển biến về lượng nhưng cái số lượng về « lượng » đó to đến một mức nào đó, cái lượng đó xảy ra ở trong một hoàn cảnh, điều kiện nào đó thì cũng gây ra được chuyển biến về chất.

Đánh tiêu diệt nhỏ và vừa vào các mục tiêu, đối tượng quan trọng nhất của địch, lại đánh đồng loạt vào tất cả mọi nơi, vào tất cả các mục tiêu, đối tượng quan trọng

nhất của địch, tuy là từng nơi thì nhỏ, nhưng nhìn chung cả toàn cục thì cũng là lớn, cũng có tác động lớn.

Tung toàn bộ lực lượng hoặc phần lớn lực lượng ra đánh tiêu diệt nhỏ và vừa, đánh vào phần lớn các mục tiêu, đối tượng quan trọng nhất cũng là có ý nghĩa, có tính chất của quyết chiến. Cho nên quyết chiến cũng diễn ra một cách rất linh hoạt và phong phú, có nhiều hình thức, nhiều màu vẻ.

Quyết chiến vào lúc nào, thời cơ nào cũng có nhiều biểu hiện khác nhau. Đánh sớm như Quang Trung và Lý Thường Kiệt, đánh muộn một chút như Trần Hưng Đạo, một thời gian lâu mới đánh như Lý Bôn, Triệu Quang Phục và Lê Lợi — Nguyễn Trãi, các thời cơ quyết chiến trên đều giành được thắng lợi.

Thời cơ quyết chiến là một điều rất quan trọng, có quan hệ đến thắng bại của chiến tranh. Vì thế phải xét đến điều kiện giữa địch và ta một cách rất kỹ càng, chính xác, cụ thể là vấn đề tương quan lực lượng giữa hai bên, sự so sánh về thế và lực giữa hai bên; tính năng động trong chỉ huy của hai quân đội, v.v.

Về hướng quyết chiến và đối tượng quyết chiến cũng có nhiều vẻ, Lý Thường Kiệt và Quang Trung đánh ngay vào hướng tiến công chủ yếu của địch, vào ngay đạo quân chủ yếu của địch, vào ngay bộ thống soái của địch. Trần Hưng Đạo, Lê Lợi — Nguyễn Trãi thì đánh vào hướng địch yếu trước, vào đạo quân yếu trước, sau mới đến đạo quân mạnh nhất của địch. Chiến dịch Biên giới (1950) cũng đánh vào chỗ địch tương đối yếu trước, rồi tiến lên đánh vào quân địch tương đối mạnh hơn trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Về kiểu thức quyết chiến thì có thể đánh những đòn tập trung, tiêu diệt lớn, trên từng hướng, cũng có thể đánh nhiều đòn nhỏ, tiêu diệt vừa, phân tán trên nhiều hướng. Hai phương thức trên phải căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi cuộc chiến tranh mà vận dụng cho thích hợp.

Nếu có điều kiện tập trung đánh lớn, thì chiến tranh giải quyết sẽ nhanh hơn.

Về cách thức quyết chiến thì có thể đánh từng bộ phận, hoặc có thể liên tục kế tiếp, hoặc có thể đồng loạt đánh vào nhiều mục tiêu trên nhiều hướng, v.v. Có thể đánh một đòn hoặc nhiều đòn.

Lý Thường Kiệt và Quang Trung chỉ đánh một đòn. Các cuộc chiến tranh khác thường đánh nhiều đòn. Lê Lợi đánh diệt bộ phận. Trần Hưng Đạo đánh các đòn tương đối liên tục kế tiếp nhau.

Về sử dụng lực lượng trong quyết chiến, trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta thì thường là ít hơn so với địch. Trận Chi Lăng—Xương Giang, quân Lê Lợi khoảng 5 vạn, quân Liễu Thăng 10 vạn. Trận Thăng Long, quân Quang Trung 10 vạn, quân Tôn Sĩ Nghị 20 vạn. Các trận của Trần Hưng Đạo đánh quân Nguyên, quân nhà Trần cũng thường ít hơn quân Nguyên. Câu nói của Trần Hưng Đạo: « Lấy ngắn trị dài » có nhiều ý nghĩa: quân ít đánh thắng quân nhiều cũng có ý nghĩa đó.

Trong lịch sử chiến tranh, lực lượng sử dụng trong quyết chiến của hai bên thường là xấp xỉ nhau. Có rất nhiều trận quyết chiến, bên quân ít thắng bên quân nhiều một cách oanh liệt. Thắng lợi của quyết chiến không phải chỉ quyết định ở quân số, mà còn quyết định vào nhiều nhân tố khác. Có những nhân tố chủ yếu hơn quân số.

Về hình thức quyết chiến thì có đánh vận động—đánh ngoài công sự—và đánh công thành—đánh trong công sự. Trần Hưng Đạo và Lê Lợi tổ chức các trận quyết chiến bằng cách đánh vận động để giải quyết chiến tranh. Quang Trung thì đánh công thành để giải quyết chiến tranh. Ngày xưa, trình độ phát triển của xã hội còn thấp. Chiến tranh vận động tương đối đơn giản hơn, vì thế vận dụng một hình thức tác chiến cũng có thể giải quyết được chiến tranh (một hình thức đây là nói một hình thức chủ yếu).

ngoài ra còn có các hình thức khác bổ trợ). Ngày nay, tình hình phức tạp hơn, chiến tranh thường giải quyết bằng nhiều hình thức tác chiến; phải đánh cả ngoài công sự và trong công sự và còn nhiều điều phức tạp khác nữa.

Quyết chiến là một nghệ thuật và là nghệ thuật rất cao. Đánh tiêu diệt và quyết chiến trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta có nhiều kiểu cách khác nhau, nhiều màu vẽ rất phong phú, linh hoạt và sáng tạo. Nghệ thuật quyết chiến đã phát triển lên một trình độ cao, có những trận quyết chiến tài giỏi.

Lịch sử chiến tranh trên đây đã chứng minh chiến tranh có quy luật chung và quy luật riêng; có những nguyên tắc cơ bản và có những điểm phát triển. Nhận thức chiến tranh và chỉ đạo chiến tranh phải vững chắc và hết sức linh hoạt sáng tạo, không cứng đờ, dập khuôn máy móc. Trong cái muôn màu muôn vẻ đó, thì màu nào cũng thắng, vẻ nào cũng thành. Đó là do biết vận dụng phương pháp chiến tranh phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh cụ thể khác nhau của mỗi cuộc chiến tranh.

Lửa to phải 10 thùng nước, hoặc 100 gáo nước, lửa nhỏ chỉ cần một phảy quạt cũng đủ dập tắt.

4. VẤN ĐỀ THỂ TRẬN CHIẾN LƯỢC

Thế trận chiến lược là sự thể hiện cụ thể của chủ trương, quyết tâm và kế hoạch chiến lược, là sự bày binh bố trận để tiến hành tác chiến, tiêu diệt quân địch.

Thế trận chiến lược triển khai trên một khu vực chiến lược rộng lớn, hoặc trên quy mô phạm vi cả nước. Thế trận chiến lược là sự tổ chức triển khai chiến đấu của nhiều loại lực lượng vũ trang, của nhiều binh chủng, của nhiều đơn vị với quy mô khác nhau, của nhiều loại lực lượng đánh địch và đánh địch bằng nhiều hình thức chiến

thuật, nhiều cách đánh, nhiều thủ đoạn phương thức chiến dịch, chiến lược khác nhau, có nhiều hướng, nhiều tuyến nhằm tiêu diệt, tiêu hao nhiều mục tiêu, đối tượng quân địch với nhiều quy mô, yêu cầu khác nhau để đạt tới thắng lợi có ý nghĩa về chiến lược.

Thế trận chiến lược hình thành là căn cứ vào sự phân đoán, phân tích tình hình địch, ta. Căn cứ vào mục đích, yêu cầu nhiệm vụ tác chiến, căn cứ vào địa hình, v.v.

Thế trận chiến lược là một tổ chức rất phức tạp. Nó thể hiện trình độ và nghệ thuật tổ chức và chỉ huy của cơ quan tham mưu và bộ chỉ huy cao cấp.

Thế trận đúng sẽ bảo đảm một phần quan trọng cho sự thắng lợi. Thế trận hay là một thế trận có thể tiêu diệt được nhiều địch, đánh bại được ý đồ và kế hoạch tác chiến của địch. Muốn thế thì ngoài việc tiêu diệt, tiêu hao địch rộng rãi ở trên toàn thế trận ra, còn cần tiêu diệt được lực lượng nòng cốt của địch tham gia giao chiến, tức là những đơn vị lớn của địch, tập đoàn chiến dịch và chiến lược chủ yếu của địch. Thế trận chứa đựng hai quân đội, chứa đựng sự hoạt động của hai quân đội luôn luôn đấu tranh với nhau. Vì thế mà thế trận luôn luôn biến hóa. Bộ chỉ huy bày thế trận và điều khiển thế trận cần làm thế nào giữ được chủ động từ đầu đến cuối, giữ được thế mạnh, thế có lợi và phát huy được cao thế mạnh để nhử địch vào thế bất lợi, thế bị động khốn quẫn có lực nhiều mà yếu. Có thế mới có thể tiêu diệt địch nhanh gọn, đánh một số trận then chốt, trận quyết định để giành thắng lợi lớn.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) trong thế trận chung trên phạm vi cả nước, Trần Hưng Đạo đã tổ chức được một trận quyết chiến có thế trận rất đẹp, tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan ở Chương Dương và Thăng Long. Chiến dịch lớn này có nhiều thế trận hiệp đồng hỗ trợ nhau rất chặt chẽ, ăn ý, tạo được thời cơ, điều kiện

cho nhau rất hay ; có thể nhử, thế đánh, thế nôi, thế chìm. Vây hãm thủy trại Chương Dương là thế nhử. Diệt địch ở giữa Chương Dương và Thăng Long là thế đánh. Hai thế trên đây là thế nôi. Lực lượng bí mật phục sẵn ở gần thành Thăng Long đề đợi thời cơ khi đạo quân Thoát Hoan tiến ra khỏi thành Thăng Long đi cứu Chương Dương, bỏ thành Thăng Long sơ hở thì hiệp đồng cùng các thế khác bất ngờ đánh chiếm Thăng Long là thế chìm.

Thế trận này là một thế trận tạo thời cơ, có rất nhiều mưu mẹo, là một chiến dịch đánh bằng mưu. Sự thống nhất giữa thế và thời trong chiến dịch rất đẹp. Đặc điểm thế trận của Trần Hưng Đạo là mưu sâu, thế hiểm.

Trong cuộc kháng chiến của nghĩa quân Lam Sơn, ở vào giai đoạn cuối (1427), Lê Lợi đã bày một thế trận rất đẹp, thế trận có hướng chủ yếu, hướng thứ yếu, hướng phối hợp ; có hướng tiến công, hướng phòng ngự, hướng vây hãm. Trên hướng chủ yếu lại có khu vực tập trung lực lượng, khu quyết chiến. Thế trận cũng có tuyến một là các lực lượng tham chiến đợt đầu và tuyến hai là lực lượng dự bị tham gia đợt sau, lại còn lực lượng hậu bị, bổ sung.

Sau trận Chúc Động — Tốt Động (1426), 10 vạn quân của Vương Thông bị tiêu diệt 5 vạn, còn lại 5 vạn co về phòng ngự cố thủ trong thành Đông Đô. Một số thành khác cũng lâm vào tình hình khốn quẫn đó, Vương Thông đã phải cầu cứu, xin thêm quân tiếp viện. Triều đình nhà Minh buộc phải phái quân sang cứu Vương Thông. Hai đạo quân cứu viện sang cứu Vương Thông tiến vào đường Lạng Sơn và Hà Giang. Bộ chỉ huy nghĩa quân nhận định : quân ở trong thành không mạnh, quân viện mới là vấn đề quyết định tình thế trong lúc này. Mối mâu thuẫn chủ yếu của thời kỳ này là những đạo quân cứu viện. Trong hai đạo quân cứu viện thì đạo quân Liễu Thăng là quyết định nhất. Nhưng muốn bảo đảm cho việc

tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng thì phải có cái thế hỗ trợ chung.

Do nhận định, phân tích chính xác, bộ chỉ huy nghĩa quân đã triển khai được một thế trận trên quy mô chiến lược cả nước một cách đúng đắn. Hướng đánh đạo quân Liễu Thăng là hướng chủ yếu, tập trung phần lớn lực lượng tinh nhuệ, thực hành tiến công tiêu diệt. Hướng đánh đạo quân cứu viện thứ hai của địch do Mộc Thạnh chỉ huy tiến vào đường Hà Giang là hướng đánh viện thứ yếu. Cách đánh ở hướng này là đánh ngăn chặn, không cho Mộc Thạnh tiến tới được Đông Đô để liên lạc với Vương Thông. Hướng vây hãm Vương Thông ở Đông Đô cũng là hướng thứ yếu. Hướng này thực hành cách đánh vây hãm không cho Vương Thông đánh ra ngoài để liên lạc được với Liễu Thăng và Mộc Thạnh. Còn các hướng khác là hướng phối hợp, thực hành vây hãm và dịch vận, không cho địch chạy thoát, tập trung về Đông Đô và bức hàng quân địch ngay tại chỗ.

Thế trận là ý đồ tác chiến, là biểu hiện cụ thể bằng sự bố trí lực lượng. Căn cứ vào một số bài viết của Nguyễn Trãi và một số tài liệu khác (các tài liệu này cũng không có đủ số liệu), căn cứ vào tư tưởng và nguyên tắc chỉ đạo tác chiến của bộ chỉ huy nghĩa quân, căn cứ vào thế trận lúc bấy giờ, ta có thể nghiên cứu về lực lượng và cách bố trí, triển khai lực lượng của nghĩa quân để hình thành thế trận chiến lược của chiến cục mùa Đông năm 1427. Quân chủ lực của nghĩa quân có khoảng 5 — 6 vạn người. Quân các lộ (quân địa phương) khoảng 10 vạn.

Trong một cuộc chiến tranh giải phóng có nhiều tính chất nhân dân thì quân địa phương và dân quân có tác dụng rất lớn. Trong điều kiện công cụ chiến tranh giữa hai bên không chênh lệch nhau mấy về chất lượng, về trình độ kỹ thuật thì tác dụng của dân quân, của địa hình lại càng lớn. Do đó mà quân địa phương và dân quân

trong thời nhà Trần và thời Lê Lợi đã phát huy được vai trò rất lớn, đã phát huy được sức mạnh của một cuộc kháng chiến có nhân dân tham gia. Căn cứ vào lực lượng trên, ta có thể phán đoán việc triển khai lực lượng trong thế trận như sau:

Ở hướng chủ yếu có thể có khoảng hơn 3 vạn đến 4 vạn, gồm cả lực lượng dự bị chiến lược và được sự hỗ trợ của quân địa phương. Ở hướng đánh ngăn chặn đạo quân Mộc Thạnh có khoảng 1 vạn quân cùng với quân địa phương và nghĩa binh. Ở hướng vây hãm Vương Thông có thể có khoảng 1 vạn cùng với quân địa phương và dân binh. Ở hướng này có thể huy động được nhiều quân địa phương và dân binh, vì là một vùng đông dân và quân chủ lực của Lê Lợi cũng đã hoạt động ở đó tương đối lâu và đã đánh thắng nhiều trận lớn.

Còn các hướng phối hợp khác, chủ yếu là dùng cách đánh bao vây, dịch vận thì chỉ có một số ít quân chủ lực làm nòng cốt, còn chủ yếu là dùng quân địa phương và dân binh để có thể tiết kiệm binh lực ở hướng không quan trọng mà tập trung được vào hướng quan trọng. Trong khi đó thì bộ tham mưu của Lê Lợi vẫn tiếp tục tuyển mộ thêm quân sĩ và gấp rút huấn luyện để làm quân hậu bị bổ sung và phát triển thêm quân đội.

Ở đây có một vấn đề rất khó cho nghĩa quân là quân ít mà phải đánh với một đội quân đông, lại nhiều mục tiêu đối tượng cùng xuất hiện trong cùng một lúc. Cái giỏi là vẫn phân tán, kiểm chế chia cắt được quân địch trên toàn chiến trường lại tập trung được vào hướng chủ yếu, biết dùng cách đánh khác nhau để tiêu diệt từng bộ phận địch rồi tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Ở trên hướng chủ yếu lại có khu quyết chiến. Hướng tiến công chủ yếu tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng là từ Lạng Sơn đến Bắc Ninh, những khu vực đánh tiêu diệt chủ yếu, khu vực tập trung lực lượng (khu quyết chiến)

có thể là từ Chi Lăng (Đồng Mô) cho tới Xương Giang (Bắc Giang).

Trong các tài liệu chưa thấy nói đến chủ quyết chiến, chưa thấy có lý luận về «khu quyết chiến». Nhưng căn cứ vào sự bố cục lực lượng vào sự triển khai thế trận, ta có thể phân tích về hướng chủ yếu và thứ yếu, về khu quyết chiến ở trên hướng chủ yếu.

Trong khoảng 5 — 6 vạn quân chủ lực, thì phần lớn là bố trí từ Bắc Ninh đến Chi Lăng. Ý định tác chiến và kế hoạch tác chiến là định đánh một trận quyết định ở Chi Lăng và không cho địch tiến qua Xương Giang (Bắc Giang) để tiến về Đông Đô. Cần phải hiệp đồng với thế trận mai phục ở Chi Lăng mà chặn đứng quân địch lại ở Xương Giang vì nếu địch tiến qua đường Xương Giang về tới Bắc Ninh thì tình thế sẽ có rất nhiều khó khăn. Và địch đã tới được Bắc Ninh thì có thể bắt đầu liên lạc được với Vương Thông ở Đông Đô. Vì thế trước khi bố cục thế trận đánh Liễu Thăng, bộ chỉ huy nghĩa quân đã quyết định phải đánh chiếm cho được thành Xương Giang. Trình độ đánh thành của nghĩa quân không được khá lắm, nhưng với ý nghĩa chiến dịch và chiến lược của thành Xương Giang nên nghĩa quân quyết tâm hạ cho được thành đó và việc này phải mất hàng tháng mới làm được. Ngoài việc phải chiếm lấy thành Xương Giang để chặn quân địch lại ở đó, làm cho địch không có một đầu mối trung gian để nối liền với Vương Thông, không có một bàn đạp trung gian để tiến về Đông Đô (một đầu cầu chiến lược để tiến về Đông Đô), bộ chỉ huy nghĩa quân còn bố trí một lực lượng tổng dự bị chiến lược ở mạn sông Thương để cơ động về hướng Xương Giang, chi viện cho lực lượng ở tuyến 1, đồng thời để phòng ngăn chặn Vương Thông nếu hãn phá vỡ được vòng vây ở Đông Đô chạy về hướng Xương Giang.

Thế trận ở hướng chủ yếu như thế là tương đối chặt chẽ, vững chắc và linh hoạt. Có thế trận mai phục ở Chi Lăng, có thế chặn đầu về chiến dịch và chia cắt về chiến lược, có lực lượng dự bị ở sát ngay tuyến ngăn chặn đề quyết tiêu diệt địch.

Chiến sự diễn biến tương đối di đúng theo đường hướng của thế trận. Thế trận không đứng yên, nó luôn luôn biến hóa trong quá trình đấu tranh của hai quân đội và có những thế mới xuất hiện.

Bộ chỉ huy nghĩa quân đã làm chủ được thế trận, đã điều khiển được thế trận, dẫn dắt sự biến hóa đi vào được đúng thế trận và đã thành công rực rỡ.

Căn cứ vào thế trận trên đây, vào ý định và quyết tâm của bộ chỉ huy nghĩa quân và căn cứ vào diễn biến chiến sự, có thể đi sâu một bước đề nghiên cứu và phân tích kỹ hơn nữa về thế trận, tìm ra những điểm cụ thể trong thế trận, phân tích các thành phần cấu thành thế trận. Điểm quan trọng nhất trong các thành phần của thế trận là khu vực tập trung lực lượng đề tiêu diệt địch một cách quyết định, đánh những trận then chốt.

Khu vực tập trung đó khái quát lên là khu quyết chiến. Khu quyết chiến là hạt nhân của thế trận. Quyết định việc tiêu diệt tập đoàn chiến dịch và chiến lược chủ yếu của địch là ở khu quyết chiến. Muốn tiêu diệt tập đoàn chiến dịch, chiến lược chủ yếu của địch ở khu quyết chiến thì phải đánh một số trận then chốt, quyết định cho việc tiêu diệt đó. Sự vận động của sự vật cũng như sự vận động của chiến tranh có rất nhiều thành phần đấu tranh với nhau, nhiều mặt đấu tranh với nhau; có rất nhiều mâu thuẫn. Phải tập trung giải quyết những khâu mâu chốt chính, tập trung vào chỗ nào, lúc nào, thành phần nào gay gắt nhất, quyết liệt nhất thì mới quyết định được sự chuyển biến căn bản của sự vật. Nếu cứ phân tán, chỗ nào cũng giải quyết thì giải quyết không được triệt để.

Trong thế trận ở khu quyết chiến, trên hướng chủ yếu này, trận Chi Lăng là một trận then chốt thứ nhất, là hiệp đầu quyết định cho việc tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng. Sau trận Chi Lăng, quân địch bị tiêu diệt một bộ phận quan trọng về sinh lực và cơ quan chỉ huy, làm cho đội hình địch rối loạn, thế trận của địch tan vỡ, tinh thần địch hoang mang, chúng phải cố chạy xuống Xương Giang. Trận Xương Giang là một trận then chốt thứ hai, quyết định việc tiêu diệt hoàn toàn đạo quân Liễu Thăng.

Do có thế trận đúng, hiểm và hay nên các bước tác chiến đều hoàn thành nhiệm vụ và đòn quyết chiến tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng đã thành công, giành được thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến. Chiến cục này là một chiến cục có thế trận trên phạm vi cả nước. Thế trận này là một thế trận rất phức tạp. Các thế trận có mối liên hệ bên trong về chiến lược rất chặt chẽ, có sự liên hệ về tình huống chiến lược chứ không phải chỉ có liên hệ về mặt kế hoạch. Đặc biệt của thế trận là sự hỗ trợ của các thế tạo điều kiện cho thế chủ yếu rất là quan trọng. Mỗi thế cũng phải hành động cùng một lúc, nhiệm vụ rất nặng nề và phải hoàn thành cho được mới hoàn thành được nhiệm vụ chung một cách hoàn hảo. Nhìn trận đồ này như là xem một bức tranh tuyệt đẹp, có nhiều màu sắc tươi sáng, phong phú và sinh động.

Trong cuộc phản công ra Thăng Long, thế trận của Quang Trung triển khai dễ đánh vào một mục tiêu tập trung. Nhưng thế trận rất mạnh, hiểm, kín và chắc. Thế trận này là một thế trận có nhiều thế, các thế có mối quan hệ hữu cơ trong một thế tổng hợp chung, hiệp đồng, hỗ trợ nhau rất chặt chẽ, ăn ý.

Thế đánh ở một mặt chính là một thế mạnh, thế chủ yếu, gồm nhiều mũi, có đánh thẳng vào mặt chính trận địa của địch, có đánh vào sườn trận địa của địch, hiệp đồng, hỗ trợ nhau chặt chẽ.

Thế chủ yếu — hướng chủ yếu, đánh thẳng vào Thăng Long có ba mũi, ba thế nhỏ. Cánh đánh theo đường số 1 vượt qua Hạ Hồi, Ngọc Hồi có hai mũi. Hai mũi đó có sự hiệp đồng với nhau trong cánh đó. Cánh đánh theo đường số 6 vào Khương Thượng — Đống Đa chỉ có một mũi. Cánh này đánh vào sườn địch, hiệp đồng và cùng hỗ trợ với cánh ở đường số 1. Cánh này (cánh đường số 6) chỉ có một mũi — một đạo quân. Nhưng một mũi đó cũng lại có thể chia làm hai mũi nhỏ, đề tự bản thân nó có sự hiệp đồng. Hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Mũi đánh vào Lục Đầu là thế chia cắt quân địch ở Thăng Long với Hải Dương, là thế vây chặt và là thế yểm hộ sườn phải (phía đông) cho đạo quân chủ lực của Quang Trung đánh vào Thăng Long và cũng là một thế đề yểm hộ cho mũi đánh lên Phượng Nhỡn. Mũi đánh vào Phượng Nhỡn (Hà Bắc) là thế vây chặn xa, chặn quân địch rút chạy và chặn quân cứu viện từ Nam Quan xuống.

Thế trận của Quang Trung có một đặc điểm nổi bật là có sức tiến công mạnh, có sự kết hợp chặt chẽ giữa đột phá với bao vây vu hồi, có cái hình dáng của một thế trận bao vây tiêu diệt quân địch. Đề đánh những đòn bất ngờ, mãnh liệt, Quang Trung thường hoàn chỉnh thế trận trong quá trình thực hành tiến công. Thế trận của Quang Trung thể hiện tư tưởng tiến công tiêu diệt rất kiên quyết, rất triệt để...

Trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay, nhân dân ta có một thế trận rất hay, vô cùng phức tạp và phong phú. Nó phát triển tới một đỉnh cao trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta.

Thế trận đó là một thế trận của một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng phát triển tới một đỉnh cao. Thế trận này là một thế trận thiên la địa võng. Nhân dân ta đã bày được một thế trận trong cả nước: thế trận của mọi người dân, mọi lực lượng (quân sự và chính trị), mọi thứ quân

(chủ lực, địa phương và dân quân du kích) mọi thứ vũ khí, mọi phương pháp chiến tranh, mọi biện pháp đấu tranh. Nhân dân ta đã đánh địch ở khắp mọi nơi, cụ già, em bé cũng đánh địch, cũng thành một thế trận, cũng thành một mũi tiến công, một người cũng thành 3 mũi giáp công. Nhân dân ta đánh địch ở ngay trong sào huyệt của nó, đánh địch ở cả trên không, dưới đất, dưới nước. Quân địch ở đâu cũng bị đánh, bị đánh ở trước mặt, bị đánh ở sau lưng. Thế trận này làm cho hơn một triệu quân với hàng ngàn máy bay, xe tăng của Mỹ, ngay cùng 4 — 5 nước chư hầu tham chiến đều không cựa quậy được, bị bao vây, trói chặt và bị tiêu diệt và thất bại từng bộ phận, từng bước, đi dần tới thất bại hoàn toàn. Thế trận này làm cho địch không thể xoay sở được, không thể đánh theo ý muốn của chúng được, không thể đánh theo cách đánh của chúng được, làm cho địch quân đông, vũ khí nhiều mà hóa ít. Thế trận này làm cho lực ta tăng lên gấp bội, thế ta biến hóa vô cùng.

Thế trận này tạo cho ta những điều kiện vô cùng thuận lợi, muốn đánh địch ở đâu, lúc nào, cách gì tùy ta lựa chọn. Do có thế trận đó mà ta luôn luôn chủ động điều động địch, làm cho địch phải phân tán, căng mỏng, mệt mỏi, sa vào thế trận của ta rồi bị tiêu diệt. Thế trận của ta là một thế trận tiến công địch một cách tổng hợp toàn diện. Nó có một sức mạnh rất lớn, một sức dẻo dai rất bền, lại rất vững chắc, sâu hiểm, sắc nhọn. Thế trận trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay của nhân dân ta là một thế trận rất phong phú, rất mạnh, rất hay và đã phát triển tới một đỉnh rất cao. Nó kế thừa những kinh nghiệm, tinh hoa của dân tộc ta, tiếp thu kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh cách mạng thế giới và phát huy lên một trình độ mới của thời đại ngày nay.

Qua nhiều kiểu cách của thế trận và sự vận động phong phú của thế trận có thể đi sâu thêm một bước đề nghiên

cứu về bản chất của thế trận. Thế trận là vấn đề về tình huống và thời cơ để tiêu diệt địch. Bày thế trận và điều khiển thế trận là tạo ra được tình huống và thời cơ có lợi để tiêu diệt được tập đoàn chiến dịch, chiến lược chủ yếu của địch một cách hay nhất, đẹp nhất. Sự vận động của thế trận là sự vận động của tình huống và thời cơ, là sự vận động của thế quyết chiến. Thời cơ là vấn đề quan trọng nhất trong sự vận động của thế trận. Thế trận và thời cơ có mối liên hệ bên trong rất khăng khít với nhau, là một sự thống nhất về chất. Điều khiển thế trận để tạo ra được tình huống và thời cơ là tính năng động và chủ động trong sự chỉ huy. Giữ được chủ động trong suốt cả quá trình biến hóa của thế trận là vấn đề rất quan trọng trong sự chỉ huy để tạo ra được tình huống và thời cơ có lợi nhất để tiêu diệt địch.

Các dẫn chứng chiến tranh trên đây đã nói lên nhiều đặc điểm khác nhau muôn màu muôn vẻ về thế trận trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta. Thế trận của Quang Trung rất mạnh, mạnh như gió gào, thác đổ. Thế trận của Lê Lợi — Nguyễn Trãi mềm mại, nhẹ nhàng, nhưng rất vững chãi, dẻo dai như núi nhọn, sông dài. Thế trận của Trần Hưng Đạo sâu hiểm như rừng rậm, cây dày. Quang Trung đánh trận như cưỡi ngựa múa dao. Lê Lợi đánh trận như đánh cờ chọn nước. Trần Hưng Đạo đánh trận như tìm mồi đặt bẫy.

Qua lịch sử chiến tranh trên đây, Tò tiền ta đã xây dựng được một nghệ thuật về thế trận rất hay, rất đẹp; mỗi thời một vẻ, mỗi người một vẻ.

Thế trận là một vấn đề rất phức tạp, là một vấn đề tương đối khó, là một nghệ thuật cao trong chiến tranh.

Thế trận chứa đựng, thể hiện hầu như toàn bộ nội dung của chiến dịch, của chiến tranh.

Bày được thế trận đúng, hay đã khó, nhưng điều khiển thế trận lại còn khó hơn. Được rèn luyện trong một quá

trình đấu tranh vũ trang lâu dài, dân tộc ta đã có một nghệ thuật muôn màu muôn vẻ về thể trận, có nhiều thể trận rất hay, rất đẹp, rất phong phú, linh hoạt, sáng tạo và đã phát triển tới một trình độ cao.

Ngày nay chúng ta cần tiếp thu, học tập một cách nghiêm túc đề vận dụng sáng tạo và nâng cao lên hơn nữa, làm phong phú kho tàng nghệ thuật chiến tranh và khoa học quân sự Việt Nam.

5. NGHỆ THUẬT ĐỘT PHÁ VÀ BAO VÂY VU HỒI

Đột phá, bao vây vu hồi là một hình thức của thể trận, là sự thể hiện thể trận về mặt cách đánh.

Đột phá, bao vây vu hồi là một thủ đoạn hành động của các binh đoàn (các phân đội) trong tác chiến tiến công tiêu diệt địch, là một cách đánh của các đơn vị bộ đội, các lực lượng vũ trang.

Yêu cầu của tác chiến là tiêu diệt địch một cách kiên quyết, nhanh gọn và triệt để. Muốn thế thì phải đánh thẳng vào đội hình của địch, xuyên thủng được đội hình của địch, cùng một lúc vây địch lại không cho địch chạy thoát và chia cắt địch ra nhiều mảnh không cho đồn cục lại, rồi tiêu diệt cho nhanh chóng, sạch gọn.

Lịch sử chiến tranh đã chứng minh, chiến dịch nào, trận chiến đấu nào kết hợp được chặt chẽ giữa đột phá mạnh (đột kích) với bao vây vu hồi chặt thì tiêu diệt địch được nhanh, gọn, triệt để, và lực lượng ít cũng tiêu diệt được lực lượng nhiều.

Trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta, Quang Trung là người có trình độ cao, có đặc tài về nghệ thuật đột phá và bao vây vu hồi. Trận Phú Xuân (Huế) và trận Thăng Long là hai trận điển hình xuất sắc về nghệ thuật đột phá và bao vây vu hồi. Trong chiến dịch này, Quang Trung đã đánh vào chỗ mạnh nhất, cứng nhất và quan trọng nhất của địch. Ông đánh ngay vào bộ chỉ huy, bộ

thống soái của địch, diệt ngay bộ chỉ huy đó cùng với tập đoàn chiến lược chủ yếu của nó, ở trong thành quách. Ba yếu tố trên (diệt bộ thống soái, diệt tập đoàn chiến lược chủ yếu, diệt trong thành quách) làm cho cuộc chiến tranh giành được thắng lợi rất nhanh. Thường Quang Trung chỉ đánh một đòn quyết chiến là giành được thắng lợi chiến tranh.

Nguyên nhân của thắng lợi có nhiều mặt. Trước tiên là tinh thần và quyết tâm của quân đội của Quang Trung rất cao, tư tưởng tiến công rất kiên quyết, tư tưởng đánh tiêu diệt rất triệt để. Đội quân của Quang Trung là một đội quân dày dạn chiến đấu, có nhiều kinh nghiệm, trình độ và nghệ thuật tác chiến giỏi. Quang Trung là người chỉ huy có tài năng kiệt xuất. Về trình độ và nghệ thuật tác chiến thì Quang Trung rất giỏi về đánh công thành, đánh tiêu diệt các tập đoàn lớn của địch ở trong thành quách. Điều quan trọng là không cho địch chạy thoát và không cho quân địch ở ngoài đến cứu viện. Muốn thế phải đột phá và bao vây vu hồi. Đột phá cũng phải nhiều mũi, nhiều hướng, bao vây vu hồi cũng phải có gần, có xa, nhiều tầng nhiều lớp.

Trong chiến dịch Thăng Long, Quang Trung thực hành đột phá trên hai hướng: hướng theo đường số 1 qua Hạ Hồi, Ngọc Hồi và hướng theo đường số 6 vào Khương Thượng — Đống Đa. Bản thân mỗi hướng cũng có nhiều mũi, cũng có bao vây của bản thân mũi đó. Trong hai mũi đột phá vào Thăng Long thì mũi đánh vào Khương Thượng lại có tác dụng là một mũi bao vây, đánh vào sườn so với mũi chính đánh thẳng theo đường số 1 là đạo đại quân do chính Quang Trung thân chinh chỉ huy. Về bao vây vu hồi thì có vu hồi gần ở Lục Đầu và vu hồi xa ở Phụng Nhãn.

Chiến dịch Phú Xuân có vu hồi gần ở Phú Xuân và vu hồi xa ở gần sông Gianh. Hai thành phần đó (đột phá và

bao vây vu hồi) kết hợp, hiệp đồng được chặt chẽ với nhau thì làm cho quân địch bị diệt ngay ở trong thành, không thể chạy thoát được và quân ngoài muốn đến cứu cũng không được. Trong chiến dịch Thăng Long, thế trận đột phá và thế trận vu hồi đã hiệp đồng được với nhau chặt chẽ, yểm hộ, tác động lẫn nhau. Hai mũi đột phá mạnh có tác dụng quyết định tiêu diệt đạo quân Tôn Sĩ Nghị. Hai mũi đột phá này được sự hiệp đồng yểm hộ và hỗ trợ bằng hai mũi vu hồi: một mũi vu hồi gần và một mũi vu hồi xa.

Mũi vu hồi gần đánh vào Lục Đầu và vùng Hải Hưng có nhiệm vụ chia cắt Thăng Long với Hải Hưng, tiêu diệt và ngăn chặn quân địch ở Hải Hưng không cho về tiếp ứng cho Thăng Long và không cho quân ở Thăng Long chạy về hướng Lục Đầu, đồng thời cũng đề hư trương thanh thế, yểm hộ cho hướng Thăng Long và cũng là một thế yểm hộ cho mũi vu hồi xa ở Phượng Nhãn. Mũi vu hồi xa đánh vào Phượng Nhãn vừa có ý nghĩa chiến dịch và chiến lược. Nhiệm vụ của nó là diệt quân địch rút chạy về Nam Quan, đồng thời có nhiệm vụ diệt và ngăn chặn vòng ngoài, không cho địch từ Nam Quan sang cứu viện cho quân địch ở Thăng Long. Mũi này đã đánh tan quân rút lui của Tôn Sĩ Nghị. Đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật bao vây của Quang Trung là khép rất kín thế bao vây, là vu hồi rất xa, là bao vây hai vòng (bao vây kép). Nghệ thuật bao vây này có hình thức của hợp vây chiến dịch và hợp vây chiến lược.

Trong nhiều chiến dịch tiến công, Quang Trung đã vận dụng cách đánh đột phá kết hợp với bao vây vu hồi một cách thành thạo, nhuần nhuyễn, có một trình độ cao. Ông rất có tài về đánh thành, về đột phá công sự vững chắc. Phần lớn các trận thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đều là đánh thành như đánh thành Bình Định, thành Gia Định (Sài Gòn), thành Phú Xuân (Huế), thành Thăng Long.

Về kỹ thuật đánh thành và chiến thuật đánh thành của Quang Trung tài liệu còn ít, chưa sưu tầm được hết, sự hiểu biết về vấn đề này còn ít. Căn cứ vào một ít tài liệu, có thể đề ra một số vấn đề nghiên cứu về kỹ thuật đánh thành, thì Quang Trung đã sử dụng thang ván để vượt thành, con lăn, con cúi, khiến mộc đề chống tên nỏ và thuốc súng để diệt sinh lực và phá tường thành, v.v. Về sử dụng các phương tiện này thì có thể tập trung vào các mũi công phá chủ yếu, đề phá vỡ sự chống cự và vỏ cứng (tường thành, công sự) của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho đột phá. Về chiến thuật thì đột phá nhiều hướng nhiều mũi. Trong trận Thăng Long, khi địch đang phải tập trung đối phó với hướng Ngọc Hồi ở trên đường số 1, thì mũi tiến công theo đường số 6 của Đê đốc Long đánh ngay vào Khương Thượng rồi phát triển tiến công chọc sâu ngay vào đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị, đánh vỡ ngay thế trận của địch, làm cho quân đội của Tôn Sĩ Nghị bị hỗn loạn. Bộ tham mưu và bản thân Tôn Sĩ Nghị cũng không còn cách đối phó và phải tháo chạy.

Đánh công thành, đột phá là một chiến thuật khó, là một nghệ thuật cao. Quang Trung có sở trường, có tài năng về môn này. Do đó mà ông có quyết tâm cao, tin tưởng vào việc tiêu diệt địch, tin vào chắc thắng và thắng lợi nhanh chóng.

Trong cuộc chiến tranh đời nhà Trần, trình độ đánh công thành còn yếu. Cách đánh đột phá vào thành quách chưa phát triển. Về bao vây vu hồi thì có một số trận, có trình độ cao. Trận Chương Dương — Thăng Long (1285), mũi đánh vào thành Thăng Long là một mũi vu hồi rất đẹp. Mũi đó là một thế trận vu hồi cơ nằm trong thế trận chung. Mũi đó có mối liên hệ chặt chẽ với mũi (hướng) chính; lợi dụng thời cơ khi mũi chính tiêu diệt lực lượng chủ yếu của địch mà trong thành Thăng Long sơ hở thì kịp thời đánh vào hậu phương, vào sau lưng

dịch đề hiệp đồng với hướng chính, tạo ra thắng lợi chung to lớn. Trận Bạch Đằng (1288), Trần Hưng Đạo đã bao vây chặt được đạo quân Ô Mã Nhi, tiêu diệt toàn bộ đạo quân đó và bắt sống tướng chỉ huy Ô Mã Nhi. Cách bao vây ở đây, ngoài các cánh quân ở hai bên bờ sông và ở thượng lưu ra, thì còn có một thế trận bao vây bằng hàng rào cọc lim ở miền hạ lưu sông Bạch Đằng cùng với một số binh lực nhỏ. Hàng rào ngăn chặn cọc lim này là thế chặn đầu, lại vừa là một thế bao vây ở mặt đầu đạo quân của địch; nó nằm trong thế trận bao vây chung. Trận tiến công phục kích với thế bao vây chặt bằng mưu sâu này rất đẹp — Nó đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng thời Lê Lợi, chiến cục mùa đông 1427 có một thế trận bao vây chiến lược rất lớn, phức tạp, nhưng rất hay nên đã tiêu diệt được đạo quân Liễu Thăng và đạo quân Vương Thông.

Bao vây, vụ hồi ở đây không phải chỉ là trong phạm vi chiến dịch, đánh vào một mục tiêu chiến dịch, một khu vực chiến dịch mà là đánh vào nhiều mục tiêu, đối tượng chiến dịch, trong một thế trận chiến lược chung, trên một địa bàn chiến lược rộng lớn.

Trong thế trận bao vây chiến lược chung, có mấy thế trận bao vây cục bộ. Thế trận bao vây đạo quân Vương Thông ở trong thành Đông Đô — Nhiệm vụ của thế trận này là không cho Vương Thông chạy thoát ra khỏi thành đi về hướng Hà Bắc, hoặc đi về hướng Vĩnh Phú, đề sau khi tiêu diệt được đạo quân Liễu Thăng thì sẽ dụ hàng hoặc là đánh tiêu diệt. Thế trận bao vây này tương đối đơn giản. Thế bao vây ở hướng chính đánh đạo quân Liễu Thăng có phần phức tạp hơn. Bao vây ở đây có bao vây mai phục diệt địch ở Chi Lăng, cố chặn đuôi phía Lạng Sơn, và cắt đường lương thảo, chặn đoàn quân tiếp viện. Thế chặn đầu thì có mũi chặn trực tiếp của chiến dịch ở Chi Lăng. Ngoài ra còn có mũi chặn đầu xa, có ý nghĩa

chiến lược ở Xương Giang. Mũi chặn đầu ở Xương Giang vừa là thế chặn đầu, vừa là thế chia cắt chiến lược giữa đạo quân Liễu Thăng với đạo quân Vương Thông ở Đông Đô. Do có thế bao vây chặt chẽ, kín chắc, nhiều tầng như thế nên Lê Lợi đã chia cắt được Liễu Thăng với Vương Thông; cô lập được Vương Thông, và khép chặt được Liễu Thăng mà tiêu diệt ở trên hai khu quyết chiến Chi Lăng và Xương Giang. Ở khu quyết chiến Chi Lăng, Lê Lợi không tiêu diệt hết được đạo quân Liễu Thăng. Số còn lại tháo chạy về Xương Giang. Nhờ có mũi chặn đầu—mũi bao vây trước mặt ở Xương Giang nên đã chặn được đạo tàn quân đó lại, tạo điều kiện tốt cho lực lượng ở các hướng khác cơ động đến bao vây tiêu diệt nốt.

Lịch sử chiến tranh trên đây chứng tỏ thế trận tốt là một thế trận có thể đột phá và bao vây vu hồi tốt. Hai thành phần này là hai thế trận của một thế trận chung, có mối liên hệ chặt chẽ, tác động hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một sức mạnh chung, thành những mũi đánh mạnh, sắc, nhọn, hiểm, vào toàn bộ đội hình của địch, vào tất cả mọi bộ phận của đội hình địch, không cho địch có điều kiện cơ động, xoay chuyển thế trận, không cho địch có điều kiện chống đỡ, đối phó hoặc tháo chạy mà phải chịu đề bị tiêu diệt hoàn toàn.

Đột phá là một nghệ thuật rất khó, nhưng bao vây vu hồi cũng không phải là giản đơn, là một vấn đề rất phức tạp. Có nhiều hình thức và kiểu cách bao vây vu hồi. Vấn đề rất quan trọng là bao vây được kín, chắc, làm cho địch ra cũng không được mà vào cũng không được; bao vây được đúng chỗ, đúng lúc. Có thế mới tiêu diệt gọn được quân địch. Bao vây vu hồi có thể hình thành trước khi tiến công hoặc vừa tiến công, đột phá vừa hình thành bao vây vu hồi. Đột phá, bao vây vu hồi là một thủ đoạn tác chiến rất cần thiết và rất hay. Thủ đoạn này đã được

phát triển phong phú, nhiều kiểu cách trong lịch sử chiến tranh của dân tộc ta.

6. VẤN ĐỀ XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG

Xây dựng lực lượng là một vấn đề rất cơ bản trong chiến tranh. Có lực lượng quân sự mới có thể tiến hành chiến tranh được. Cái cơ sở, cái nguồn của lực lượng quân sự là ở nhân dân. Chiến tranh giải phóng, chiến tranh chống xâm lược là dựa vào sức mạnh của nhân dân. Các cuộc chiến tranh giải phóng và chống xâm lược của dân tộc ta ở những thế kỷ trước tuy do giai cấp phong kiến lãnh đạo nhưng cũng được nhân dân ủng hộ và tham gia, vì họ nêu được ngọn cờ độc lập dân tộc. Một cuộc chiến tranh giải phóng, chống xâm lược của một nước nhỏ chống lại một nước lớn thì điều kiện nhân dân tham gia là vô cùng quan trọng, là quyết định. Việc tổ chức và xây dựng lực lượng trong một cuộc chiến tranh như thế thường là chia ra mấy thứ quân, thường là có ba thứ quân cơ bản :

- Quân chủ lực (quân trung ương, hay quân triều đình).
- Quân địa phương (quân các lộ hay quân các vương hầu).
- Dân binh (nghĩa dũng quân hay hương binh).

Việc tổ chức các thứ quân như trên thể hiện được quy luật của việc tổ chức lực lượng vũ trang trong một cuộc chiến tranh chống xâm lược, thể hiện được bản chất của một cuộc chiến tranh có tính chất nhân dân. Đội quân tập trung đặt dưới sự chỉ huy của cơ quan chỉ huy tối cao, cơ động tác chiến trên phạm vi cả nước là đội quân chủ lực. Ở từng khu vực, có lực lượng vũ trang của các lãnh tụ địa phương. Ở từng thôn, xã thì nhân dân đứng dậy đánh địch. Đó là lực lượng vũ trang rộng rãi trong nhân dân.

Trong cuộc chiến tranh đời nhà Trần, khi quân triều đình rút lui, xoay chuyển thế trận, thì quân các lộ và hương binh đánh địch ở các nơi, cả miền núi và miền xuôi cùng nhân dân làm nhà không vườn trống. Do đó đã làm cho địch bị tiêu hao, mệt mỏi, không vợ vét được lương thực, của cải làm cho quân lính địch tinh thần chán nản. Tình hình này tạo điều kiện thuận lợi cho quân chủ lực và tất cả các lực lượng vũ trang tiêu diệt địch.

Trong cuộc chiến tranh của nghĩa quân Lam Sơn, nhân dân nhiều nơi đã hưởng ứng với nghĩa quân nổi dậy đánh địch bằng cách này cách khác. Khi quân chủ lực của nghĩa quân đến đánh địch ở đâu thì quân các lộ và nghĩa dũng quân đều có phối hợp, hiệp đồng tác chiến. Số lượng quân chủ lực của nghĩa quân không nhiều. Các đạo quân, cánh quân chủ lực di tác chiến ở các hướng so với địch thì rất ít. Nhưng do có sự phối hợp, hiệp đồng của quân địa phương và dân binh nên nghĩa quân vẫn có đủ sức mạnh để đánh địch, giành được thắng lợi rực rỡ.

Nguyễn Trãi đã nói đại ý là nghĩa quân Lam Sơn có quân tinh nhuệ, quân các lộ và quân nghĩa dũng. Thời cổ cũng đã có câu: «Ngụ nông ư binh» và câu: «Vừa cày ruộng, vừa đánh giặc». Do tổ chức được các thứ quân như thế, tổ chức được lực lượng vũ trang rộng rãi như thế, nên sức mạnh của chiến tranh được nhân lên gấp bội, đánh địch được khắp mọi nơi, dần được thế trận trong cả nước, đưa địch vào một vòng vây trùng điệp. Tổ chức được các lực lượng quân sự, các thứ quân như trên thì có một sức mạnh rất lớn, có một nguồn vô tận.

Cuộc chiến tranh nhân dân của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong thời đại Hồ Chí Minh, đã thể hiện được cao nhất, toàn diện nhất về ý nghĩa và tính chất này.

Ngoài việc tổ chức các thứ quân ra, thì việc tổ chức lực lượng vũ trang thành các binh chủng và thành các

đơn vị tác chiến cũng rất quan trọng. Trong lực lượng vũ trang cần tổ chức các đơn vị tác chiến để thực hành các trận đánh có ý nghĩa về chiến dịch và chiến lược.

Căn cứ theo yêu cầu của tác chiến, căn cứ vào khả năng và căn cứ vào sự phát triển của chiến tranh mà tổ chức các đơn vị tác chiến lớn, vừa hoặc nhỏ. Giai đoạn đầu của chiến tranh, trong thời kỳ đánh du kích thì đơn vị tác chiến thường là nhỏ, rồi tiến dần lên các đơn vị vừa và đến giai đoạn cuối của chiến tranh trong thời kỳ đánh tập trung, vận dụng chiến lược phản công và tiến công, đánh những đòn tập trung lớn thì có thể tổ chức các đơn vị lớn.

Trong cuộc chiến tranh mà bên kháng chiến đã có một nhà nước, đã có một quân đội tập trung, chính quy thì có thể tổ chức ngay được những đơn vị vừa và lớn.

Quy luật giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh là quy luật của tiêu diệt chiến lược. Đó là quy luật có tính chất phổ biến. Có tiêu diệt chiến lược, tiêu diệt chiến lược quyết định mới giành được thắng lợi hoàn toàn và triệt để trong chiến tranh. Tiêu diệt chiến lược càng lớn, càng có ý nghĩa quyết định thì thắng lợi càng nhanh. Trong một hoàn cảnh, điều kiện nào, tiêu diệt nhỏ và tiêu hao chiến lược lớn rộng rãi cũng có thể giành được thắng lợi chiến lược. Nhưng lúc nào, thời cơ nào thì thực hành tiêu diệt chiến lược là phải căn cứ vào sự so sánh lực lượng giữa hai bên, căn cứ vào thế và lực của hai bên mà quyết định, không thể theo ý muốn chủ quan. Muốn tiêu diệt chiến lược thì cần tổ chức các đơn vị lớn hoặc tương đối lớn để tổ chức các chiến dịch, thực hành đánh tiêu diệt các đơn vị chiến dịch và chiến lược của địch, giành thắng lợi chiến dịch, chiến lược và thắng lợi chiến lược quyết định. Các đơn vị này là các đạo quân, các tập đoàn chiến lược. Các đơn vị chiến lược phụ trách từng hướng

chiến lược, từng địa bàn chiến lược. Nó là lực lượng đề tổ chức các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược.

Trần Hưng Đạo đã tổ chức các đơn vị chiến lược và các tập đoàn chiến lược đề thực hành phản công và tiến công chiến lược. Trên các hướng tiến công chiến lược của quân địch, Trần Hưng Đạo đều tổ chức các đạo quân lớn, nhỏ, đề đánh ngăn chặn quân địch, còn đại quân thì bố trí ở địa bàn cơ động đề chuẩn bị tạo thời cơ phản công.

Khi phản công, các đạo quân được triển khai trên một số hướng, bắt đầu phản công trên từng hướng rồi liên tục, kế tiếp ở hướng khác. Đạo đại quân thì dừng chân ở địa bàn chiến lược cơ động, sẵn sàng di chuyển về hướng chủ yếu đề đánh đòn chiến lược quyết định.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285), Trần Hưng Đạo dàn một đạo quân ở hướng Lạng Sơn, một đạo quân ở hướng Quảng Yên, một đạo quân ở hướng Nghệ An đề chặn đánh các mũi tiến công của địch, còn đại quân thì thời kỳ đầu tập trung ở hướng Lạng Giang — Vạn Kiếp. Khi bắt đầu phản công thì đạo quân của Trần Nhật Duật thực hành phản công trên hướng sông Hồng, tiêu diệt và đánh tan đạo quân Toa Đô. Cuộc phản công thứ nhất trên hướng quan trọng này đã tạo điều kiện, thời cơ cho cuộc phản công thứ hai. Cuộc phản công thứ hai do tập đoàn chiến lược chủ yếu của Trần Hưng Đạo đảm nhiệm, lúc đó đóng ở hướng Ninh Bình — Thanh Hóa, thực hiện việc tiêu diệt đạo quân Thoát Hoan (tập đoàn chiến lược chủ yếu của quân xâm lược) ở Chương Dương — Thăng Long, giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến.

Đến cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288), Trần Hưng Đạo cũng bố trí các đạo quân đề đánh địch trên các hướng tiến quân của chúng. Đại quân bố trí ở địa bàn cơ động. Khi bắt đầu phản công, đạo quân thứ nhất của nhà Trần đánh tiêu diệt đạo quân Ô Mã Nhi ở sông Bạch Đằng. Sau

đạo quân thứ hai đánh kế tiếp luôn đạo quân Thoát Hoan ở vùng Vạn Kiếp.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng thời Lê Lợi, đến giai đoạn phản công chiến lược (1426), đội quân chủ lực đã được phát triển, Lê Lợi cũng tổ chức các đơn vị chiến lược — các đạo quân — tung ra hoạt động, tiến vào địa bàn chiến lược chủ yếu của quân nhà Minh để tác chiến tiến công tiêu diệt địch. Các đạo quân đó hoạt động ở trên một số hướng chiến lược, địa bàn chiến lược, ở miền Bắc Bộ và xung quanh Đông Đô.

Đạo quân thứ nhất gồm khoảng trên 3.000 quân hoạt động ở vùng Sơn Tây, Ninh Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang. Nhiệm vụ của đạo quân này là tiêu diệt địch và mở rộng vùng giải phóng ở phía tây Đông Đô, vùng tây Bắc Bộ, lập một bàn đạp để bao vây và tiến công Đông Đô, đồng thời dàn một thế trận để chặn đường tiếp viện của địch từ Văn Nam sang.

Đạo quân thứ hai gồm khoảng 4.000 quân hoạt động ở vùng Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Giang. Nhiệm vụ của đạo quân này là tiêu diệt địch và mở rộng vùng giải phóng ở phía đông và phía bắc Đông Đô, vùng đông, đông bắc và vùng nam của Bắc Bộ, ngăn chặn quân Minh từ Nghệ An, Thanh Hóa rút về Đông Đô bằng đường sông Hồng và chặn quân tiếp viện từ Quảng Tây sang.

Đạo quân thứ ba gồm khoảng 2.000 quân hoạt động ở phía nam thành Đông Đô. Còn đại quân của Lê Lợi thì đóng ở vùng Thanh Hóa.

Các đạo quân này cùng với quân các lộ (quân địa phương) và nghĩa dũng quân (dân binh) đã hoàn thành được nhiệm vụ chiến lược, tiêu diệt địch, giải phóng được nhiều vùng đất đai rộng lớn, mở rộng, phát triển được lực lượng kháng chiến và đã tạo ra được thế trận có lợi để tiến hành cuộc quyết chiến cuối cùng đạt thắng lợi vào mùa đông 1427. Chiến cục mùa đông 1427, trên cơ sở

thắng lợi đã giành được trong một năm phản công vào năm 1426, bộ tham mưu nghĩa quân cũng tổ chức các đơn vị chiến lược, tập đoàn chiến lược để đánh những đòn chiến lược quyết định.

Ở Đông Đô, có đơn vị chiến lược bao vây Vương Thông. Ở Lào Cai có đơn vị chiến lược đánh ngăn chặn đạo quân Mộc Thạnh từ Vân Nam sang. Ở Chi Lăng và Xương Giang có tập đoàn chiến lược chủ yếu đánh tiêu diệt đạo quân Liễu Thăng.

Thời Quang Trung, trong chiến dịch tiến công Thăng Long, Quang Trung cũng đã tổ chức và triển khai được các đơn vị chiến lược, các tập đoàn chiến lược tác chiến trên nhiều hướng.

Tập đoàn chiến lược chủ yếu — đại quân gồm ba đạo quân — phụ trách hướng tiến công chủ yếu, đánh thẳng vào Thăng Long. Các hướng khác do các đơn vị chiến lược khác phụ trách, cùng hiệp đồng tiến công ở bên sườn, sau lưng và đường rút chạy của địch.

Qua những dẫn chứng chiến tranh trên đây, có thể thấy trong các cuộc chiến tranh trước kia, để tiêu diệt chiến lược khác nhau thì có thể tổ chức các đơn vị chiến lược và tập đoàn chiến lược. Các đơn vị chiến lược và tập đoàn chiến lược mới có khả năng đánh tiêu diệt lớn, giải phóng và giữ vững những địa bàn chiến lược. Trên chiến trường cả nước có tổ chức được một số đơn vị chiến lược và tập đoàn chiến lược mới có thể căng địch, phân tán địch ra trên các hướng, mới có thể tiến công địch trên nhiều hướng, tiến công địch một cách liên tục kế tiếp, tiêu diệt chiến lược quân địch một cách dồn dập, làm cho địch xoay sở không kịp, không kịp hồi phục, lực lượng bị suy yếu một cách nhanh chóng, gây nên sự thay đổi so sánh lực lượng một cách nhanh chóng có lợi cho ta.

Vấn đề quan trọng là tiến công chiến lược một cách liên tục kế tiếp, hướng này kế tiếp hướng khác hoặc tiến

công đồng thời ở trên nhiều hướng đạt được tiêu diệt chiến lược một cách dồn dập, liên tục, tạo ra thời cơ liên tục, tạo ra thời cơ mới, thời cơ sau lớn hơn thời cơ trước thắng lợi sau lớn hơn thắng lợi trước. Tiến công nhiều hướng, nhưng vẫn có thể tập trung được một số đơn vị chiến lược thành tập đoàn chiến lược chủ yếu vào hướng trọng điểm để đánh những đòn có tính chất quyết định. Có nhiều đơn vị chiến lược, tập đoàn chiến lược, tiến công địch trên nhiều hướng một cách kế tiếp hoặc đồng thời mới có sự phối hợp chiến trường, có sự hỗ trợ lẫn nhau, tạo được thời cơ cho nhau để tiêu diệt địch một cách dễ dàng, nhanh, gọn. Tờ chức được nhiều tập đoàn chiến lược mới có lực lượng hùng hậu, dẻo dai, đánh được dài hơi, dai sức và linh hoạt. Các tập đoàn chiến lược có thể dàn ra tuyến trước trên một số hướng thành một thế đội tác chiến, hoặc có thể dàn ra phía trước một vài tập đoàn chiến lược thành thế đội 1, còn một tập đoàn lớn thì để ở tuyến sau làm thế đội 2, khi có thời cơ hoặc có tình huống mới sử dụng.

Tờ chức hai thế đội chiến lược thì việc sử dụng lực lượng và hành động tác chiến có thể được chủ động và linh hoạt hơn, hơi sức sẽ vững bền hơn, dẻo dai hơn. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) thời nhà Trần, trong bố trí chiến lược của Trần Hưng Đạo, có thể nêu ý kiến là thế trận chiến lược đó do hai thế đội chiến lược dàn quân trên các hướng chiến lược tờ chức thành. Tập đoàn chiến lược Trần Nhật Duật đánh đạo quân Toa Đô ở trên sông Hồng và một số đơn vị khác ở trên một số hướng khác là thế đội 1. Đại quân của Trần Hưng Đạo đóng ở Ninh Bình — Thanh Hóa là thế đội 2.

Sau khi thế đội 1 tiêu diệt và đánh tan đạo quân Toa Đô, tạo ra được thời cơ chiến lược mới, thì Trần Hưng Đạo liền sử dụng thế đội 2 chiến lược tiến ra, đánh đạo quân Thoát Hoan ở Thăng Long, Chương Dương, dứt

điêm về chiến lược. Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288), thế đội 1 chiến lược đánh địch ở Bạch Đằng và Vạn Kiếp, thì đại quân (thế đội 2) vẫn còn đóng quân ở tuyến sau trên địa bàn chiến lược cơ động là Thái Bình và Hải Hưng. Sau khi đã tạo ra được thời cơ chiến lược, Trần Hưng Đạo liền tung thế đội 2 ra tăng cường cho thế đội 1 ở các hướng Bạch Đằng và Vạn Kiếp đề kiên quyết tiêu diệt triệt để quân thù.

Thời cơ sử dụng thế đội 2 chiến lược của Trần Hưng Đạo trong cuộc kháng chiến lần thứ ba có sớm hơn trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, nhưng là đúng thời cơ.

Việc sử dụng thế đội 2 chiến lược cũng rất linh hoạt, vừa có thể là đội dự bị, vừa có thể là thế đội 2, có thể có 2 tính chất, làm cả hai nhiệm vụ.

Trong cuộc chiến tranh thời Lê Lợi, năm 1426, ba đạo quân tiến ra miền Bắc Bộ đề hoạt động là có tính chất thế đội 1 chiến lược. Còn đại quân của Lê Lợi đóng ở Thanh Hóa là có tính chất thế đội 2 chiến lược.

Chiến cục mùa đông 1427, các đạo quân ở Lê Hoa, Đông Đô, Chi Lăng có tính chất là thế đội 1, còn đại quân của Lê Lợi đóng ở Bắc Ninh thì vừa có tính chất là một đội tổng dự bị chiến lược, vừa có tính chất là thế đội 2 chiến lược. Trong thực tế sử dụng thì đạo đại quân đó có tính chất là đội tổng dự bị chiến lược.

Tổ chức nhiều tập đoàn chiến lược và bố trí được thành 2 thế đội là một vấn đề rất quan trọng đề tiến công địch được toàn diện, liên tục làm cho địch đối phó bị động, xoay xở khó khăn, suy yếu nhanh chóng mà ta thì chủ động, linh hoạt, bền sức, dẻo dai, nhưng trong một điều kiện hoàn cảnh nào đó, thì tổ chức một thế đội chiến lược cùng đánh tiêu diệt chiến lược lớn quyết định, giành được thắng lợi chiến tranh một cách nhanh chóng. Thực tiễn này đã thể hiện ở thời Quang Trung. Quang Trung thường chỉ sử dụng tập đoàn chiến lược chủ yếu thành

một thế đội chiến lược, đánh một đòn quyết chiến chiến lược là thực hiện được tiêu diệt chiến lược giành được thắng lợi chiến lược quyết định. Trần Thăng Long là một điển hình về vấn đề này.

Tổ chức lực lượng nhỏ, vừa, lớn đánh tập trung hay phân tán cũng phải vận dụng rất linh hoạt, phải có tất cả các quy mô, kiểu cách. Mỗi cái đều có tác dụng, ý nghĩa của nó, không một thứ nào thay thế được tất cả. Mỗi thứ phải bồi bổ, bổ sung cho nhau. Phải vận dụng tổng hợp, toàn diện. Sức mạnh lớn là ở chỗ tổng hợp, toàn diện. Trong phân tán có tập trung. Vừa có nhỏ lại vừa có lớn, nhưng cái trọng điểm vẫn là có tính chất quyết định. Có tập trung lực lượng, chỉ huy thống nhất, công cụ tiến bộ thì năng suất mới cao.

Có tập trung lực lượng, tập trung đấu tranh vào giải quyết những khâu mấu chốt nhất mới giành được thắng lợi quyết định, mới thúc đẩy sự vật phát triển nhanh chóng. Việc tổ chức, xây dựng và sử dụng lực lượng chiến lược là một vấn đề rất cơ bản, rất quan trọng trong chiến tranh. Nó là cơ sở cho việc chỉ đạo chiến lược, chỉ đạo chiến tranh.

Qua các diễn biến về lịch sử chiến tranh trên đây có thể đề ra một vấn đề về quy luật chiến tranh.

Chiến tranh luôn luôn phát triển, không một cuộc chiến tranh nào giống một cuộc chiến tranh nào.

Chiến tranh phát triển rất phong phú, muôn màu muôn vẻ, có nhiều điểm rất khác nhau.

Nhưng chiến tranh vận động là có quy luật. Người ta vẫn có thể nhận thức được chiến tranh, học tập được các kinh nghiệm khác nhau của chiến tranh và chỉ đạo chiến tranh theo quy luật của nó. Chiến tranh cũng như các sự vật khác, vận động là có quy luật; có quy luật chung và quy luật riêng.

Quy luật của chiến tranh là sự vận động có tính chất bản chất của chiến tranh.

Chiến tranh là sự đối chọi giữa hai quân đội, giữa hai quốc gia, hai tập thể quốc gia hoặc hai tập đoàn xã hội. Sự diễn biến và kết quả của sự đối chọi đó (chiến tranh) như thế nào là do nhân tố chính sau đây :

1. Sức mạnh của hai bên tham chiến (vật chất và tinh thần, cả nhân dân và quân đội).

2. Tài năng lãnh đạo, chỉ huy của cơ quan lãnh đạo (gồm cả đường lối chiến tranh và khả năng thực hiện đường lối đó) và trình độ tác chiến của quân đội.

Chiến tranh không thể thoát khỏi hai nhân tố cơ bản trên đây. Hai nhân tố trên cấu thành sự vận động của chiến tranh. Sự vận động của chiến tranh chính là sự vận động của hai nhân tố trên. Đó cũng là điều kiện tồn tại và vận động của chiến tranh. Đó là sự vận động có tính bản chất của chiến tranh. Tìm hiểu quy luật chung của chiến tranh để chỉ đạo chiến tranh chính là tìm hiểu sự vận động của hai nhân tố cơ bản của chiến tranh trên đây.

Sức mạnh của hai bên tham chiến đối chọi nhau là sự quan hệ về so sánh lực lượng hai bên tham chiến. Sự so sánh về lực lượng vật chất là yếu tố khách quan của chiến tranh. Sự chỉ đạo, tính năng động chủ quan là yếu tố chủ quan của chiến tranh.

Lực lượng so sánh giữa hai bên chênh lệch nhau nhiều thì chiến tranh có thể diễn ra một cách khác. Lực lượng so sánh không chênh lệch nhau mấy thì chiến tranh có thể diễn biến một cách khác. Đó là căn cứ vào yếu tố khách quan của chiến tranh mà nói. Nhưng chiến tranh còn phụ thuộc vào cả yếu tố chủ quan nữa, tức là sự chỉ đạo chiến tranh của cơ quan lãnh đạo và trình độ tác chiến của quân đội. Đó là tính năng động chủ quan trong chiến tranh.

Đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, chế độ xã hội tốt đẹp, đoàn kết được toàn dân, phát huy cao độ được tinh thần chiến đấu của nhân dân và quân đội; sự chỉ đạo chiến tranh tài tình, trình độ tác chiến của lực lượng vũ trang tài giỏi là những nhân tố chủ quan của chiến tranh, là sức mạnh cực kỳ to lớn của chiến tranh, là sức mạnh có tính chất quyết định. Lực lượng vật chất yếu, nhưng lực lượng tinh thần mạnh thì sức mạnh tổng hợp vẫn mạnh. Lực lượng vật chất mạnh, nhưng lực lượng tinh thần yếu thì sức mạnh tổng hợp cũng sẽ yếu, hoặc không mạnh.

Đường lối chính trị, chế độ xã hội, sự chỉ đạo chủ quan có khả năng biến tinh thần thành sức mạnh vật chất rất to lớn có tính chất quyết định thắng bại của chiến tranh.

Sức mạnh vật chất là một thành phần cơ bản của chiến tranh. Nó vận động cùng một nhịp, cùng trong một khối thống nhất với sức mạnh tinh thần của chiến tranh.

Nhận thức, nghiên cứu chiến tranh, tìm hiểu quy luật của chiến tranh và chỉ đạo chiến tranh không thể tách rời hai nhân tố cơ bản đó ra được. Chỉ có tổng hợp hai nhân tố đó thành một khối thống nhất, có sự tác động lẫn nhau để nhận thức quy luật của chiến tranh, nhận thức sự vận động của chiến tranh thì mới có thể chỉ đạo chiến tranh một cách đúng đắn được.

Lịch sử chiến tranh của dân tộc ta có những sự diễn biến rất khác nhau. Có cuộc chiến tranh giành thắng lợi trong một thời gian rất ngắn. Có cuộc chiến tranh giành thắng lợi trong một thời gian tương đối ngắn. Có cuộc chiến tranh giành thắng lợi trong một thời gian dài, v.v. Những diễn biến trên đây đều vận động trong một quy luật chung là quy luật của sự so sánh lực lượng và sự chỉ đạo chiến tranh. Những cuộc chiến tranh thời cổ ở nước ta, trong một xã hội mà nền kinh tế còn thuần nhất — kinh tế nông nghiệp — các nhân tố chính trị và xã hội cũng chưa phức tạp; công cụ chiến tranh còn đơn

giản, phương tiện cơ động, phương tiện thông tin còn thô sơ, thì chiến tranh thường kết liễu bằng một số cuộc quyết chiến tuy cũng có những cuộc chiến tranh kéo dài vì có một số điều kiện khác.

Ngày nay, trong thế giới công nghiệp phát triển cao, những nhân tố quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội có nhiều phức tạp, công cụ chiến tranh phát triển cao, phương tiện cơ động và phương tiện thông tin tiến bộ thì chiến tranh diễn ra cũng phức tạp hơn.

Một nước lực lượng vật chất yếu đánh bại một quân đội xâm lược có lực lượng vật chất mạnh thì chiến tranh thường diễn ra lâu dài hơn. Chiến tranh chống xâm lược ít có khả năng giành thắng lợi bằng một vài ba cuộc quyết chiến.

Chiến tranh thời cổ, có thể giải quyết bằng một hình thức tác chiến (vận động chiến), hoặc đánh công thành (trận địa chiến). Chiến tranh ngày nay có thể phải giải quyết bằng nhiều hình thức tác chiến (cả đánh du kích, đánh vận động và đánh trong công sự — đánh trận địa...).

Trên đây là những vấn đề quy luật có tính chất tổng quát của chiến tranh.

*
**

Về nguyên tắc chỉ đạo chiến lược, chiến tranh cũng vận động có quy luật. Muốn giành được thắng lợi trong chiến tranh thì phải phản công và tiến công.

Phòng ngự chỉ là cục bộ và tạm thời. Phòng ngự đơn thuần là con đường chết. Đó là quy luật rất cơ bản của sự vận động của chiến tranh.

Quy luật của phản công và tiến công cũng căn cứ vào thế và lực của hai bên, và căn cứ vào sự chỉ đạo chủ quan của hai bên. Phản công và tiến công không thể vận động ra ngoài quy luật này.

Căn cứ vào các yếu tố, điều kiện trên, phản công và tiến công có thể vận động theo một số quy luật. Phản công và tiến công có thể từ nhỏ đến vừa rồi đến lớn (cuộc chiến tranh thời Lê Lợi). Phản công và tiến công cũng có thể từ vừa đến lớn (cuộc chiến tranh thời Trần Hưng Đạo). Phản công và tiến công có thể bắt đầu đánh lớn ngay (cuộc chiến tranh thời Quang Trung). Phản công và tiến công có thể bắt đầu từ hướng quân địch yếu trước rồi đến hướng quân địch mạnh sau (Lê Lợi và Trần Hưng Đạo). Phản công và tiến công cũng có thể bắt đầu ngay từ hướng quân địch mạnh (Lý Thường Kiệt, Quang Trung).

Các tình huống chiến lược về phản công và tiến công trên đây tuy có khác nhau, nhưng phản công và tiến công vẫn vận động có quy luật. Phản công và tiến công trong các cuộc chiến tranh của các thời kỳ trên xuất hiện được và đều giành được thắng lợi. Nhưng sự xuất hiện về vận động của mỗi cuộc phản công và tiến công có khác nhau. Đó là do điều kiện tồn tại và vận động của nó có khác nhau.

Ở thời Hai Bà Trưng, phản công có xuất hiện, nhưng không tồn tại được. Ở thời Lý Bôn, Triệu Quang Phục, phản công có xuất hiện, rồi bị thủ tiêu; sau đó lại xuất hiện và cuối cùng tồn tại được.

Một sự vật nào nảy sinh được là do có điều kiện cho nó ra đời; có những nhân tố hình thành sự vật đó: Những điều kiện tồn tại của sự vật như thế nào, những nhân tố hình thành sự vật như thế nào thì sự vật xuất hiện như thế. Đó cũng là quy luật tồn tại và vận động của sự vật.

Sự phản công và tiến công trong cuộc chiến tranh thời Lê Lợi xuất hiện từ nhỏ đến vừa rồi đến lớn và ở hướng quân địch yếu trước rồi mới đến hướng quân địch tương đối mạnh, cuối cùng đến hướng quân địch mạnh là phù hợp với quy luật của phản công và tiến công trong cuộc chiến tranh đó. Vì về so sánh lực lượng thì quân đội

cha Lê Lợi ít hơn quân đội của quân xâm lược nhà Minh nhiều.

Nhưng về mặt chính trị, về tinh thần kháng chiến của nhân dân và quân đội, về chỉ đạo chủ quan của bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn, thì quân dân ta thời bấy giờ mạnh hơn hẳn quân xâm lược. Nghĩa quân Lam Sơn có tài thế mạnh hơn quân xâm lược. Do đó mà Lê Lợi thực hành phản công và tiến công được. Nhưng phản công và tiến công phải tiến hành theo một cách phù hợp với thực tiễn chiến tranh đó, phù hợp với điều kiện cụ thể đó.

Nếu cơ quan chỉ đạo chiến tranh không chủ trương phản công và tiến công và không tổ chức phản công và tiến công là không nắm hết được thực tiễn của chiến tranh, không nắm được quy luật của chiến tranh. Nhưng nếu đi ra ngoài thực tiễn và điều kiện cụ thể của chiến tranh là không phù hợp với quy luật. Không phù hợp với quy luật thì phản công và tiến công không thể tồn tại và vận động được.

Trong cuộc chiến tranh do Quang Trung lãnh đạo phản công và tiến công xuất hiện khác với cuộc chiến tranh do Lê Lợi—Nguyễn Trãi lãnh đạo.

Đó cũng là do thực tiễn chiến tranh thời Quang Trung khác thời Lê Lợi. Do điều kiện cụ thể của cuộc chiến tranh, Quang Trung thực hành phản công lớn ngay và ở hướng quân địch mạnh nhất, cũng là phù hợp với thực tiễn chiến tranh, phù hợp với quy luật của phản công và tiến công trong cuộc chiến tranh đó. Về so sánh lực lượng, thì sức mạnh chiến tranh của Tây Sơn không yếu hơn Tôn Sĩ Nghị, mà là tương đương với Tôn Sĩ Nghị. Về chỉ đạo chủ quan thì Quang Trung giỏi hơn Tôn Sĩ Nghị. Do đó mà có thể đánh lớn ngay được và đánh ngay vào được nơi quân địch mạnh nhất.



Phản công và tiến công thể hiện tư tưởng quân sự cách mạng. Phản công và tiến công là nhân tố chủ yếu của thắng lợi trong hoạt động chiến tranh và cũng là quy luật của thắng lợi trong chiến tranh.

Quy luật thắng lợi của phản công và tiến công là quy luật của đánh tiêu diệt.

Đánh tiêu diệt như thế nào để giành thắng lợi? Thắng lợi trong chiến tranh có thể nhanh và có thể chậm.

Về so sánh lực lượng và về chỉ đạo, nếu đánh tiêu diệt được lớn, tiêu diệt được những tập đoàn chiến dịch và chiến lược quan trọng của địch, ở những hướng chiến lược quan trọng thì thắng lợi có thể nhanh (Quang Trung, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo).

Nếu đánh tiêu diệt được nhỏ, phải qua nhiều trận tiêu diệt nhỏ, dần dần tiến lên đánh tiêu diệt được lớn thì thắng lợi sẽ chậm hơn (Triệu Quang Phục, Lê Lợi).

Đó là những quy luật cơ bản của tiến công và phản công để giành thắng lợi trong chiến tranh. Quy luật cơ bản nhất của tiến công và phản công là quy luật của đánh tiêu diệt chiến lược. Quy luật giành thắng lợi chiến tranh cũng là quy luật của đánh tiêu diệt chiến lược. Tóm lại quy luật cơ bản nhất của chiến tranh là quy luật đánh tiêu diệt chiến lược hoặc đánh tiêu diệt có ý nghĩa chiến lược.

Ngoài những quy luật cơ bản đó ra, chiến tranh cũng có thể vận động theo một số quy luật khác. Trong điều kiện nào đó, đánh tiêu diệt nhỏ và vừa cũng có thể giành được thắng lợi trong chiến tranh và cũng có thể giành được thắng lợi tương đối nhanh. Chiến tranh tổng hợp rất nhiều những nhân tố rất phức tạp.

Chiến tranh là sự đấu tranh toàn diện về cả quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa của hai quốc gia, hai tập đoàn đối địch.

Sức mạnh tổng hợp, toàn diện của chiến tranh biểu hiện tập trung nhất trong sự đối chọi của hai lực lượng vũ trang. Nhưng lực lượng vũ trang không thể thoát ra khỏi cái nền của kinh tế và chính trị của chiến tranh.

Ngày xưa trong một xã hội nông nghiệp, ảnh hưởng của kinh tế và chính trị đối với hoạt động quân sự rất quan trọng; nhưng sự quan trọng đó không lớn, không thật nhạy bén như trong một xã hội công nghiệp — Chính trị và kinh tế bao giờ cũng là cái nền, là cơ sở của quân sự — Ngày nay, trong một xã hội công nghiệp phát triển, trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa đang phát triển mạnh mẽ, sự giác ngộ của nhân dân quần chúng đã có một trình độ cao; sức mạnh của nhân dân đã có một tác động lớn đến mỗi hoạt động của xã hội thì tác động của chính trị và kinh tế đối với toàn bộ quá trình hoạt động quân sự là rất lớn. Sự tiến công chính trị của nhân dân quần chúng chống quân xâm lược làm cho sức mạnh tổng hợp của chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh nhân dân chống xâm lược tăng lên rất lớn. Sự tiến công chính trị của nhân dân đối với chính phủ phản động ở trong nước để quốc gây ra chiến tranh xâm lược; sự tiến công chính trị của nhân dân thế giới đối với nước đế quốc xâm lược, làm cho sức mạnh của chiến tranh xâm lược suy yếu đi nhiều.

Cuộc chiến tranh đế quốc xâm lược hao người tốn của gây nên sự khốn quẫn, suy thoái của nền kinh tế trong nước đế quốc cũng làm cho sức mạnh của chiến tranh xâm lược suy yếu đi nhiều.

Do những nhân tố toàn diện của chiến tranh tác động mạnh vào hoạt động quân sự mà những điều kiện giành thắng lợi của chiến tranh trở nên rất phức tạp. Dù sao, quy luật cơ bản của thắng lợi trong chiến tranh vẫn là phương hướng cần nắm vững. Trên cơ sở quy luật cơ

bản đó mà tích cực, triệt để khai thác các điều kiện khác trong chiến tranh.

*
**

Muốn giành được thắng lợi trong chiến tranh thì phải đánh tiêu diệt : đánh tiêu diệt lớn — tiêu diệt chiến dịch và tiêu diệt chiến lược.

Quy luật của đánh tiêu diệt là quyết chiến — quyết chiến chiến dịch và quyết chiến chiến lược.

Có quyết chiến mới có thể tiêu diệt được triệt để quân địch, có tiêu diệt lớn, tiêu diệt triệt để quân địch mới giành được thắng lợi hoàn toàn, thắng lợi triệt để. Đánh phân tán, không kiên quyết thì không có thể tiêu diệt được quân địch, không có thể tiêu diệt lớn, tiêu diệt triệt để được quân địch. Để quyết chiến, cần tổ chức các tập đoàn chiến dịch, chiến lược, tổ chức các chiến dịch và các chiến dịch lớn ở trên một số hướng chiến lược quan trọng.

Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung đều tổ chức một vài tập đoàn chiến lược cơ bản làm lực lượng nòng cốt cơ động trên những hướng chiến lược chủ yếu ; thực hành quyết chiến đánh những đòn tiêu diệt quyết định.

Ngày nay trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại ở thời đại Hồ Chí Minh, quy luật của đánh tiêu diệt và quyết chiến có những phát triển mới.

Chiến tranh ngày nay phát triển rộng lớn và phức tạp hơn. Sức mạnh của nhân dân quần chúng rất lớn. Đánh tiêu diệt và quyết chiến được sự hỗ trợ mạnh mẽ của thế trận chiến tranh nhân dân cách mạng rộng lớn.

Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ nằm trong thế quyết chiến chung rộng lớn của chiến tranh nhân dân vĩ đại.

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ ngày nay, đánh tiêu diệt và quyết chiến lại nằm trong cái thế tiến công và nổi

dậy rộng lớn và mạnh mẽ của toàn dân ở cả 3 vùng chiến lược: rừng núi đồng bằng và đô thị trong cả nước.



Nghiên cứu chiến tranh, học tập chiến tranh đề chỉ đạo chiến tranh.

Một trong những vấn đề rất quan trọng của việc nghiên cứu chiến tranh là nghiên cứu quy luật của chiến tranh. Quy luật của chiến tranh luôn luôn phát triển theo với sự phát triển của chiến tranh. Chiến tranh luôn luôn có những quy luật mới. Trong sự phát triển phong phú của quy luật chiến tranh vẫn tồn tại một số quy luật cơ bản của chiến tranh. Những quy luật cơ bản của chiến tranh cũng vận động trong sự vận động chung, tổng hợp của tất cả các quy luật của chiến tranh.

Quy luật cơ bản có tác dụng chi phối cả quá trình tiến triển của chiến tranh. Vì quy luật cơ bản của chiến tranh là quy luật có tính chất bản chất của chiến tranh; là quy luật của những nhân tố cơ bản cấu thành chiến tranh, là những điều kiện cơ bản tạo thành sự vận động và phát triển của chiến tranh.

Trong cuộc chiến tranh nào, sự so sánh lực lượng giữa hai bên đối chọi nhau và sự chỉ đạo chủ quan của hai bên cũng là rất cơ bản, là những vấn đề quan trọng nhất của chiến tranh. Nhưng trong mỗi cuộc chiến tranh khác nhau, sự so sánh lực lượng và sự chỉ đạo chủ quan lại có những sự thể hiện khác nhau. Có cuộc chiến tranh, sự so sánh lực lượng và sự chỉ đạo chủ quan thể hiện bằng sự đối chọi thuần túy giữa hai quân đội, giữa hai lực lượng vũ trang, thể hiện bằng sự đối chọi có chiến tuyến giữa hai quân đội. Có cuộc chiến tranh, sự so sánh lực lượng và sự chỉ đạo chủ quan thể hiện bằng lực lượng quân đội và

lực lượng nhân dân ở một bên chống lại quân đội chuyên môn nhà nghề của một bên khác; thể hiện bằng một cuộc chiến tranh cải răng lược, không phân rõ chiến tuyến, thể hiện bằng sự tiến công và nổi dậy của cả lực lượng vũ trang và toàn thể nhân dân quần chúng, ở khắp cả 3 vùng chiến lược có một thế trận rộng lớn đã bố trí sẵn trong cả nước.



Năm quy luật chiến tranh đề chỉ đạo chiến tranh là một vấn đề rất quan trọng trong chỉ đạo. Có năm quy luật chiến tranh mới nằm được đường đi và nước bước của chiến tranh.

Năm quy luật chiến tranh là năm những quy luật chung, những quy luật cơ bản của chiến tranh, đồng thời nắm những quy luật phát triển của chiến tranh, những quy luật riêng của chiến tranh.

Có thể mới chỉ đạo được chiến tranh một cách hoàn chỉnh, vững chắc, linh hoạt và sáng tạo.

THAY KẾT LUẬN

« Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là cái vốn quý nhất và là đặc điểm của dân tộc Việt Nam ta trải qua mấy nghìn năm lịch sử. Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc ấy đã hình thành trong nhân dân ta ngay từ khi dựng nước và phát triển trong quá trình đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm. Tò tiên chúng ta đã biết nắm lấy nó, phát huy nó để bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Điều đó cắt nghĩa vì sao dân tộc Việt Nam ta đã lập được những chiến công lẫy lừng trong lịch sử »¹.

« Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trong thời đại hiện nay không những đã vận dụng những kinh nghiệm quý báu nhất của chiến tranh cách mạng của các nước anh em, mà lại đang kế tục và phát triển đến trình độ cao truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta cũng như tinh thần đấu tranh anh dũng và quật cường của các cuộc khởi nghĩa của nông dân ta trước đây. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin quyết không phủ định lịch sử và tinh hoa của một dân tộc ; ngược lại nó càng phát triển những tinh hoa đó lên một trình độ mới...

1. Lê Duẩn — *Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam và nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn trước mắt*. Tạp chí Học tập số 5. Hà Nội, 1967, tr. 16.

Tinh thần quật cường của dân tộc ta, cũng như những tri thức về thao lược của ông cha ta chính đã góp phần xây dựng nên đường lối quân sự và lý luận quân sự của Đảng ta trong điều kiện lịch sử hiện đại »¹. Mấy nghìn năm sống còn và phát triển, chiến đấu quyết liệt và chiến thắng oanh liệt nói rõ: dân tộc Việt Nam là một dân tộc kiên cường và mưu lược, anh dũng và thông minh, bất khuất và sáng tạo. Truyền thống tự lập tự cường, đoàn kết chống giặc, mưu cao mẹo giỏi của Tồ tiên ta là những truyền thống hết sức quý báu, được thế hệ này đến thế hệ khác tiếp thu, kế thừa và phát triển.

Lịch sử dân tộc ta là lịch sử một dân tộc chiến thắng.

Lý Thường Kiệt đã từng đánh thắng một quân đội trên 30 vạn người.

Trần Quốc Tuấn trong 30 năm trời ròng rã đã ba lần đánh thắng một kẻ thù mạnh nhất của thời đại đó trên thế giới, đã oanh liệt đánh một quân đội xâm lược đông đến trên dưới 90 vạn người.

Nguyễn Huệ đã từng chiến đấu quyết liệt, táo bạo, thần tốc, chỉ trong một trận đánh thắng trên 20 vạn quân xâm lược.

Những chiến công vang dội, hiển hách của Tồ tiên ta bao giờ cũng là niềm tự hào chính đáng và kho kinh nghiệm phong phú của toàn dân tộc.

Từ khi có Đảng và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, nhân dân ta từ hai bàn tay trắng vùng lên, đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi, liên tiếp đánh thắng những quân đội xâm lược đông mạnh, có trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân nhất của phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Có đường lối cách mạng đúng đắn sáng tạo lãnh đạo, kết hợp được lợi

1 Võ Nguyên Giáp — *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 151.

ích dân tộc và lợi ích giai cấp, tinh thần cách mạng và sức mạnh đấu tranh của nhân dân ta nhất là của công nhân và nông dân—càng được phát huy triệt để, tài năng càng phát triển và kinh nghiệm đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang càng được tích lũy phong phú, dân tộc ta đã viết nên những trang sử mới hết sức vẻ vang.

Đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn sáng tạo của Đảng của giai cấp công nhân là nhân tố quan trọng bậc nhất quyết định sự thành công của cách mạng nước ta, lại là ngọn đuốc sáng ngời soi đường đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng nói chung và sự nghiệp đấu tranh vũ trang nói riêng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đường lối quân sự của Đảng có sức mạnh vô tận và vô địch vì đó là đường lối chiến tranh cách mạng của nhân dân mà công nhân và nông dân là quân chủ lực, nhằm đánh đổ kẻ thù đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc, mang lại ruộng đất cho nông dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến tranh giải phóng dân tộc triệt để, đường lối của chiến tranh chính nghĩa chống chiến tranh xâm lược phi chính nghĩa của kẻ thù. Đó là đường lối quân sự của Đảng lãnh đạo một dân tộc nhỏ chống lại một kẻ địch mạnh gấp nhiều lần, đã giải quyết thành công một cách hết sức sâu sắc và sáng tạo vấn đề cơ bản là dựa vào ưu thế tuyệt đối về chính trị — tinh thần, dựa vào chính nghĩa, vào sức đoàn kết chiến đấu của nhân dân thì có thể lấy yếu đánh mạnh, biến ưu thế tuyệt đối về chính trị tinh thần thành lực lượng và thành ưu thế vật chất, quân sự; lấy tinh thần cách mạng và lực lượng vật chất của toàn thể dân tộc đánh bại những quân đội xâm lược lớn mạnh của chủ nghĩa đế quốc có trang bị vũ khí hiện đại.

Đường lối quân sự của Đảng là một điển hình thành công rực rỡ của sự vận dụng tài tình và sáng tạo những

nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về chiến tranh cách mạng, về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, về chiến lược, chiến thuật của chiến tranh nhân dân, về xây dựng căn cứ địa cách mạng, v.v. vào thực tiễn cụ thể của nước ta, kết hợp tài tình và sáng tạo kinh nghiệm, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta và có phê phán, có chọn lọc kinh nghiệm chiến tranh cách mạng của các nước anh em.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch kính yêu, nhân dân ta kiên quyết đi theo con đường bạo lực cách mạng mà Đảng đã xác định là con đường đúng đắn duy nhất để đánh đổ kẻ thù, giành chính quyền về tay mình, đưa cách mạng đến thắng lợi. Dưới ngọn cờ của Đảng, nhân dân ta trong một thời kỳ lịch sử ngắn, nổi dậy liên tiếp chiến đấu cực kỳ anh dũng và cực kỳ quyết liệt lập nên những sự tích phi thường.

Nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công quét ngã trên mấy chục vạn quân phát xít Nhật, tên đế quốc mạnh nhất châu Á thời đó, một trong những tên đế quốc mạnh của thế giới tư bản chủ nghĩa.

Nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, đánh thắng nửa triệu quân của thực dân xâm lược Pháp có Mỹ giúp sức, một tên đế quốc cáo già, đã từng thống trị gần một thế kỷ trên đất nước ta.

Ngày nay, nhân dân ta đã và đang ghi những chiến công oanh liệt nhất, vẻ vang nhất trong lịch sử của dân tộc, liên tiếp đánh thắng mọi mưu đồ xâm lược của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, mạnh nhất của phe đế quốc chủ nghĩa, tên hung nô của thời đại ngày nay.

— Đã đánh thắng chính sách xâm lược thực dân kiểu mới với những thủ đoạn cò truyền của chúng.

— Đã đánh thắng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" với trên nửa triệu quân nguy dưới sự chỉ huy của 3 vạn "cố vấn Mỹ".

— Đã và đang tiến tới hoàn toàn đánh thắng chiến lược «chiến tranh cục bộ» với trên 1 triệu 20 vạn quân Mỹ, nguy và quân chủ hầu ở miền Nam.

— Đồng thời đã chiến thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của chúng ở miền Bắc, đập nát ưu thế của «không lực hiện đại» và «hải quân hiện đại» Huế Kỳ.

Đó là những sự tích thần kỳ của thời đại.

Những sự tích phi thường, những chiến công kỳ diệu đó chứng tỏ đường lối chính trị của Đảng là tất thắng, đường lối quân sự của Đảng là vô địch.

Lá cờ «Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược» của Hồ Chủ tịch đã được toàn dân, toàn quân ta giương cao, chỉ đạo nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Dưới lá cờ vẻ vang tất thắng đó, chúng ta hoàn toàn tin tưởng chiến tranh nhân dân của dân tộc Việt Nam anh hùng và thông minh chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ nhất định sẽ toàn thắng.

PHẦN PHỤ LỤC

BÀI HỊCH TUỞNG SĨ CỦA TRẦN QUỐC TUẤN

Ta thường nghe : Kỳ Tín¹ đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu² chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương ; Dục Nhượng³ nuốt than báo thù cho chủ ; Thân Khoái⁴ chặt tay cứu nạn cho nước ; Kinh Đức⁵, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ; Cảo Khanh⁶, một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thân nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có ? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây :

Vương Công Kiên⁷ là người thế nào ? Tì tướng của ông, Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào ? Mà giữ thành Diệu Ngư⁸ nhỏ như cái đầu, chống với quân Mông Kha⁹ đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đời ơn sâu. Cốt Đãi Ngột Lang¹⁰ là người

thế nào ? Tỳ tướng của ông là Xích Tu Tư lại là người thế nào ? Mà xông vào chỗ lam chương xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu trong vài tuần, khiến cho quân tướng đời Nguyên, đến nay vẫn còn lưu tiếng tốt.

Hướng chỉ ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường. Uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ. Thác mệnh Hốt Tất Liệt¹¹, mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham không cùng; giả hiệu Văn Nam Vương¹², mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi đề tai vạ về sau ?

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa¹³ ta cũng cam lòng.

Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm ; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng ; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa ; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhân hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức ; nghe nhạc Thái thường để đãi yến¹⁴ nguy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con ; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh ; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng

hát. Nếu có giặc Mông Cồ tràn sang thì cựa gà trống không thề đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thề dùng làm mưu lược nhà binh ; dẫu rằng ruộng làm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc ; và lại vợ biu con rịn, việc quân cơ trăm sự ích chi ; tiền của tuy nhiều khôn mua được dẫu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù ; chén rượu ngon không thề làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thề làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp¹⁵ của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất ; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổn ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị dầy xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên ; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng chẳng khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui chơi phỏng có được không ?

Nay ta bảo thật các người : Nền nhớ câu « đặt mỗi lửa vào dưới đồng cùi »¹⁶ là nguy cơ, nên lấy điều « kiêng canh nóng mà thối rau nguội »¹⁷ làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên ; khiến cho người người như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ¹⁸ ; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết¹⁹, làm rửa thịt Văn Nam Vương ở Cáo Nhai²⁰. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chần, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão ; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm ; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người, trăm năm về sau, tiếng vẫn lưu truyền ; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các người cũng sử

sách lưu thom. Lúc bấy giờ, dầu các người không muốn vui chơi phỏng có được không?

Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là « Binh thư yếu lược ». Nếu các người biết chuyên tập sách này theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ²¹; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ diễm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy bảo quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi dẹp yên quân giặc, muốn đời đề thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

Chú thích :

1. Kỳ Tín : tướng của Hán Cao tổ. Lúc Cao tổ bị Hạng Vũ vây. Kỳ Tín giả làm Cao tổ ra hàng, bị Hạng Vũ giết, nhân thế Cao tổ thoát nạn.

2. Do Vu : tướng của Sở Chiêu Vương (dời Xuân Thu). Lúc Chiêu Vương lánh nạn, bị kẻ cướp đâm. Do Vu chĩa lưng che chở.

3. Dự Nhượng : gia thần của Trí Bá (dời Chiến Quốc) khi Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng nuốt than cho khác giọng giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử báo thù cho chủ.

4. Thân Khoái : người đời Xuân Thu, một viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công. Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái chết theo.

5. Kinh Dực : tức Uất Trì Cung, đời Đường, đã đánh tháo vòng vây Vương Thế Sung, lấy mình che đỡ, hộ vệ cho Đường Thái Tông thoát nạn.

6. Cáo Khanh : tức Nhân Cáo Khanh — khi An Lộc Sơn khởi loạn đánh Đường Minh Hoàng, Cáo Khanh mang Lộc Sơn, bị giặc cắt lưỡi mà vẫn không khuất phục.

7 và 8. Diêu Ngư : tên một trái núi rất hiểm trở ở Tứ Xuyên, đời Tống, Dư Giới có đắp thành ở đó. Khi Kiên và Lạp đóng giữ, Mông Kha (tướng Mông Cỗ) kéo quân đến đánh không được.

9. Mông Kha : anh của Hốt Tất Liệt, tức vua Hiến Tông nhà Nguyên.

10. Cốt Đãi Ngột Lang : một tướng giỏi của Mông Cổ đã từng đem quân đi đánh lấy nước Nam Chiếu (Nam Chiếu là một nước trước kia ở vào khoảng giữa 2 tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam) đóng đô ở Đại Lý, Vân Nam

11. Hốt Tất Liệt : tên vua Thế tổ nhà Nguyên.

12. Vân Nam Vương : tức là Thoát Hoan, con thứ 9 của Hốt Tất Liệt được phong ở đất Vân Nam.

13. Gối trong da ngựa : lấy ý câu nói của Mã Viện đời Hán : « Lâm trai phải đánh đông dẹp bắc, đầu chết ở chiến trường lấy da ngựa bọc thây cũng đành lòng ».

14. Yến : đặt yến tiệc thiết giãc. Nhạc Thái thường đời Trần chỉ dùng trong những dịp lễ tiết lớn, lúc ấy phải dùng đồ tiếp sứ thần của giãc. Hưng Đạo Vương lấy điều ấy làm điều nhục lớn.

15. Thái ấp : phần đất vua phong cho quý tộc.

16. Đặt mồi lửa : theo nghĩa câu của *Hàn thư*, đại ý : « ôm mồi lửa mà đặt dưới đồng củi, rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên ».

17. Kiềm canh nóng : theo một câu ở *Sổ từ*, đại ý « kẻ sợ canh nóng thường hay thổi cả rau nguội ».

18. Bàng Mông, Hậu Nghệ : hai nhân vật bán cung giỏi thời xưa, chép trong thần thoại Trung Quốc.

19. Cửa khuyết : cửa lớn ở hoàng cung.

20. Cáo Nhai : nơi dinh ngự của các vua man di khi vào châu vua nhà Hán ở Tráng An (Trung Quốc).

21. Thân chủ : bề tôi và chúa. Đây là nói về quan hệ giữa lãnh chúa thái ấp và gia tướng, gia nô. Trần Quốc Tuấn là một trong những lãnh chúa lớn.

Dịch và chú thích
của Bùi Văn Nguyên

xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tùy theo thời cơ mà chế biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh lính như cha con một nhà, mới có thể dùng dè chiến thắng được. Và lại, phải bớt dùng sức dân dè làm cái kế thâm căn cố đế, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn». Nhà vua rất phục lời trình bày của Quốc Tuấn là đúng.

Trích trong bản dịch
Việt sử thông giám cương mục

1. Ý nói Quốc Tuấn mất.

2. Một binh chủng chuyên dùng giáo mác đánh giặc, khác với trường binh là binh chủng đánh giặc bằng cung tên.

3. Ở địa phận tỉnh Giang Tây, tức là núi Đại Dũ, nơi xung yếu giữa tỉnh Giang Tây và Quảng Đông, trên núi trồng nhiều cây mai nên gọi tên là Mai Lĩnh.

4. Trường trận cũng như trường binh, xem chú thích trường binh, đoàn binh ở trên.

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO¹

NGUYỄN TRÃI

(dịch)

Thay trời làm việc, Hoàng thượng nghĩ rằng :
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân ;
Quân điều phạt trước là khử bạo.
Như nước Đại Việt,
Đất văn hiến xưa,
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần, dựng nền độc lập²,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, đều chủ một phương³.
Tuy cường nhược có lúc khác nhau,
Mà hào kiệt bao giờ cũng có.
Cho nên Lưu Cung tham công to mà chịu tai vạ⁴ ;
Triệu Tiết ham việc lớn mà chóng bại vong⁵.
Toa Đô bị bắt ở Hàm Tử quan⁶ ;
Ô Mã lại chết ở Bạch Đằng hải⁷.
Việc xưa xét lại bằng chứng rõ ràng.
Gần đây nhân họ Hồ chính sách hiền hòa,
Khiến trong nước nhân tâm oán hận.
Quân Minh cường bạo, thừa dịp hại dân ;
Đảng ngụy gian tà, manh tâm bán nước.
Thui dân đen trên lò bạo ngược,
Vùi con đỏ dưới hố tai ương.
Lừa chúng, dối trời, kẻ giờ đủ muôn nghìn khoe ;

Động binh, gây hấn, ác chứa gần hai chục năm.
Dù điều bại hoại nghĩa nhân, chẳng còn trời đất ;
Hết cách vét vơ thuế má, nhẵn sạch núi đầm.
Lên núi đào vàng, xông lam chướng đẽ phá rừng dải cát ;
Ra khơi mò ngọc, vấp giao long mà lặn biển dòng dáy.
Nhiều dân, bầy đặt bắt hươu đen ;
Hại vật, lưới dăng lòng chả biếc.
Dù thảo mộc, còn trùng cũng không thỏa sống ;
Đến khốn cùng quan quả cũng chẳng yên thân.
Rút máu mủ sinh linh, lũ kiệt kiệt miệng răng nhơn béo ;
Đủ công trình thồ mộc, chỗ công tư nhà cửa nguy nga.
Chôn hương thôn sưu dịch nặng nề ;
Trong làng xóm cửi canh bỏ phế.
Tát khô nước Đông hải, khôn rửa sạch tanh hôi ;
Chê hết trúc Nam sơn, khó ghi đầy tội ác.
Thần nhân thấy đều căm giận ;
Trời đất lẽ nào dung tha.
Ta đây, phát tích đất Lam Sơn, nương thân nơi hoang dã⁸.
Nghĩ khó đội trời cùng quân địch ;
Thề không chung sống với giặc thù.
Nhức óc, đau lòng đã mười năm lẻ,
Năm gai, nếm mật, há một ngày đau.
Phát tức quên ăn, thường nghiền kỹ những pho thao lược ;
Ngẫm nay suy trước, đã xét cùng mọi lẽ hưng vong.
Chỉ ở đồ hồi⁹, ngày đêm không nhãng.
Đương lúc nghĩa binh mới dấy,
Chính khi thế giặc đương hăng.
Ngặt vì nhân tài lác dác lá thu.
Tuần kiệt lựa thừa sao sớm.
Việc bốn tàu thiếu người sai phái,
Nơi trưởng môn ít kẻ đỡ đần.
Vì chung lòng cứu lẽ dân, những bực tức mà miền đông
muốn rudi¹⁰ ;
Bời vậy xe chờ hiền giả, vẫn thiết tha mà bên tả dề không.

Thế mà mong người tài vẫn như trông biển mịt m
Làm điều nhân kịp hơn cứu người đắm đuối.
Giận hung đồ vẫn chưa tiêu diệt ;
Lo quốc vận còn phải gian truân.
Khi Linh Sơn lương cạn mấy tuần¹¹ ;
Lúc Khôi Huyện quân không một lữ¹² ;
Ấy trời muốn thử ta đề trao nhiệm vụ ;
Nên ta càng cố chí đề vượt gian nan.
Nêu hiệu, gây làm cờ, tụ tập khắp bốn phương

Thết quân, rượu hòa nước, dưới trên đều một h

Yếu chống mạnh, hay đánh bất ngờ ;
Ít địch nhiều, thường dùng mai phục
Rút lại, thắng hung tàn bằng đại nghĩa ;
Thay tàn bạo lấy chí nhân.
Trận Bồ Tát như chớp giật sấm ran¹⁶ ;
Trận Trà Lân tựa tro bay trúc chẻ¹⁷ .
Cho nên sĩ khí càng hăng hái ;
Cho nên quân thanh rất lấy lòng.
Trần Tri, Sơn Thọ mấy tên, nghe hơi hết vía¹⁸ ;
Phương Chính, Lý An một lữ, nín thở thoát th
Thừa thắng ruổi tràn, Tây Kinh đã trở về ch
Tuyên quân tiến thắng, Đông Đô lại thu hết c
Trận Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh m
Trận Tốt Động thây phơi đầy nội, đề thối ngh
Tâm phúc giặc, Trần Hiệp phải bêu đầu²² ;
Sâu một dân, Lý Lượng cũng bỏ mạng.
Vương Thông nhảy sang đánh gở, thua lại thêm
Mã Anh kéo đến cứu nguy, tức càng thêm tức.
Giặc chí cùng lực kiệt, bó tay chờ chết đến nơi ;
Ta mưu phạt tâm công, không đánh mà người phải
Văn tướng giặc tất thay lòng và đổi ý ;
Nào ngờ chúng lại gây nghiệt đề chuốc tai.

Cố chấp kỷ kiến định gieo vạ cho người ta ;
Tham công một thời dề mua cười với thiên hạ.
Đề khiến trẻ ranh Tuyên Đức, độc vũ quá chừng²⁵;
Lại sai tướng nhất Liễu Thăng, thêm dầu chữa cháy.
Năm Đinh Vĩ tháng chín, Liễu Thăng dẫn quân do Khâu
On tiến sang²⁶;
Lại năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường tự Vân
Nam kéo đến.
Ta đã phục binh giữ hiềm, đập gãy tiên phong ;
Sau lại sai tướng chẹn ngang, cắt ngăn lương đạo.
Ngày mười tám Liễu Thăng đã Chi Lăng thua kẻ ;
Ngày hai mươi Liễu Thăng lại Mã Yên bỏ thây²⁷.
Ngày hăm lăm Lương Minh trận hăm phải bỏ mình ;
Ngày hăm tám Lý Khánh kế cùng mà thất cò.
Ta cứ đưa dao là phăng toạc cả ;
Chúng liền quay giáo mà đánh lộn nhau.
Ta đã thêm quân bốn mặt vây thành²⁸;
Lại hẹn giữa tháng mười diệt giặc.
Bèn tuyên những quân hùm gấu ;
Lại sai các tướng vuốt nanh.
Voi uống mà cạn hết nước sông ;
Gươm mài mà khuyết mòn đá núi.
Đánh trận đầu sạch sanh kinh ngạc ;
Đánh trận nữa tan tác chim muông.
Lỗ kiến xoi dề vỡ phá tung ;
Gió mạnh thổi lá khô trút sạch.
Thôi dồ đốc gối quỳ phục tội,
Hoàng thượng thư tay trối nộp mình²⁹.
Lạng Sơn, Lạng Giang thầy ngã đầy đường ;
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.
Sắc phong văn phải biến dời,
Ánh nhật nguyệt phải lu mờ.
Quân Vân Nam nghẽn ở Lê Hoa, sợ mà vỡ mặt³⁰;
Quân Mộc Thạnh tan nơi Cần Trạm³¹, chạy dề tháo thân.

Máu chảy đầy đồng, Lãnh Câu nọ nước trôi áp úc ;
Thấy chông thành núi, Đan Xá kia cỏ nội thấu hồng.
Cứu binh hai lộ kéo sang, chưa quay chân đã bại ;
Cường khấu các thành khiếp sợ, đều cúi gối rầu rầu.
Tướng giặc bắt tù, xin thương hại vẫy đuôi cầu sống.
Vũ thần chẳng giết, lấy khoan hồng thề bụng hi hòng.
Bọn Phương Chính, Mã Kỳ, được cấp năm trăm thốn da
vượt biên vẫn hồn kinh phách động.
Lũ Vương Thông, Mã Anh, được cho mấy nghìn ngựa đã
về nước còn ngực đập chồm chồm.
Chúng đã sợ chết xin hòa, thực thà cầu sống ;
Ta muốn toàn quân làm cốt, ngồi nghỉ cùng dân.
Chẳng những mưu kế cực sâu xa,
Cũng là cớ kìm chưa nghe thấy.
Xả tặc từ nay bền vững,
Sơn hà bởi đó đẹp tươi.
Một áng kiên khôn, bĩ rồi lại thái ³² ;
Đội vàng nhật nguyệt, hối mà lại minh ³³.
Đề mở nền muôn thuở thái bình,
Đề rửa nỗi nghìn thu hồ thẹn.
Thực cũng là nhờ trời đất, tổ tông thiêng liêng
mới được như thế.
Ôi ! một tấm nhung y ³⁴, đẹp phăng giặc giã
công vô cạnh ³⁵ từ đây.
Bốn bề phẳng lặng, sạch hết đục nhơ, tuyên bố mệnh
duy tân khắp nước.
Mấy lời bá cáo thiên hạ nghe tường.

Chú thich:

1. Tháng 12 năm Đinh Vị, 1427, những tên giặc Ng... cuối cùng
đều phải rút khỏi nước ta, sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất
nước đã kết thúc thắng lợi. Cuối tháng 12 năm ấy, Lê Lợi sai
Nguyễn Trãi viết bài « Bình Ngô đại cáo » này đề công bố cho
toàn dân biết thắng lợi rực rỡ của sự nghiệp diệt giặc, cứu nước,
mở ra một thời kỳ độc lập, thái bình mới.

2. Triệu (nhà Triệu thành lập nhà nước Nam Việt từ 207 – 111 trước công nguyên; Đinh (968 – 979); Lý (1010 – 1224); Trần (1226 – 1399). Thực ra nhà Triệu đã lập nên ở Nam Việt không phải là một triều đại của nước ta, ngược lại chính Triệu Đà đã xâm lược và thống trị nước ta trong khoảng thời gian từ 180 – 111 trước công nguyên. Trong sử sách cũ của ta thường chép nhà Triệu như một triều đại phong kiến dân tộc. Đó là một sai lầm lớn cần chấn chỉnh lại.

3. Hán (204 – 220 trước công nguyên), Đường (618 – 907), Tống (960 – 1279), Nguyên (1260 – 1368) là những triều đại phong kiến ở Trung Quốc.

4. Lưu Cung sau đổi gọi là Lưu Nghiêm, vua Nam Hán, sai thái tử Hoàng Thao sang lấn nước ta, bị Ngô Quyền đánh đuổi.

5. Triệu Tiết, tướng nhà Tống, cùng Quách Quỳ đem quân sang lấn nước ta bị Lý Thường Kiệt nhà Lý đánh đuổi.

6. Toa Đô, tướng nhà Nguyên, sang đánh nước ta về thời Trần bị thua chết ở Hàm Tử quan (theo sử thì bị chết ở Tây Kết, Hưng Yên).

7. Ô Mã Nhi, tướng nhà Nguyên, sang đánh nước ta về thời Trần và bị bắt sống ở trận Bạch Đằng và chết ở cửa Bạch Đằng.

8. Lam Sơn là nơi quê hương của Lê Lợi và cũng là nơi phát tích của cuộc khởi nghĩa, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

9. Đồ hồi là mưu toan khôi phục lại đất nước.

10. Hán Bái Công bảo Tiêu Hà rằng « Ta cũng muốn sang miền đông đây, sao lại rầu rĩ ở đây lâu mãi được ư ? » (Hán Thư, truyện Hán Tín).

11. Linh Sơn là núi Chi Linh. Mỗi tuần là 10 ngày, mỗi tháng chia làm 3 tuần: thượng tuần, trung tuần, hạ tuần. Ở đây nghĩa quân 3 lần bị bao vây rất nguy khốn, riêng lần bị bao vây thứ 3 (1423) nghĩa quân bị thiếu lương thực trong hơn 2 tháng.

12. Khôi Huyện hay Khôi Sách là một địa điểm ở miền thượng du Thanh Hóa. Ở đây, đầu năm 1423, nghĩa quân bị quân Minh bao vây rất gấp, nên phải hy sinh liều chết phá vòng vây mới thoát khỏi nơi « tử địa » ấy như Lê Lợi đã nói. Lữ là một đơn vị quân đội theo biên chế xưa có 500 người.

13. Trong bài văn của Giả Nghi có câu « Yết can vi kỳ ». Giờ gậy tre làm cờ. Ý nói với vàng khôi sự, chỉ kịp giờ cao cái gậy tre làm như cờ đề làm hiệu triệu.

14. Mạnh lệ: Mạnh – dân cây ruộng; lệ – kẻ hèn. Mạnh lệ – trò nhân dân.

15. Xưa khi Sở với Tần đánh nhau, có người dâng vua Sở một chài rượu. Vua muốn quân sĩ cùng hưởng, nhưng rượu không thể khắp được. Vua Sở bèn đổ rượu xuống sông, mọi người múc uống, sĩ tốt cảm ơn huệ rồi hết sức đánh.

16. Bồ Tát hay Bồ Đằng là một địa điểm ở Thanh Hóa, Quý Châu, tỉnh Nghệ An, năm 1424 trên đường tiến quân, nghĩa binh đã phục kích đánh bại một đạo quân Mi.

17. Trà Lân nay là huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, 12 năm Giáp Thìn (1424), nghĩa binh hạ được thành Trà gọi là Con Cuông).

18 và 19 Trần Trí, Sơn Thọ, Phương Chính, Lý An, nhà Minh ở Thanh Hóa, Nghệ An, đã bị nghĩa binh đánh nhiều lần.

20. Tây Kinh hay Tây Đô là thành nhà Hồ ở huyện Thanh Hóa.

21. Tốt Động (có sách chép là Tuy Động), một địa điểm thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Ở đây, tháng 10 năm Nhâm Thìn (1426) nghĩa binh đã phục kích tiêu diệt phần lớn đạo quân của Vương Thông vừa mới kéo sang.

22. Trong trận Tốt Động nghĩa quân đã giết chết t. Trần Hiệp và nội quan Lý Lương.

23. Năm 1426, nhà Minh cử Vương Thông làm tổng đốc Mã Anh làm tham tướng chỉ huy 5 vạn viện binh Đông Quan. Đạo viện binh này bị đại bại ở trận Tốt Động.

24. Mưu phạt là dùng mưu lược để đánh thua kẻ công là lấy đức trị mà đánh đỡ lòng giặc.

25. Tuyên Đức là niên hiệu vua Tuyên Tông (1426) nhà Minh.

26. Khâu Ôn thuộc tỉnh Lạng Sơn.

27. Mã Yên hay Đảo Mã ở xã Mai Sao thuộc Ôn, tỉnh Lạng Sơn, Liễu Thăng bị giết chết tại sườn núi Mã Yên này.

28. Sau khi thất bại ở Chi Lăng, bọn Hoàng Phúc phải thu quân tiến về phía thành Xương Giang, nhưng đã về tay nghĩa binh, nên quân Minh phải đóng quân gần lũy đề tự vệ. Lê Lợi điều động đại quân tới bao vây tiến công quyết liệt vào tháng 10 năm ấy.

29. Ngày 15 tháng 10 năm Đinh Vị (1427) quân Minh ở Xương Giang bị đại bại, đô đốc Thôi Tự, thượng thư Hoàng F bắt sống.

30. Ải Lê Hoa trước thuộc Tuyên Quang, sau bị mất vào miền Mông Tự, thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Đoạn sông Hồng ở huyện Mông Tự còn có tên là sông Lê Hoa. Vậy ả Lê Hoa có lẽ cũng nằm trên lưu vực sông Hồng gần biên giới Việt - Trung. Đạo viện binh của Mộc Thạnh bị chặn đánh ở Lê Hoa và khi nghe tin đạo quân Liễu Thăng bị đại bại thì kinh sợ, bỏ chạy tán loạn*.

31. Cần Trạm có sách chép là Thang Trạm, cùng với Lãnh Cầu hay Lãnh Thủy, Đan Xá là những địa điểm ở gần ả Lê Hoa, ở những nơi đó nghĩa binh đã thừa thắng truy kích đánh thắng địch những trận lớn**.

32. Kiền khôn bĩ rồi lại thái: ý nói đất nước qua cơn loạn lạc, rồi trở lại cảnh thái bình.

33. Hối là tối, minh là sáng.

34. Nhưng y: quân phục mặc ra trận. Thiên Vũ Thành ở *Kinh Thư* có câu: «Nhất nhung y, thiên hạ đại định» ý nói một khi mặc nhung y dẹp loạn lạc, thì thiên hạ được bình định ngay.

35. Vô cạnh là không địch được. Thơ «Chấp cạnh» trong *Kinh Thi* có câu: «Vô cạnh duy liệt» (công không ai địch được). Ý nói lên cái công đánh được nhà Thương là công to, không ai địch nổi.

Dịch và chú thích
của bản dịch *Quán trung từ mệnh tập*

* Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì cửa Lê Hoa và sông Lô đều thuộc Tuyên Quang. Tuyên Quang thời xưa bao gồm tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang bây giờ. Như vậy, Lê Hoa có thể là một cửa ải ở phía biên giới Hà Giang, giáp sông Lô, không phải ở phía biên giới Lào Cai - Mông Tự, giáp sông Hồng. (Nhà xuất bản QĐND).

** Cần Trạm thuộc vùng Kép - Cần Dinh bây giờ, phía trên thị xã Bắc Giang khoảng 20 ki-lô-mét - Cầu chính nằm trong Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi có nghĩa là «Quân Mộc Thạnh nghe tin quân Liễu Thăng bị thua ở Cần Trạm...» Không phải quân Mộc Thạnh bị thua ở Cần Trạm, (Nhà xuất bản QĐND).

BÀI PHÚ NÚI CHÍ LINH

Rồng thiêng vùng dậy bay Lam kinh,
Giáo trời chỉ thẳng ải Bắc thành.
Sáng nghiệp, nên công khó nhọc,
Núi sông miền Tây anh linh.
Ôi! Vua ta gồm tài thành võ,
Việc bốn phương ra sức kinh doanh,
Vận nước gian truân, lòng khở nghĩ rành.
Xem cơ trời đã có phần quyết đoán,
Chắc thành công bền luyện chí sắt danh.
Vì thế nên ngày nay mới hóa HỒ, Việt thành anh hùng,
mà núi này được ngàn thuở lưu danh.

Đương lúc :

Nghĩa binh mới dấy, thế giặc đang hăng,
Anh hùng trong nước, cây gậy mùa sương.
Chí nuốt giặc Ngô ư ? ai Chung, ai Lãi ?
Muốn xây nghiệp Hán ư ? ai Bình, ai Lương ?
Vua ta còn ẩn giấu ở núi này, chỉ nướ

Đông Sơn.

Vợ con lưu li, sĩ tốt tan hoang.

Tuy xử cảnh khốn mà lòng càng thư thái,
lại hẳn được

Mặc quân phục dè làm áo, ăn rễ rau dè làm lương.

Chí tha thiết tình bề khôi phục, lòng bản kh

chứ

Tướng núi này trong lúc ấy há chẳng như Hán Cao Tô
còn ở núi Mang Đường đó ư?

Bởi vì:

Biết thế địch, biết sức mình, khi nhượng bộ; khi tăng
cường.

Chờ thời cơ đến khi thuận lợi, giấu oai hùng chẳng để
hở hang.

Nằm gai chẳng quản, ném mật là thường,

Lo rửa thẹn xưa nghìn thuở, đề phục đất cũ bốn phương.

Tướng núi này lúc bấy giờ, há chẳng phải như đất

Cối Kê còn làm chỗ ăn náu cho Việt Vương đó ư?

Thế rồi:

Thu thập tàn quân, nuôi dưỡng ân cần,

Trong sửa chiến cụ, ngoài vờ hòa thân.

Tung vàng mộ lính, giết voi khao quân,

Mọi người đều thân mến người trên mà liều chết, những
lo đem sức lực đề đền ân.

Khi bay giờ:

Luyện quân và chọn tướng, quyết thắng ra chước hay;

Sống nhục thác vinh, biết quân ta vững chí;

Lương thực, khí giới, lấy của giặc đề xài.

Kế vạn toàn sắp sẵn, tên một mũi không rơi.

Cầm bành cúi đầu mà nộp đất, Phương Chính khiếp
vía mà chạy dài.

Bèn cứ hiềm mà lập công, lại nhiều cách đề lừa người.

Lừa đốt ban đêm, cờ giảng ban ngày.

Trận Đỗ Gia lấn đất đề giành tiện lợi nơi ấy,

Trận Khả Lưu qua sông đánh đắm quân thủy bên này.

Sấm ran chớp giật, trúc chẻ tro bay.

Chu Kiệt bỏ cũi, Hoàng Thành phơi thây.

Hạ thành Nghệ An đã làm toàn vẹn,

Thắng tới Tây Đô chỉ trong phút giây.

Cơm nước dọc đường đón rước,

Đi lại tấp nập vui vầy.

Hào kiệt còn nghiêng răng cắn giặc ;
 Phụ lão đều khóc xưa mừng nay.
 Uy thanh quân ta ngày càng lừng lẫy ;
 Dịch binh bị động chống đỡ đỡ dấy.
 Trần Thị Kiều như tờ kiến vỡ khi dề sạt ;
 Trần Tốt Động như cây khô bị gió to lay.
 Trần Hiệp, Lý Lượng, hùm xuống hãm sâu c
 Vương Thông, Mã Kỳ, cá trong vạc sôi sánh t
 Non sông muôn dặm thu phục,
 Chợ búa Đông Đô chẳng thay.
 Dương lúc bấy giờ, chẳng phải giống như Hán
 đuổi quân Sở ở đất Cai Hạ, bốn mặt bao và
 Có sao bọn giặc diên rồ, lòng tham không
 viện binh sang c
 Lấy đầu chữa cháy, tai vạ xem chơi.
 Liễu Thăng nộp mạng mà Chi Lăng máu chảy
 Mộc Thạnh trốn chạy mà Lãnh Kinh xương c
 Cứu binh hai đường, thua liềng xiềng kh
 Thành giặc các xứ ra đầu hàng chẳng giọt
 Nguyên đuổi van lạy, thảm thiết thương thay ;
 Dương lúc bấy giờ há chẳng giống như Câu
 vua Ngô ở Cô Tô
 Tuy vậy :
 Hán Cao Tổ quy mô xa rộng, chính giống c
 đức của vua ta
 Còn Câu Tiễn chỉ có cái chí phục thù đáng
 vua ta muôn mệ
 Đến như :
 Thần vũ không giết, đức lớn hiếu sinh.
 Nghĩ kế quốc gia trường cửu, tha ngay
 Hai nước dốc lòng hòa hiếu, muôn đời dập m

«Toàn quốc» trên hết lo sự yên lành.
Vậy thì đức thịnh vua ta, Hán Cao Tồ làm sao sánh
kịp, sẽ cùng hai đế ba vương mà lừng danh!
Than ôi! Xưa qua nay lại, trăm đời khá suy.
Vua Nghiêu trước làm Đường hầu, vua Thuấn nguyên
xưa hàn vi.
Thành Thang khởi binh từ đất Bạc, Thái Vương thiên
dồ sang núi Kỳ.
Vi nhiều nạn là gốc dựng nước ở đó, mà lo âu là nền
mở thánh từ đây.
Trải biến nhiều thì trí lự sâu, tính việc xa thì thành
công kỳ.
Đế vương nôi lên, ai cũng thế này.
Thế thì sự nghiệp vua ta, thực từ nay mà xây dựng;
Và công cao đức thịnh vua ta, há chẳng cùng núi này
vội vội muôn thì!
Bèn chấp tay cúi đầu mà hiến bài ca rằng:
Trời sinh thánh hoàng, đất dấy nghiệp vương.
Kiền khôn mờ ám, gặp vận phi thường.
Trông núi này cao ngất, nghĩ đến ngày xưa gian khổ,
Nhớ vương nghiệp xây nên, quên lãng sao đang.
Xin ghi thịnh đức, khắc vào đá đề truyền bất hủ;
Suốt nghìn đời và muôn đời, cùng trời đất mà trường thọ.

Bản dịch trong
Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi

MỤC LỤC

- LỜI NHÀ XUẤT BẢN
- VIỆT NAM, DÂN TỘC ANH HÙNG

Phần thứ nhất

MỘT SỐ CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG LỊCH SỬ

- | | |
|--|----|
| I — Chiến tranh tự vệ thời Lý chống Tống
(1075 — 1077) | 16 |
| II — Ba lần chiến tranh tự vệ thời Trần chống
Nguyên (1258 — 1285 — 1288) | 22 |
| III — Cuộc kháng chiến chống quân Minh của
nhà Hồ (1407) | 26 |
| IV — Chiến tranh giải phóng thời Lê chống Minh
(1418 — 1427) | 39 |
| V — Chiến thắng oanh liệt của Nguyễn Tây Sơn
tiêu diệt quân xâm lược nhà Thanh (1789) | 49 |

Phần thứ hai

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC TA

- | | |
|---|----|
| I — Tinh thần yêu nước nồng nàn tự lập, tự
cường, quật cường bất khuất | 54 |
| II — Tinh thần đoàn kết | 60 |

	Trang
III — Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh xuất sắc	74
IV — Truyền thống về vàng, di sản quý báu	112
V — Mấy bài học kinh nghiệm về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh	122

THAY KẾT LUẬN

PHẦN PHỤ LỤC

— Bài hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn	186
— Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo) trả lời nhà vua	191
— Bình Ngô đại cáo	
Nguyễn Trãi	193
— Bài phú núi Chí Linh	201